**BẢNG SO SÁNH**

**Luật HKDDVN năm 2006 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) và Dự thảo Luật HKDDVN (thay thế)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Luật HKDD Việt Nam**  **năm 2006, sửa đổi 2014** | **Dự thảo Luật HKDDVN thay thế** | **Thuyết minh** |
| 1 | *Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội khoá X, kỳ họp thứ 10;*  *Luật này quy định về hàng không dân dụng* | *Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*  *Quốc hội ban hành Luật Hàng không dân dụng Việt Nam.* |  |
| 2 | CHƯƠNG I  **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**  **Điều 1.** **Phạm vi điều chỉnh**  1. Luật này quy định về hoạt động hàng không dân dụng, bao gồm các quy định về tàu bay, cảng hàng không, sân bay, nhân viên hàng không, hoạt động bay, vận chuyển hàng không, an ninh hàng không, trách nhiệm dân sự, hoạt động hàng không chung và các hoạt động khác có liên quan đến hàng không dân dụng.  2. Luật này không quy định về hoạt động của tàu bay công vụ, bao gồm tàu bay quân sự, tàu bay chuyên dụng của lực lượng hải quan, công an và các tàu bay khác sử dụng cho mục đích công vụ nhà nước, trừ trường hợp tàu bay công vụ được dùng vào mục đích dân dụng hoặc những trường hợp khác được Luật hàng không dân dụng Việt Nam quy định. | CHƯƠNG I  **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**  **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**  Luật này quy định về hoạt động hàng không dân dụng, bao gồm các quy định về tàu bay, cảng hàng không, nhân viên hàng không, hoạt động bay, vận tải hàng không thương mại, hàng không chung, hàng không chuyên dụng, an toàn hàng không, an ninh hàng không, trách nhiệm dân sự và các hoạt động khác có liên quan đến hàng không dân dụng. | - Nội dung được kế thừa và bổ sung nhằm khẳng định lại phạm vi điều chỉnh của Luật: quy định về hoạt động hàng không, bao gồm các lĩnh vực quản lý theo quy định của Công ước Chicago năm 1944 về Hàng không dân dụng và các hoạt động khác có liên quan đến hàng không dân dụng (ví dụ: hoạt động của tàu bay công vụ). |
| **3** | **Điều 2. Đối tượng áp dụng**  1. Tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động hàng không dân dụng tại Việt Nam .  2. Tổ chức, cá nhân Việt Nam hoạt động hàng không dân dụng ở nước ngoài, nếu pháp luật của nước ngoài không có quy định khác.  3. Tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động hàng không dân dụng ở vùng thông báo bay do Việt Nam quản lý.  Vùng thông báo bay là khu vực trên không có kích thước xác định mà tại đó dịch vụ thông báo bay và dịch vụ báo động được cung cấp. |  | - Không quy định, lý do: các tổ chức, cá nhân có hoạt động hàng không dân dụng tại Việt Nam hoặc có liên quan đến Việt Nam có thể là đối tượng áp dụng của Luật này, theo phạm vi điều chỉnh của Luật. |
| **4** | **(chưa có)** | **Điều 2. Giải thích từ ngữ**  Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:  1. An ninh hàng không là bộ phận của an ninh quốc gia, được tiến hành bằng việc kết hợp sử dụng các biện pháp, nhân lực và nguồn lực vật chất nhằm bảo vệ hoạt động hàng không dân dụng, phòng ngừa và chống lại các hành vi can thiệp bất hợp pháp.  2. An toàn hàng không là trạng thái mà trong đó các rủi ro liên quan đến hoạt động khai thác tàu bay được giảm thiểu, kiểm soát và đáp ứng mục tiêu theo chương trình an toàn hàng không dân dụng quốc gia Việt Nam.  3. Cảng hàng không là khu vực xác định bao gồm sân bay và các công trình, trang thiết bị phục vụ hoạt động hàng không.  4. Chuyến bay quốc tế là chuyến bay có ít nhất một điểm cất cánh hoặc hạ cánh ngoài lãnh thổ của Việt Nam.  5. Chuyến bay nội địa là chuyến bay có tất cả các điểm cất cánh và điểm hạ cánh trong lãnh thổ của Việt Nam.  6. Công trình thiết yếu của cảng hàng không là hệ thống các công trình tối thiểu thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, đảm bảo cảng hàng không có thể được đưa vào và duy trì khai thác.  7. Dịch vụ hàng không là dịch vụ liên quan trực tiếp đến khai thác tàu bay, hoạt động bay, khai thác cảng hàng không.  8. Dịch vụ phi hàng không là dịch vụ cung ứng tại cảng hàng không, trên tàu bay nhưng không thuộc dịch vụ hàng không.  9. Doanh nghiệp cảng hàng không là doanh nghiệp tổ chức thực hiện kinh doanh cảng hàng không.  10. Đường hàng không là khu vực trên không có giới hạn xác định về độ cao, chiều rộng và được kiểm soát.  11. Giám sát an toàn hàng không là hoạt động được thực hiện bởi Nhà chức trách hàng không nhằm đảm bảo các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực hàng không dân dụng tuân thủ theo quy định về an toàn hàng không.  12. Giám sát an ninh hàng không là hoạt động được thực hiện bởi Nhà chức trách an ninh hàng không nhằm đảm bảo các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực hàng không dân dụng tuân thủ theo quy định về an ninh hàng không.  13. Kết cấu hạ tầng hàng không bao gồm kết cấu hạ tầng cảng hàng không và kết cấu hạ tầng bảo đảm hoạt động bay.  Kết cấu hạ tầng cảng hàng không là các công trình phục vụ cho hoạt động khai thác cảng hàng không bao gồm sân bay, các công trình an ninh hàng không; các công trình cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay, dịch vụ hàng không và các công trình phụ trợ khác.  Kết cấu hạ tầng bảo đảm hoạt động bay là các công trình phục vụ cho hoạt động cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay bao gồm trung tâm kiểm soát đường dài, trung tâm kiểm soát tiếp cận, đài kiểm soát không lưu, các trạm thông tin dẫn đường giám sát và các công trình bảo đảm hoạt động bay khác.  14. Kế hoạch giảm thiểu và bù trừ carbon trong hoạt động hàng không quốc tế (CORSIA) là kế hoạch toàn cầu của Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế (ICAO) để đáp ứng mục tiêu tăng trưởng bền vững gắn với trung hòa carbon trong hoạt động hàng không quốc tế.  15. Nhiên liệu hàng không bền vững (SAF) là nhiên liệu có hiệu quả cao nhất trong việc giảm phát thải CO2 trong hoạt động hàng không dân dụng được sản xuất từ chất thải hoặc từ các nguyên liệu có thể tái tạo được.  16. Người khai thác cảng hàng không là tổ chức được cấp Giấy chứng nhận cảng hàng không.  17. Phép bay là văn bản hoặc hiệu lệnh do người hoặc cơ quan có thẩm quyền cấp, xác định điều kiện và giới hạn được phép hoạt động của tàu bay.  18. Quốc gia của người khai thác tàu bay là Quốc gia mà người khai thác tàu bay đặt trụ sở chính hoặc là Quốc gia nơi thường trú của người khai thác trong trường hợp người khai thác không có trụ sở chính.  19. Quốc gia đăng ký quốc tịch tàu bay là quốc gia nơi tàu bay được đăng ký quốc tịch.  20. Sân bay là khu vực xác định để bảo đảm cho tàu bay cất cánh, hạ cánh và di chuyển.  21. Tàu bay là thiết bị được nâng giữ trong khí quyển nhờ tác động tương hỗ với không khí, bao gồm máy bay, trực thăng, trừ thiết bị được nâng giữ trong khí quyển nhờ tác động tương hỗ với không khí phản lại từ bề mặt trái đất.  22. Vùng thông báo bay là khu vực trên không có kích thước xác định mà tại đó dịch vụ thông báo bay và dịch vụ báo động được cung cấp.  23. Vùng trời sân bay là khu vực trên không có giới hạn ngang và giới hạn cao phù hợp với đặc điểm của từng sân bay; phục vụ cho tàu bay cất cánh, hạ cánh, bay chờ trên sân bay.  24. Văn bản IDERA (Irrevocable De-registration and Export Request Authorisation) là văn bản được ban hành theo quy định của Công ước Cape Town về quyền lợi quốc tế đối với trang thiết bị lưu động và Nghị định thư về các vấn đề cụ thể đối với trang thiết bị tàu bay (sau đây gọi là Công ước và Nghị định thư Cape Town), trong đó chỉ rõ người có quyền yêu cầu xóa đăng ký hoặc xuất khẩu tàu bay.  27. ICAO là tên viết tắt của tổ chức hàng không dân dụng quốc tế có chức năng điều phối các nguyên tắc và kỹ thuật của hàng không quốc tế, thúc đẩy việc lập kế hoạch và phát triển vận tải hàng không quốc tế đảm bảo tăng trưởng an toàn và có trật tự. | - Kế thừa các thuật ngữ chung đang được sử dụng và nằm rải rác ở các Điều khoản tại Luật hiện hành, đảm bảo thuận tiện trong quá trình nghiên cứu, áp dụng pháp luật.  - Đồng thời, bổ sung, sửa đổi một số thuật ngữ theo đúng quy định của Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế ICAO, quy định của pháp luật và thực tiễn quản lý.  + *An ninh hàng không:* bổ sung thuật ngữ phù hợp với Phụ ước 17 Công ước Chicago 1944: Aviation security: Safeguarding civil aviation against acts of unlawful interference. This objective is achieved by a combination of measures and human and material resources. (*An ninh hàng không: Bảo vệ hàng không dân dụng chống lại các hành vi can thiệp bất hợp pháp. Mục tiêu này đạt được bằng sự kết hợp các biện pháp và nguồn lực con người và vật chất.*)  *+An toàn hàng không:* bổ sung thuật ngữ phù hợp với Phụ ước 19: Safety. The state in which risks associated with aviation activities, related to, or in direct support of the operation of aircraft, are reduced and controlled to an acceptable level (*An toàn hàng không là trạng thái mà trong đó các rủi ro liên quan đến hoạt động hàng không, liên quan đến hoặc hỗ trợ trực tiếp cho khai thác tàu bay được giảm thiểu và kiểm soát ở mức an toàn chấp nhận được*)  + *Chuyến bay quốc tế* được sử dụng xuyên suốt trong luật này. Việc quy định rõ chuyến bay quốc tế là chuyến bay có ít nhất một điểm cất cánh hoặc hạ cánh ngoài lãnh thổ của Việt Nam để phù hợp với thực tiễn khai thác, tránh nhầm lẫn với chuyến bay nội địa được thực hiện trên lãnh thổ (bay qua không phận) của quốc gia khác, ví dụ chuyến bay Hà Nội – Phú Quốc.  + *Chuyến bay nội địa:* Việc đưa ra định nghĩa chuyến bay nội địa nhằm phân biệt rõ với chuyến bay quốc tế trong trường hợp chuyến bay có nhiều chặng bay kết hợp quốc tế và nội địa.  *+Công trình thiết yếu của cảng hàng không:* quy định về các công trình phải có và duy trì tại cảng hàng không, theo quy định hiện hành.  *+Doanh nghiệp cảng hàng không:* nhằm phân định rõ doanh nghiệp cảng hàng không và người khai thác cảng.  +*Giám sát an toàn hàng không:* theo quy định tại Annex 19 (C1 Definitions) Safety oversight. A function performed by a State to ensure that individuals and organizations performing an aviation activity comply with safety-related national laws and regulations.(*Giám sát an toàn. Một chức năng do Nhà nước thực hiện để đảm bảo rằng các cá nhân và tổ chức thực hiện hoạt động hàng không tuân thủ luật pháp và quy định quốc gia liên quan đến an toàn*)  +*Giám sát an ninh hàng không:* theo quy định tại Phụ ước 17. An announced or unannounced examination of the effectiveness of the implementation of specific security measures(*Một cuộc kiểm tra có thông báo hoặc không thông báo về hiệu quả của việc thực hiện các biện pháp an ninh cụ thể*.).  *+ Kết cấu hạ tầng hàng không* phù hợp với yêu cầu của ICAO và thực tiễn quản lý.  *+ Kế hoạch giảm thiểu và bù trừ carbon trong hoạt động hàng không quốc tế (CORSIA):* thuật ngữ trong công tác bảo vệ môi trường  *+ Nhiên liệu hàng không bền vững (SAF):*thuật ngữ trong công tác bảo vệ môi trường  *+ Người khai thác cảng hàng không:* nhằm phân định rõ doanh nghiệp cảng hàng không và người khai thác cảng.  *+ Phép bay:* làm rõ nội hàm thuật ngữ đã sử dụng tại Luật hiện hành.  *+ Quốc gia đăng ký quốc tịch tàu bay:* bổ sung theo đúng quy định của Phụ ước 8: State of Registry. The State on whose register the aircraft is entered (*Quốc gia đăng ký. Quốc gia mà tàu bay được ghi vào Sổ đăng ký*).  *+Tàu bay:* thuật ngữ được chỉnh sửa bởi Luật Phòng không nhân dân 2024.  *+Văn bản IDERA:* nội luật hóa Công ước và Nghị định thư Cape Town |
| **5** | **Điều 3. Áp dụng pháp luật**  1. Đối với những quan hệ xã hội phát sinh từ hoạt động hàng không dân dụng không được Luật này điều chỉnh thì áp dụng các quy định pháp luật tương ứng của Việt Nam.  2. Trường hợp có sự khác nhau giữa quy định của Luật này với quy định của luật khác về cùng một nội dung liên quan đến hoạt động hàng không dân dụng thì áp dụng quy định của Luật này.  3. Trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Luật này thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó. | **Điều 3. Áp dụng pháp luật**  1. Đối với những quan hệ xã hội phát sinh từ hoạt động hàng không dân dụng không được Luật này điều chỉnh thì áp dụng các quy định pháp luật khác có liên quan của Việt Nam.  2. Trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Luật này thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó. | Bãi bỏ nội dung trường hợp có sự khác nhau giữa quy định của Luật này với quy định của luật khác về cùng một nội dung liên quan đến hoạt động hàng không dân dụng thì áp dụng quy định của Luật này đểphù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025. |
| **6** | **Điều 4. Nguyên tắc áp dụng pháp luật khi có xung đột pháp luật**  1. Pháp luật của quốc gia đăng ký quốc tịch tàu bay được áp dụng đối với quan hệ xã hội phát sinh trong tàu bay đang bay và áp dụng để xác định các quyền đối với tàu bay.  2. Pháp luật của quốc gia nơi ký kết hợp đồng liên quan đến các quyền đối với tàu bay được áp dụng để xác định hình thức của hợp đồng.  3. Pháp luật của quốc gia nơi thực hiện việc cứu hộ hoặc giữ gìn tàu bay được áp dụng đối với việc trả tiền công cứu hộ hoặc giữ gìn tàu bay đó.  4. Pháp luật của quốc gia nơi xảy ra tai nạn do tàu bay va chạm hoặc gây cản trở nhau, do tàu bay đang bay gây thiệt hại cho người thứ ba ở mặt đất được áp dụng đối với việc bồi thường thiệt hại. | **Điều 4. Áp dụng pháp luật quốc gia và tiêu chuẩn quốc tế về hàng không dân dụng**  1. Pháp luật của quốc gia đăng ký quốc tịch tàu bay được áp dụng đối với quan hệ xã hội phát sinh trong tàu bay đang bay và áp dụng để xác định các quyền đối với tàu bay.  2. Pháp luật của quốc gia nơi ký kết hợp đồng liên quan đến các quyền đối với tàu bay được áp dụng để xác định hình thức của hợp đồng.  3. Pháp luật của quốc gia nơi thực hiện việc cứu hộ hoặc giữ gìn tàu bay được áp dụng đối với việc trả tiền công cứu hộ hoặc giữ gìn tàu bay đó.  4. Pháp luật của quốc gia nơi xảy ra tai nạn do tàu bay va chạm hoặc gây cản trở nhau, do tàu bay đang bay gây thiệt hại cho người thứ ba ở mặt đất được áp dụng đối với việc bồi thường thiệt hại.  5. Tiêu chuẩn, quy trình, quy định, hướng dẫn, chỉ dẫn kỹ thuật, khuyến cáo thực hành của CAO; quy trình, tiêu chuẩn, quy định, hướng dẫn, chỉ dẫn kỹ thuật, khuyến cáo thực hành tiên tiến, hiện đại của các Nhà chức trách hàng không và các tổ chức quốc tế về hàng không dân dụng có uy tín, được ứng dụng rộng rãi trên thế giới được Nhà chức trách hàng không Việt Nam công nhận, áp dụng. | - Kế thừa các quy định ổn định, phù hợp với quy định và thông lệ quốc tế;  - Bổ sung quy định về áp dụng tiêu chuẩn quốc tế, lý do: hàng không dân dụng là ngành công nghiệp tiên tiến, hiện đại mà nhiều hoạt động Việt Nam chưa làm chủ được. Nên việc cho phép áp dụng, công nhận các tiêu chuẩn quốc tế về hàng không dân dụng là cần thiết để theo kịp và kế thừa sự phát triển của hàng không dân dụng quốc tế. |
| **7** | **Điều 5. Nguyên tắc hoạt động hàng không dân dụng**  1. Tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; bảo đảm an toàn hàng không, an ninh hàng không; bảo đảm yêu cầu quốc phòng, an ninh và khai thác có hiệu quả tiềm năng về hàng không phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.  2. Phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển giao thông vận tải; phát triển đồng bộ cảng hàng không, sân bay, hoạt động bay, phương tiện vận tải và các nguồn lực khác; bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.  3. Cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng giữa các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia hoạt động hàng không dân dụng.  4. Mở rộng giao lưu và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực hàng không dân dụng. | **Điều 5. Nguyên tắc hoạt động hàng không dân dụng**  1. Tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; bảo đảm yêu cầu quốc phòng, an ninh và khai thác có hiệu quả tiềm năng về hàng không phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.  2. Quản lý hoạt động bay trong vùng trời Việt Nam, vùng thông báo bay do Việt Nam quản lý đảm bảo an toàn, điều hòa, hiệu quả và bảo đảm quốc phòng, an ninh.  3. Quản lý an toàn hàng không, an ninh hàng không phải theo tiêu chuẩn quốc tế; bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ trong công tác quản lý nhà nước về an toàn hàng không, an ninh hàng không.  4. Phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển giao thông vận tải; phát triển đồng bộ cảng hàng không, hoạt động bay, phương tiện vận tải và các nguồn lực khác; bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu để phát triển bền vững.  5. Cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng giữa các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia hoạt động hàng không dân dụng.  6. Mở rộng giao lưu và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực hàng không dân dụng. | - Kế thừa các nguyên tắc hoạt động hàng không dân dụng, đảm bảo các nội dung về khẳng định chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam; phát triển đồng bộ; cạnh tranh lành mạnh và mở rộng giao lưu quốc tế. Đây là các nguyên tắc cơ bản của hoạt động hàng không dân dụng.  - Sửa đổi, bổ sung các nguyên tắc về quản lý hoạt động bay, quản lý an toàn, an ninh hàng không nhằm làm rõ nét hơn chức năng quản lý nhà nước và hoạt động hàng không dân dụng trong thực hiện nghĩa vụ của quốc gia thành viên của điều ước quốc tế và phù hợp với quy định, thực tiễn tại Việt Nam. |
| **8** | **Điều 6. Chính sách phát triển hàng không dân dụng**  1. Nhà nước ưu tiên đầu tư xây dựng, nâng cấp cảng hàng không, sân bay, các công trình khác thuộc kết cấu hạ tầng hàng không dân dụng để bảo đảm giao thông vận tải bằng đường hàng không phát triển an toàn, hiệu quả và đồng bộ.  2. Nhà nước tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân Việt Nam thuộc mọi thành phần kinh tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài hợp tác, đầu tư trong lĩnh vực hàng không dân dụng.  3. Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi để các hãng hàng không Việt Nam cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng không, khai thác đường bay đến các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng núi, vùng sâu, vùng xa.  5. Nhà nước bảo hộ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia hoạt động hàng không dân dụng.  6. Nhà nước có chính sách bảo đảm điều kiện thuận lợi cho người khuyết tật, người cao tuổi, trẻ em, phụ nữ có thai sử dụng dịch vụ vận chuyển hàng không. | **Điều 6. Chính sách phát triển hàng không dân dụng**  1. Nhà nước có chính sách bảo đảm quyền tự do kinh doanh, bảo đảm cạnh tranh bình đẳng giữa các thành phần kinh tế trong tiếp cận cơ hội kinh doanh và các nguồn lực của nền kinh tế.  2. Nhà nước có chính sách đẩy mạnh huy động các nguồn lực, đa dạng các hình thức, phương thức đầu tư, xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì trong hàng không dân dụng nhằm phát triển kết cấu hạ tầng cảng hàng không hiện đại, kết nối đồng bộ với các phương thức vận tải khác để phát huy hiệu quả đầu tư.  3. Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi để phát triển hoạt động hàng không dân dụng tại các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa, miền núi, biển đảo.  4. Nhà nước bảo hộ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia hoạt động hàng không dân dụng.  5. Nhà nước có chính sách bảo đảm điều kiện thuận lợi cho người khuyết tật, người cao tuổi, trẻ em, phụ nữ có thai sử dụng dịch vụ vận tải hàng không.  6. Nhà nước có chính sách thúc đẩy phát triển công nghiệp hàng không Việt Nam và công nghiệp phụ trợ; đột phá về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu để phát triển bền vững trong hoạt động hàng không dân dụng; đảm bảo năng lực quản lý về hàng không dân dụng theo tiêu chuẩn của ICAO.  7. Nhà nước có chính sách bảo đảm về nguồn lực để thực hiện giám sát an toàn hàng không, an ninh hàng không, điều tra sự cố, tai nạn hàng không theo tiêu chuẩn quốc tế, phù hợp với thực tiễn và nhu cầu phát triển của thị trường hàng không. | - Kế thừa các chính sách về tạo điều kiện phát triển hàng không dân dụng tại các vùng, về bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chủ thể tham gia hoạt động hàng không dân dụng, về bảo đảm điều kiện thuận lợi cho các chủ thể đặc biệt. Đây là chính sách thể hiện Nhà nước thúc đẩy phát triển hàng không dân dụng toàn diện, toàn quốc, không phân biệt đối xử, văn mình, nhân đạo.  - Sửa đổi, bổ sung các chính sách phát triển hàng không dân dụng về quyền tự do kinh doanh, đẩy mạnh huy động các nguồn lực, phát triển công nghiệp và bảo vệ môi trường, bảo đảm các nguồn lực để thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hàng không dân dụng, bảo đảm phù hợp các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước có liên quan đến hàng không dân dụng. |
| **9** | ***(chưa có)*** | **Điều 7. Nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, chuyển giao công nghệ và phát triển công nghiệp hàng không**  1. Việc nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, chuyển giao công nghệ, phát triển công nghiệp hàng không và công nghiệp phụ trợ hàng không phải bảo đảm tiên tiến, hiện đại, phù hợp với chiến lược, quy hoạch phát triển giao thông vận tải và quy định của pháp luật có liên quan.  2. Lộ trình, giải pháp triển khai chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong xây dựng, quản lý, điều hành hoạt động hàng không dân dụng; danh mục sản phẩm công nghiệp hàng không thuộc đối tượng giao nhiệm vụ hoặc đặt hàng và tiêu chí lựa chọn tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam được giao nhiệm vụ hoặc đặt hàng nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ, đầu tư phát triển công nghiệp hàng không thực hiện theo quy định của Chính phủ | Bổ sung mới, quy định nội dung về nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số và phát triển công nghiệp hàng không theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về việc tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. |
| **10** | ***(chưa có)*** | **Điều 8. Cơ sở dữ liệu ngành hàng không dân dụng**  1. Cơ sở dữ liệu ngành hàng không dân dụng là tập hợp dữ liệu số hoá thông tin chuyên ngành hàng không dân dụng do Nhà chức trách hàng không Việt Nam quản lý bao gồm:  a) Cơ sở dữ liệu về phương tiện, người điều khiển phương tiện;  b) Cơ sở dữ liệu về kết cấu hạ tầng;  c) Cơ sở dữ liệu về các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành hàng không; tài liệu hướng dẫn, quy chế an ninh, an toàn hàng không; các văn bản, tài liệu của các tổ chức hàng không quốc tế như ICAO.  d) Cơ sở dữ liệu về kế hoạch - đầu tư, tài chính.  đ) Cơ sở dữ liệu về Thanh tra hàng không.  e) Cơ sở dữ liệu về cảng hàng không, sân bay.  g) Cơ sở dữ liệu về tiêu chuẩn an toàn bay.  h) Cơ sở dữ liệu về quản lý hoạt động bay.  k) Cơ sở dữ liệu về vận tải hàng không.  2. Cơ sở dữ liệu ngành hàng không dân dụng được kết nối, chia sẻ với cơ sở dữ liệu quốc gia và các cơ sở dữ liệu khác có liên quan. | Bổ sung mới, quy định nội dung về nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số và phát triển công nghiệp hàng không theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về việc tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Ngoài ra quy định này nhằm cụ thể hóa chính sách về chuyển đổi số quy định tại khoản 7 Điều 6 dự thảo Luật trên nguyên tắc số hóa công tác quản lý nhà nước, đảm bảo triển khai chính sách Chính phủ điện tử của Nhà nước. |
| **11** | **Điều 7. Bảo vệ môi trường trong hoạt động hàng không dân dụng**  1. Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động hàng không dân dụng phải tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.  2. Tàu bay, trang bị, thiết bị bảo đảm hoạt động bay; trang bị, thiết bị cảng hàng không, sân bay và các trang bị, thiết bị kỹ thuật mặt đất khác phải đáp ứng tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường và được kiểm tra để phòng ngừa và xử lý kịp thời các ảnh hưởng xấu đến môi trường. | **Điều 9. Bảo vệ môi trường trong hoạt động hàng không dân dụng**  1. Bảo vệ môi trường trong hoạt động hàng không dân dụng phải đảm bảo giảm thiểu tác động tiêu cực tới khí hậu; giảm thiểu tiếng ồn của động cơ tàu bay; giảm thiểu tác động của khí thải đối với chất lượng không khí tại cảng hàng không, sân bay.  2. Tàu bay; công trình, trang thiết bị, phương tiện tại cảng hàng không; công trình, trang thiết bị, phương tiện bảo đảm hoạt động bay và các công trình, trang thiết bị, phương tiện khác phục vụ hoạt động hàng không dân dụng phải tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam về bảo vệ môi trường và các thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam là thành viên; phù hợp với lộ trình chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí CO2 trong hoạt động hàng không dân dụng, lộ trình thích ứng với CORSIA và các chính sách phát triển bền vững và nhiên liệu hàng không bền vững (SAF) của các tổ chức, quốc gia trên thế giới. | - Kế thừa các nội dung bảo vệ môi trường nằm tại các Điều khoản ở Luật hiện hành.  - Bổ sung các nội dung mới về bảo vệ môi trường, chuyển đổi năng lượng xanh phù hợp với các cam kết quốc tế tại COP26, các điều ước quốc tế về hàng không dân dụng. |
| **12** | ***(chưa có)*** | **Điều 10. Hợp tác quốc tế về hàng không dân dụng**  Hợp tác quốc tế về hàng không dân dụng phải tuân thủ các nguyên tắc:  1. Bảo đảm độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và lợi ích quốc gia; đáp ứng yêu cầu về hội nhập quốc tế, trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi.  2. Thực hiện trách nhiệm của quốc gia thành viên trong việc bảo đảm an toàn, an ninh hàng không dân dụng trước cộng đồng quốc tế.  3. Thúc đẩy sự phát triển của ngành hàng không dân dụng Việt Nam theo tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế. | - Bổ sung mới trên cơ sở ý kiến của Bộ Ngoại giao, đưa ra các nguyên tắc trong hợp tác quốc tế về hàng không dân dụng phù hợp với tính chất quốc tế sâu rộng của ngành Hàng không dân dụng Việt Nam, các khuyến cáo của ICAO và thực tiễn quản lý nhà nước. |
| **13** | **Điều 12. Các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động hàng không dân dụng**  1. Các hành vi bị nghiêm cấm bao gồm:  a) Sử dụng tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và các trang bị, thiết bị hàng không mà không có giấy phép phù hợp;  b) Thực hiện nhiệm vụ của nhân viên hàng không mà không có giấy phép, chứng chỉ phù hợp;  c) Thả thiết bị, vật dụng hoặc các vật thể khác vào không trung gây ảnh hưởng đến an toàn bay, môi trường và dân sinh;  d) Bay vào khu vực hạn chế bay, khu vực cấm bay trái quy định;  đ) Gây nhiễu, chiếm dụng, khai thác trùng lắp các tần số vô tuyến điện dành riêng cho hoạt động hàng không dân dụng;  e) Làm hư hỏng hệ thống tín hiệu, trang bị, thiết bị, đài, trạm thông tin, điều hành bay, các trang bị, thiết bị khác tại cảng hàng không, sân bay hoặc điều khiển, đưa các phương tiện mặt đất không đáp ứng điều kiện kỹ thuật vào khai thác tại khu bay;  g) Xây dựng công trình kiến trúc, lắp đặt trang bị, thiết bị, trồng cây có khả năng gây ảnh hưởng đến hoạt động bay và hoạt động của các trang bị, thiết bị quản lý vùng trời, quản lý hoạt động bay;  h) Xây dựng trong khu vực cảng hàng không, sân bay, khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay các công trình hoặc lắp đặt các trang bị, thiết bị gây ra nhiều khói, bụi, lửa, khí thải hoặc xây dựng trường bắn hoặc các công trình, lắp đặt các trang bị, thiết bị khác có khả năng ảnh hưởng đến an toàn bay, hoạt động của các trang bị, thiết bị tại cảng hàng không, sân bay;  i) Lắp đặt, sử dụng trong khu vực cảng hàng không, sân bay hoặc khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay các loại đèn, ký hiệu, tín hiệu hoặc các vật thể ảnh hưởng đến việc tàu bay cất cánh, hạ cánh tại cảng hàng không, sân bay hoặc việc nhận biết cảng hàng không, sân bay;  k) Nuôi, thả chim, gia súc, gia cầm trong khu vực cảng hàng không, sân bay;  l) Can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng;  m) Đưa vũ khí, chất cháy, chất nổ, các vật phẩm nguy hiểm khác lên tàu bay, vào cảng hàng không, sân bay và các khu vực hạn chế khác trái quy định;  n) Phá hủy, gây hư hại, làm biến dạng, di chuyển vật đánh dấu, vật ngăn cách, vật ghi tín hiệu, vật bảo vệ tại cảng hàng không, sân bay; làm hư hại các ký hiệu, thiết bị nhận biết cảng hàng không, sân bay;  o) Đe dọa, uy hiếp an toàn bay, gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khoẻ, tài sản của người khác trong tàu bay;  p) Cạnh tranh không lành mạnh và các hành vi hạn chế cạnh tranh bị cấm khác.  2. Quy định tại điểm c và điểm đ khoản 1 Điều này cũng được áp dụng đối với tàu bay công vụ. | **Điều 11. Các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động hàng không dân dụng**  1. Khai thác tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và các trang thiết bị hàng không mà không có tài liệu hướng dẫn, giấy chứng nhận, giấy phép phù hợp.  2. Thực hiện nhiệm vụ của nhân viên hàng không mà không có giấy phép, chứng chỉ phù hợp.  3. Thả thiết bị, vật dụng hoặc các vật thể khác vào không trung gây ảnh hưởng đến an toàn bay, môi trường và dân sinh.  4. Bay vào khu vực hạn chế bay, khu vực cấm bay trái quy định.  5. Tàu bay bay qua biên giới quốc gia, hoạt động trong vùng trời Việt Nam mà không được cơ quan có thẩm quyền cấp phép bay.  6. Gây nhiễu có hại, chiếm dụng, khai thác trùng lắp các tần số vô tuyến điện dành riêng cho hoạt động hàng không dân dụng.  7. Cố ý làm hư hỏng hệ thống tín hiệu, trang bị, thiết bị, đài, trạm thông tin, điều hành bay, các trang bị, thiết bị khác tại cảng hàng không, các hệ thống, thiết bị phục vụ điều hành bay nằm ngoài cảng hàng không hoặc điều khiển, đưa các phương tiện mặt đất không đáp ứng điều kiện kỹ thuật vào khai thác tại khu bay.  8. Tự ý thay đổi, thay thế, lắp thêm hoặc tháo bỏ thiết bị, tự ý tắt hoặc thay đổi thông tin cài đặt trong các thiết bị thông tin liên lạc, sử dụng các thiết bị bay gây cản trở hoạt động hàng không.  9. Xây dựng công trình kiến trúc, lắp đặt trang bị, thiết bị, trồng cây gây ảnh hưởng đến hoạt động bay và hoạt động của các trang bị, thiết bị quản lý vùng trời, quản lý hoạt động bay.  10. Xây dựng trường bắn làm mất an toàn hàng không và bố trí hướng bắn của trường bắn cắt đường hàng không hoặc các công trình, lắp đặt các trang bị, thiết bị khác có khả năng ảnh hưởng đến an toàn bay, hoạt động của các trang bị, thiết bị tại cảng  11. Xây dựng các công trình hoặc lắp đặt các trang bị, thiết bị gây ra nhiều khói, bụi, lửa, khí thải trong khu vực cảng hàng không, khu vực lân cận cảng hàng không.  12. Lắp đặt, sử dụng trong khu vực cảng hàng không hoặc khu vực lân cận cảng hàng không các loại đèn, ký hiệu, tín hiệu hoặc các vật thể ảnh hưởng đến việc tàu bay cất cánh, hạ cánh tại cảng hàng không hoặc việc nhận biết cảng hàng không.  13. Nuôi, thả động vật trong khu vực cảng hàng không.  14. Thực hiện hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng.  15. Đưa vật phẩm nguy hiểm vào tàu bay, cảng hàng không và khu vực hạn chế trái quy định.  16. Phá hủy, gây hư hại, làm biến dạng, di chuyển vật đánh dấu, vật ngăn cách, vật ghi tín hiệu, vật bảo vệ tại cảng hàng không; làm hư hại các ký hiệu, thiết bị nhận biết cảng hàng không.  17. Đe dọa, uy hiếp an toàn bay, gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khoẻ, tài sản của người khác trong tàu bay.  18. Cố ý làm hư hỏng tàu bay, động cơ, cánh quạt, trang thiết bị của tàu bay.  19. Tiết lộ trái phép thông tin hành khách sử dụng dịch vụ hàng không.  20. Mua, bán và cho, nhận quyền vận chuyển hàng không; sử dụng thương hiệu, bao gồm tên thương mại và nhãn hiệu gây nhầm lẫn với doanh nghiệp hàng không khác.  21. Ghi chép giả mạo, làm giả, cố tình làm sai lệch hồ sơ bảo dưỡng, khai thác tàu bay, huấn luyện nhân viên hàng không. | - Kế thừa các hành vi đã được quy định tại Luật hiện hành.  - Bổ sung, sửa đổi các hành vi bị nghiêm cấm, phù hợp với quy định của pháp luật liên quan (Luật Biên giới) và phát sinh thực tiễn hoạt động hàng không dân dụng:  + Tàu bay bay qua biên giới quốc gia, hoạt động trong vùng trời Việt Nam mà không được cơ quan có thẩm quyền cấp phép bay.  + Tự ý thay đổi, thay thế, lắp thêm hoặc tháo bỏ thiết bị, tự ý tắt hoặc thay đổi thông tin cài đặt trong các thiết bị thông tin liên lạc, sử dụng các thiết bị bay gây cản trở hoạt động hàng không.  + Cố ý làm hư hỏng tàu bay, động cơ, cánh quạt, trang thiết bị của tàu bay.  + Tiết lộ trái phép thông tin hành khách sử dụng dịch vụ hàng không.  + Mua, bán và cho, nhận quyền vận chuyển hàng không; sử dụng thương hiệu, bao gồm tên thương mại và nhãn hiệu gây nhầm lẫn với doanh nghiệp hàng không khác.  + Ghi chép giả mạo, làm giả, cố tình làm sai lệch hồ sơ bảo dưỡng, khai thác tàu bay, huấn luyện nhân viên hàng không. |
|  | **Chương II**  **TÀU BAY**  **Mục 1. QUỐC TỊCH TÀU BAY** | **Chương II**  **TÀU BAY** | - Kết cấu lại theo hướng gọn nhẹ, quy định khung |
| **14** | **Điều 13.** **Đăng ký quốc tịch tàu bay**  1.Tàu bay là thiết bị được nâng giữ trong khí quyển nhờ tác động tương hỗ với không khí, bao gồm máy bay, trực thăng, trừ thiết bị được nâng giữ trong khí quyển nhờ tác động tương hỗ với không khí phản lại từ bề mặt trái đất.  2. Tàu bay đăng ký mang quốc tịch Việt Nam phải có đủ các điều kiện sau đây:  a) Chưa có quốc tịch của bất kỳ quốc gia nào hoặc đã xóa quốc tịch nước ngoài;  b) Có giấy tờ hợp pháp chứng minh về sở hữu tàu bay;  c) Phù hợp tiêu chuẩn kỹ thuật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định hoặc công nhận.  3. Tàu bay đang trong giai đoạn chế tạo, lắp ráp hoặc thử nghiệm tại Việt Nam được tạm thời đăng ký mang quốc tịch Việt Nam nếu đáp ứng điều kiện quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều này.  4. Tàu bay thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân Việt Nam và do tổ chức, cá nhân Việt Nam khai thác phải đăng ký mang quốc tịch Việt Nam, trong trường hợp là cá nhân thì cá nhân phải thường trú tại Việt Nam.  5. Tàu bay thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân nước ngoài do tổ chức, cá nhân Việt Nam thuê theo hình thức thuê không có tổ bay, thuê mua được đăng ký mang quốc tịch Việt Nam theo quy định của Chính phủ.  6. Sổ đăng bạ tàu bay Việt Nam được mở công khai và ghi các thông tin về đăng ký quốc tịch tàu bay. Tổ chức, cá nhân có quyền yêu cầu được cấp trích lục hoặc bản sao từ Sổ đăng bạ tàu bay Việt Nam và phải nộp lệ phí.  7. Tàu bay mang quốc tịch Việt Nam từ thời điểm ghi vào Sổ đăng bạ tàu bay Việt Nam. Bộ Giao thông vận tải cấp Giấy chứng nhận đăng ký quốc tịch tàu bay.  8. Người đề nghị đăng ký tàu bay mang quốc tịch Việt Nam phải nộp lệ phí. | **Điều 12. Đăng ký, xóa đăng ký và quản lý quốc tịch tàu bay**  1. Tàu bay chỉ được phép đăng ký quốc tịch Việt Nam khi chưa có quốc tịch của bất kỳ quốc gia nào hoặc đã xóa quốc tịch tàu bay nước ngoài.  2. Tàu bay được đăng ký hoặc đăng ký tạm thời quốc tịch Việt Nam và được ghi vào sổ Đăng bạ tàu bay Việt Nam.  3. Khi đăng ký, tàu bay phải được sơn hoặc gắn dấu hiệu quốc tịch, dấu hiệu đăng ký phù hợp với pháp luật của quốc gia đăng ký quốc tịch tàu bay.  4. Tàu bay bị xóa đăng ký quốc tịch Việt Nam trong các trường hợp sau đây:  a) Bị tuyên bố mất tích theo quy định;  b) Hư hỏng nặng không còn khả năng sửa chữa, phục hồi;  c) Không đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều này;  d) Theo đề nghị của người được chỉ định tại văn bản IDERA trong trường hợp văn bản IDERA đã được đăng ký với Nhà chức trách hàng không Việt Nam;  đ) Theo đề nghị của người đăng ký tàu bay, chủ sở hữu tàu bay. Trường hợp văn bản IDERA được đăng ký thì người đăng ký tàu bay và chủ sở hữu tàu bay chỉ có thể thực hiện được quyền đề nghị xóa đăng ký quốc tịch tàu bay trong trường hợp người được chỉ định tại văn bản IDERA có văn bản thông báo về việc giải trừ văn bản IDERA hoặc văn bản IDERA đã được xóa;  e) Thi hành bản án, quyết định của Tòa án hoặc quyết định của Trọng tài đã có hiệu lực pháp luật.  5. Việc xóa đăng ký quốc tịch tàu bay Việt Nam phải được sự đồng ý của những người có các quyền đối với tàu bay, trừ trường hợp tàu bay bị bán để thi hành bản án, quyết định của Toà án, quyết định của Trọng tài đã có hiệu lực pháp luật hoặc trường hợp được quy định tại điểm đ khoản 5 Điều này. | - Kế thừa các nội dung mang tính nguyên tắc về đăng ký, xóa đăng ký và dấu hiệu quốc tịch tại Luật hiện hành.  - Bổ sung quyền của người được chỉ định tại văn bản IDERA theo Công ước và Nghị định thư Cape Town và các nội dung có liên quan.  - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình. phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **15** | **Điều 14.** **Xóa đăng ký quốc tịch tàu bay**  Tàu bay bị xóa đăng ký quốc tịch Việt Nam trong các trường hợp sau đây:  1. Bị tuyên bố mất tích theo quy định tại khoản 3 Điều 103 của Luật này;  2. Hư hỏng nặng không còn khả năng sửa chữa, phục hồi;  3. Không còn đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 13 của Luật này;  4.Theo đề nghị của người đăng ký tàu bay, chủ sở hữu tàu bay, người nhận giao dịch bảo đảm, người cho thuê hoặc người bán tàu bay có điều kiện. |  | Bãi bỏ, lý do: ghép các nội dung mang tính nguyên tắc về đăng ký, xóa đăng ký và dấu hiệu quốc tịch tại Luật hiện hành. |
| **16** | **Điều 15.** **Dấu hiệu quốc tịch, dấu hiệu đăng ký của tàu bay**  Khi hoạt động, tàu bay phải được sơn hoặc gắn dấu hiệu quốc tịch, dấu hiệu đăng ký phù hợp với pháp luật của quốc gia đăng ký quốc tịch tàu bay. |  | Bãi bỏ, lý do: ghép các nội dung mang tính nguyên tắc về đăng ký, xóa đăng ký và dấu hiệu quốc tịch tại Luật hiện hành. |
| **17** | **Điều 16.** **Quy định chi tiết về quốc tịch tàu bay**  Trình tự, thủ tục đăng ký, xóa đăng ký quốc tịch Việt Nam của tàu bay do Chính phủ quy định. |  | - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình. phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
|  | **Mục 2. TIÊU CHUẨN ĐỦ ĐIỀU KIỆN BAY** |  |  |
| **18** | **Điều 17.** **Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay**  1. Tàu bay chỉ được phép khai thác trong vùng trời Việt Nam khi có Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay còn hiệu lực do Bộ Giao thông vận tải cấp hoặc công nhận.  2. Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay được cấp khi tàu bay có đủ các điều kiện sau đây:  a) Tàu bay phù hợp với Giấy chứng nhận loại tương ứng;  b) Có đầy đủ trang bị, thiết bị bảo đảm an toàn;  c) Được khai thác, bảo dưỡng theo đúng chế độ quy định;  d) Ở trạng thái phù hợp với mục đích khai thác dự kiến.  3. Người đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay phải nộp lệ phí.  4. Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay của tàu bay mang quốc tịch nước ngoài được công nhận với điều kiện việc cấp giấy chứng nhận đó phù hợp với tiêu chuẩn mà Việt Nam quy định hoặc công nhận. | **Điều 13. Giấy chứng nhận loại, Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay và tiêu chuẩn duy trì đủ điều kiện bay**  1. Tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay được cấp hoặc công nhận Giấy chứng nhận loại nếu thiết kế của tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay đáp ứng tiêu chuẩn thiết kế mà Việt Nam quy định hoặc công nhận.  2. Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay, Giấy chứng nhận lắp đặt thiết bị vô tuyến điện tàu bay (nếu được lắp đặt) phải do quốc gia đăng ký quốc tịch tàu bay cấp hoặc công nhận.  3. Tàu bay chỉ được phép khai thác trong vùng trời Việt Nam khi có giấy chứng nhận đủ điều kiện bay còn hiệu lực do Nhà chức trách hàng không Việt Nam cấp hoặc công nhận.  4. Tổ chức, cá nhân được Nhà chức trách hàng không Việt Nam phê chuẩn hoặc công nhận để thực hiện thiết kế, sản xuất, thử nghiệm, bảo dưỡng tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang thiết bị tàu bay theo quy định của pháp luật.  5. Tàu bay mang quốc tịch Việt Nam, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang thiết bị của tàu bay mang quốc tịch Việt Nam phải được bảo dưỡng tại tổ chức bảo dưỡng và theo chương trình bảo dưỡng đã được Nhà chức trách hàng không Việt Nam phê chuẩn hoặc công nhận. Ngành nghề kinh doanh dịch vụ thiết kế, sản xuất, bảo dưỡng hoặc thử nghiệm tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang thiết bị tàu bay tại Việt Nam là ngành nghề kinh doanh có điều kiện. | - Kế thừa các nội dung mang tính nguyên tắc khung về Giấy chứng nhận loại, Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay và tiêu chuẩn duy trì đủ điều kiện bay tại Luật hiện hành, phù hợp với các quy định của Điều 31 Công ước Chicago, Phụ ước 8 của ICAO, Tài liệu hướng dẫn 9760 về Giấy chứng nhận Loại, Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay.  - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình. phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **19** | **Điều 18.** **Giấy chứng nhận loại**  1. Giấy chứng nhận loại được cấp hoặc công nhận nếu thiết kế của tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay đáp ứng tiêu chuẩn đủ điều kiện bay mà Việt Nam quy định hoặc được công nhận.  2. Người đề nghị cấp Giấy chứng nhận loại phải nộp lệ phí.  3. Tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay khi sản xuất tại Việt Nam hoặc nhập khẩu vào Việt Nam phải phù hợp với Giấy chứng nhận loại tương ứng do Bộ Giao thông vận tải cấp hoặc công nhận. |  | Bãi bỏ, lý do: ghép các nội dung mang tính nguyên tắc về Giấy chứng nhận loại, Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay và tiêu chuẩn duy trì đủ điều kiện bay tại Luật hiện hành. Nội dung chi tiết và thẩm quyền cấp giấy phép sẽ do Chính phủ quy định. |
| **20** | **Điều 19.** **Điều kiện nhập khẩu, xuất khẩu tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và phụ tùng tàu bay**  1. Tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay khi xuất khẩu phải được Bộ Giao thông vận tải cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay xuất khẩu. Người đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay xuất khẩu phải nộp lệ phí.  2. Việc xuất khẩu, nhập khẩu tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và phụ tùng tàu bay phải bảo đảm an toàn hàng không, an ninh hàng không, an ninh quốc gia, phù hợp với nhu cầu khai thác kinh doanh.  Tuổi tàu bay đã qua sử dụng nhập khẩu vào Việt Nam do Chính phủ quy định.  3. Tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và phụ tùng tàu bay nhập khẩu với mục đích làm đồ dùng học tập và các mục đích phi hàng không khác không được sử dụng vào hoạt động hàng không dân dụng. | **Điều 14. Nhập khẩu, xuất khẩu tàu bay, động cơ tàu bay và cánh quạt tàu bay**  1. Việc nhập khẩu tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang thiết bị tàu bay phải bảo đảm an ninh quốc gia, an toàn hàng không, đảm bảo quy định về độ tuổi tàu bay đã qua sử dụng trừ trường hợp tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang thiết bị tàu bay nhập khẩu phục vụ mục đích nghiên cứu, học tập.  2. Tàu bay được xuất khẩu theo đề nghị của người được chỉ định tại văn bản IDERA đã được đăng ký với Nhà chức trách hàng không Việt Nam hoặc các trường hợp khác theo quy định của Chính phủ.  3. Không yêu cầu Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay xuất khẩu đối với tàu bay xuất khẩu khỏi Việt Nam.  4. Tổ chức, cá nhân có quyền đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay xuất khẩu để đáp ứng yêu cầu của quốc gia nhập khẩu tàu bay. | - Kế thừa các quy định các nội dung mang tính nguyên tắc về nhập khẩu, xuất khẩu tàu bay, động cơ tàu bay và cánh quạt tàu bay, phù hợp với các quy định của Phụ ước 8 của ICAO, Tài liệu hướng dẫn 9760 về xuất khẩu, nhập khẩu tàu bay.  - Sửa đổi quy đinh về xuất khẩu tàu bay theo tinh thần của Công ước Chicago 1944 và Công ước và Nghị định thư Cape Town và khuyến cáo của Nhóm công tác hàng không AWG.  - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình. phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **21** | **Điều 20. Thiết kế, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng, thử nghiệm tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị tàu bay**  1. Việc thiết kế, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng hoặc thử nghiệm tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị tàu bay tại Việt Nam phải bảo đảm tuân thủ tiêu chuẩn do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc công nhận.  2. Cơ sở thiết kế, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng hoặc thử nghiệm tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị tàu bay tại Việt Nam phải có giấy phép do Bộ Giao thông vận tải cấp. Người đề nghị cấp giấy phép phải nộp lệ phí.  3. Tàu bay mang quốc tịch Việt Nam, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay mang quốc tịch Việt Nam chỉ được bảo dưỡng tại cơ sở bảo dưỡng và theo chương trình bảo dưỡng đã được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt.  4. Tổ chức, cá nhân nghiên cứu chế tạo tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị tàu bay khi thử nghiệm thực tế tính năng bay của tàu bay phải báo cáo và tuân thủ theo quy định của Bộ Quốc phòng. |  | - Bãi bỏ, lý do: ghép các nội dung mang tính nguyên tắc về phát triển công nghiệp hàng không, đăng ký, xóa đăng ký và quản lý quốc tịch tàu bay |
| **22** | **Điều 21. Quy định chi tiết về tiêu chuẩn đủ điều kiện bay**  Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định tiêu chuẩn đủ điều kiện bay; thủ tục cấp, công nhận Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay, Giấy chứng nhận loại; tiêu chuẩn, thủ tục cấp giấy phép cho các cơ sở thiết kế, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng, thử nghiệm tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị tàu bay, trừ trường hợp quy định tại Điều 28 và Điều 32 của Luật Phòng không nhân dân. |  | - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình. phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
|  | **Mục 3. KHAI THÁC TÀU BAY** |  |  |
| **23** | **Điều 22.** **Người khai thác tàu bay**  1. Người khai thác tàu bay là tổ chức, cá nhân tham gia khai thác tàu bay.  2. Người khai thác tàu bay là tổ chức được khai thác tàu bay vì mục đích thương mại khi được Bộ Giao thông vận tải cấp hoặc công nhận Giấy chứng nhận người khai thác tàu bay.  Người khai thác tàu bay là cá nhân không được phép khai thác tàu bay vì mục đích thương mại. | **Điều 15. Khai thác tàu bay**  1. Người khai thác tàu bay là tổ chức, cá nhân tham gia hoặc đang đề nghị tham gia khai thác tàu bay.  2.Người khai thác tàu bay chỉ được cung cấp dịch vụ vận tải hàng không thương mại, hàng không chuyên dụng sau khi được Nhà chức trách hàng không Việt Nam cấp hoặc công nhận Giấy chứng nhận người khai thác tàu bay. | - Kế thừa các quy định các nội dung mang tính nguyên tắc về khai thác tàu bay nhằm chuyển hóa các quy định của Phụ ước 6 Phần 1, 2, 3 của ICAO về khai thác tàu bay.  - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình. phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **24** | **Điều 23.** **Giấy chứng nhận người khai thác tàu bay**  1. Giấy chứng nhận người khai thác tàu bay được cấp cho tổ chức để chứng nhận việc đáp ứng điều kiện khai thác an toàn đối với loại tàu bay và loại hình khai thác quy định.  2. Tổ chức được cấp Giấy chứng nhận người khai thác tàu bay khi đáp ứng các điều kiện sau đây:  a) Có tổ chức bộ máy khai thác; phương thức điều hành và giám sát khai thác tàu bay phù hợp;  b) Có đội ngũ nhân viên được đào tạo và có giấy phép, chứng chỉ phù hợp;  c) Có chương trình huấn luyện nghiệp vụ, chương trình bảo dưỡng tàu bay phù hợp với tính chất và quy mô khai thác;  d) Có tàu bay, trang bị, thiết bị bảo đảm khai thác an toàn;  đ) Có đầy đủ tài liệu hướng dẫn khai thác.  3. Tổ chức đề nghị cấp Giấy chứng nhận người khai thác tàu bay phải nộp lệ phí. |  | - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình. phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **25** | **Điều 24.** **Trách nhiệm của người khai thác tàu bay**  1. Duy trì hệ thống quản lý đủ khả năng kiểm tra và giám sát khai thác tàu bay an toàn.  2. Thực hiện quy định của tài liệu hướng dẫn khai thác.  3. Bảo đảm các phương tiện và dịch vụ mặt đất để khai thác tàu bay an toàn.  4. Bảo đảm mỗi tàu bay khi khai thác có đủ thành viên tổ bay được huấn luyện thành thạo cho các loại hình khai thác.  5. Tuân thủ các yêu cầu về bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay.  6. Thực hiện đúng quy định trong Giấy chứng nhận người khai thác tàu bay, kể cả trong trường hợp sử dụng dịch vụ và nhân lực theo hợp đồng hỗ trợ khai thác, bảo dưỡng tàu bay.  7. Tuân thủ các quy định khác về khai thác tàu bay. |  | - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **26** | **Điều 25.** **Giấy tờ, tài liệu mang theo tàu bay**  1. Khi khai thác, tàu bay mang quốc tịch Việt Nam phải có các giấy tờ, tài liệu sau đây:  a) Giấy chứng nhận đăng ký quốc tịch tàu bay;  b) Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay;  c) Giấy chứng nhận người khai thác tàu bay;  d) Giấy phép, chứng chỉ phù hợp của thành viên tổ bay;  đ) Nhật ký bay;  e) Giấy phép sử dụng thiết bị vô tuyến điện trên tàu bay, nếu được lắp đặt;  g) Tài liệu hướng dẫn bay dành cho tổ lái;  h) Danh sách hành khách trong trường hợp vận chuyển hành khách;  i) Bản kê khai hàng hóa trong trường hợp vận chuyển hàng hóa;  k) Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự;  l) Tài liệu hướng dẫn khai thác tàu bay.  2. Giấy tờ, tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này phải là bản chính, trừ Giấy chứng nhận người khai thác tàu bay.  3. Giấy tờ, tài liệu mang theo tàu bay mang quốc tịch nước ngoài thực hiện các chuyến bay đến và đi từ Việt Nam phải phù hợp với quy định của pháp luật quốc gia đăng ký quốc tịch tàu bay. |  | - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **27** | **Điều 26.** **Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với tàu bay và động cơ tàu bay**  Tàu bay khi khai thác phải tuân thủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với tàu bay và động cơ tàu bay. |  | - Bãi bỏ, lý do: ghép các nội dung mang tính nguyên tắc về bảo vệ môi trường trong hoạt động hàng không dân dụng. Nội dung chi tiết sẽ được Luật phân định thẩm quyền cho Chính phủ quy định chi tiết. |
| **28** | **Điều 27. Quy định chi tiết về khai thác tàu bay**  Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về khai thác tàu bay, điều kiện, thủ tục và trình tự cấp Giấy chứng nhận người khai thác tàu bay, Giấy phép sử dụng thiết bị vô tuyến điện trên tàu bay; yêu cầu bảo vệ môi trường đối với tàu bay và động cơ tàu bay, trừ trường hợp quy định tại Điều 31 của Luật Phòng không nhân dân. |  | - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
|  | **Mục 4. QUYỀN ĐỐI VỚI TÀU BAY** |  | - Kết cấu lại theo hướng gọn nhẹ, quy định khung |
| **29** | **Điều 28.** **Các quyền đối với tàu bay**  1.Các quyền đối với tàu bay bao gồm:  a) Quyền sở hữu tàu bay;  b) Quyền chiếm hữu tàu bay bằng việc thuê mua, thuê có thời hạn từ sáu tháng trở lên;  c) Thế chấp, cầm cố tàu bay;  d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật về dân sự và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.  2. Các quyền đối với tàu bay quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm quyền đối với thân, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay, trang bị, thiết bị vô tuyến điện của tàu bay và các trang bị, thiết bị khác được sử dụng trên tàu bay đó không phụ thuộc vào việc đã lắp đặt trên tàu bay hoặc tạm thời tháo khỏi tàu bay. | **Điều 16. Các quyền và đăng ký các quyền đối với tàu bay**  1. Các quyền đối với tàu bay bao gồm:  a) Quyền sở hữu tàu bay;  b) Quyền chiếm hữu và khai thác tàu bay bằng việc thuê mua, thuê có thời hạn;  c) Thế chấp, cầm cố tàu bay;  d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật về dân sự và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.  2. Các quyền đối với tàu bay quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm quyền đối với thân, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay, trang bị, thiết bị vô tuyến điện của tàu bay và các trang bị, thiết bị khác được sử dụng trên tàu bay không phụ thuộc vào việc đã lắp đặt trên tàu bay hoặc tạm thời tháo khỏi tàu bay.  3. Các quyền đã đăng ký của cùng một tàu bay phải được ghi trong Sổ đăng bạ tàu bay Việt Nam. Việc đăng ký các quyền đối với tàu bay quy định tại khoản 1 Điều này có hiệu lực từ thời điểm được cơ quan đăng ký ghi vào Sổ đăng bạ tàu bay Việt Nam. | - Kế thừa các quy định các nội dung mang tính nguyên tắc về các quyền và đăng ký các quyền đối với tàu bay tại Luật hiện hành..  - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình. phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **30** | **Điều 29.** **Đăng ký các quyền đối với tàu bay**  1. Tổ chức, cá nhân Việt Nam có các quyền đối với tàu bay quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật này phải đăng ký các quyền đó theo quy định của Chính phủ.  2. Người đề nghị đăng ký các quyền đối với tàu bay phải nộp lệ phí.  3. Các vấn đề liên quan đến các quyền đã đăng ký của cùng một tàu bay phải được ghi trong Sổ đăng bạ tàu bay Việt Nam.  Việc đăng ký các quyền đối với tàu bay quy định tại khoản 1 Điều này có hiệu lực từ thời điểm được cơ quan đăng ký ghi vào Sổ đăng bạ tàu bay Việt Nam.  4. Việc chuyển đăng ký các quyền đối với tàu bay từ Việt Nam ra nước ngoài phải được sự đồng ý của những người có các quyền đó, trừ trường hợp tàu bay bị bán để thi hành bản án, quyết định của Tòa án hoặc quyết định của Trọng tài đã có hiệu lực pháp luật. |  | - Bãi bỏ, lý do: ghép các nội dung mang tính nguyên tắc về các quyền và đăng ký các quyền đối với tàu bay. |
| **31** | **Điều 30.** **Chuyển quyền sở hữu tàu bay**  1. Việc chuyển quyền sở hữu tàu bay phải được lập thành văn bản và có hiệu lực từ thời điểm được ghi vào Sổ đăng bạ tàu bay Việt Nam.  2. Việc chuyển quyền sở hữu tàu bay không làm mất quyền ưu tiên thanh toán tiền công cứu hộ, giữ gìn tàu bay, trừ trường hợp tàu bay bị bán để thi hành bản án, quyết định của Tòa án hoặc quyết định của Trọng tài đã có hiệu lực pháp luật. | **Điều 17. Bán đấu giá tàu bay mang quốc tịch Việt Nam**  1. Thủ tục bán đấu giá tàu bay để thi hành án được thực hiện theo pháp luật của quốc gia tiến hành bán đấu giá.  2. Chủ nợ thi hành án phải thông báo công khai việc mua bán tàu bay tại Việt Nam ít nhất một tháng trước ngày ấn định mua bán, đồng thời phải thông báo bằng văn bản cho chủ sở hữu và những người có quyền lợi được ghi trong Sổ Đăng bạ tàu bay Việt Nam. | - Nội dung này được thay thế nhằm nội luật hóa Điều 7 Công ước Giơ-ne-vơ 1948. Thực tế đã phát sinh trường hợp bán đấu giá tàu bay đăng ký quốc tịch Việt Nam, cần thiết bổ sung quy định về thông báo công khai cho Cục HKVN, những người có quyền lợi liên quan để đảm bảo quyền và lợi ích. |
| **32** | **Điều 31.** **Doanh nghiệp nhà nước được giao quản lý, khai thác tàu bay**  Doanh nghiệp nhà nước được giao quản lý, khai thác tàu bay thuộc sở hữu nhà nước có quyền, nghĩa vụ như chủ sở hữu tàu bay theo quy định của Luật này và pháp luật về doanh nghiệp. |  | - Bãi bỏ, lý do: nội dung này thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và quản lý tài sản công. |
| **33** | **Điều 32.** **Thế chấp tàu bay**  1. Người thế chấp tàu bay giữ bản chính Giấy chứng nhận đăng ký quốc tịch tàu bay của tàu bay thế chấp.  2. Thế chấp tàu bay thuộc sở hữu chung phải được sự đồng ý bằng văn bản của tất cả các đồng chủ sở hữu, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.  3. Trong trường hợp một tàu bay là tài sản thế chấp cho nhiều chủ nợ thì thứ tự thế chấp được xác định theo thời gian đăng ký thế chấp.  4. Sau khi các khoản nợ ưu tiên đã được thanh toán, những chủ nợ đã được đăng ký thế chấp được trả nợ theo thứ tự đăng ký.  5. Tàu bay đang thế chấp không được chuyển quyền sở hữu, trừ trường hợp có sự đồng ý của người nhận thế chấp.  6. Đăng ký thế chấp tàu bay bị xóa trong các trường hợp sau đây:  a) Nghĩa vụ được bảo đảm đã chấm dứt;  b) Hợp đồng thế chấp tàu bay bị hủy bỏ;  c) Tàu bay là tài sản thế chấp đã được xử lý;  d) Có bản án, quyết định của Tòa án hoặc quyết định của Trọng tài đã có hiệu lực pháp luật về việc hủy bỏ thế chấp tàu bay hoặc tuyên bố hợp đồng thế chấp tàu bay vô hiệu;  đ) Theo đề nghị của người nhận thế chấp tàu bay.  7. Trong trường hợp tàu bay thế chấp bị mất tích hoặc hư hỏng đã được bảo hiểm thì người nhận thế chấp đã đăng ký thế chấp được hưởng số tiền bảo hiểm đó. |  | - Bãi bỏ, lý do: nội dung này thực hiện theo quy định chung của Bộ luật dân sự về biện pháp bảo đảm dân sự |
| **34** | **Điều 33.** **Thanh toán tiền công cứu hộ, giữ gìn tàu bay**  1. Tổ chức, cá nhân thực hiện việc cứu hộ, giữ gìn tàu bay được hưởng quyền ưu tiên thanh toán tiền công cứu hộ, giữ gìn tàu bay và các chi phí có liên quan.  2. Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày kết thúc việc cứu hộ, giữ gìn tàu bay, tổ chức, cá nhân thực hiện việc cứu hộ, giữ gìn tàu bay đăng ký quyền ưu tiên thanh toán tại khoản 1 Điều này theo quy định của Chính phủ; người yêu cầu đăng ký quyền ưu tiên thanh toán từ việc cứu hộ, gìn giữ tàu bay phải nộp lệ phí.  3. Sau thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này, quyền ưu tiên thanh toán tiền công cứu hộ, giữ gìn tàu bay bị chấm dứt, trừ các trường hợp sau đây:  a) Tổ chức, cá nhân thực hiện việc cứu hộ, giữ gìn tàu bay đã đăng ký quyền ưu tiên thanh toán tiền công cứu hộ, giữ gìn tàu bay;  b) Tổ chức, cá nhân thực hiện việc cứu hộ, giữ gìn tàu bay và tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ thanh toán đã thỏa thuận với nhau về số tiền phải thanh toán;  c) Tổ chức, cá nhân cứu hộ, giữ gìn tàu bay đã khởi kiện về thanh toán tiền công cứu hộ, giữ gìn tàu bay. | **Điều 18. Thanh toán tiền công cứu hộ, giữ gìn tàu bay**  1. Tổ chức, cá nhân thực hiện việc cứu hộ, giữ gìn tàu bay được hưởng quyền ưu tiên thanh toán tiền công cứu hộ, giữ gìn tàu bay và các chi phí có liên quan  2. Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày kết thúc việc cứu hộ, giữ gìn tàu bay, tổ chức, cá nhân thực hiện việc cứu hộ, giữ gìn tàu bay đăng ký quyền ưu tiên thanh toán tại khoản 1 Điều này theo quy định của Chính phủ; người yêu cầu đăng ký quyền ưu tiên thanh toán từ việc cứu hộ, gìn giữ tàu bay.  3. Sau thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này, quyền ưu tiên thanh toán tiền công cứu hộ, giữ gìn tàu bay bị chấm dứt, trừ các trường hợp sau đây:  a) Tổ chức, cá nhân thực hiện việc cứu hộ, giữ gìn tàu bay đã đăng ký quyền ưu tiên thanh toán tiền công cứu hộ, giữ gìn tàu bay;  b) Tổ chức, cá nhân thực hiện việc cứu hộ, giữ gìn tàu bay và tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ thanh toán đã thoả thuận với nhau về số tiền phải thanh toán;  c) Tổ chức, cá nhân cứu hộ, giữ gìn tàu bay đã khởi kiện về thanh toán tiền công cứu hộ, giữ gìn tàu bay. | - Kế thừa quy định tại Luật hiện hành phù hợp quy định của Công ước Giơ-ne-vơ 1948 về các quyền đối với tàu bay. |
| **35** | **Điều 34.** **Các khoản nợ ưu tiên**  1. Các khoản nợ ưu tiên được thanh toán theo thứ tự sau đây:  a) Án phí và các chi phí cho việc thi hành án;  b) Tiền công cứu hộ, giữ gìn tàu bay và các chi phí có liên quan.  2. Các khoản nợ quy định tại điểm b khoản 1 Điều này được thanh toán theo thứ tự khoản nợ nào phát sinh sau thì được thanh toán trước. | **Điều 19. Các khoản nợ ưu tiên**  1. Các khoản nợ ưu tiên được thanh toán theo thứ tự sau đây:  a) Án phí và các chi phí cho việc thi hành án;  b) Tiền công cứu hộ, giữ gìn tàu bay và các chi phí có liên quan.  2. Các khoản nợ quy định tại điểm b khoản 1 Điều này được thanh toán theo thứ tự khoản nợ nào phát sinh sau thì được thanh toán trước. | Kế thừa các quy định của Luật hiện hành. |
| **36** | ***(chưa có)*** | **Điều 20. Quyền lợi quốc tế đối với tàu bay, trang thiết bị tàu bay đăng ký theo hệ thống đăng ký quốc tế**  1. Quyền lợi quốc tế đối với tàu bay, trang thiết bị tàu bay thực hiện theo quy định của Công ước và Nghị định thư Cape Town.  2. Trường hợp thực hiện các biện pháp theo yêu cầu của người được chỉ định IDERA, không cần có sự đồng ý, chấp thuận, lệnh hoặc quyết định của Tòa án Việt Nam hoặc Tòa án quốc gia khác hay các yêu cầu bổ sung, điều kiện, Nhà chức trách hàng không Việt Nam thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký quốc tịch tàu bay, Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay đối với tàu bay và thực hiện việc xóa đăng ký quốc tịch tàu bay, xuất khẩu tàu bay theo quy định.  3. Tòa án, cơ quan đăng ký tàu bay, hải quan và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan khác có trách nhiệm hợp tác và trợ giúp người được chỉ định tại văn bản IDERA trong việc thực hiện các biện pháp khắc phục được quy định tại Điều IX Nghị định thư Cape Town.  4. Tòa án nhân dân tối cao ban hành Nghị quyết hướng dẫn Tòa án cấp tỉnh thực hiện Công ước và Nghị định thư Cape Town. | Bổ sung nhằm nội luật hóa quy định của Công ước và Nghị định thư CapeTown theo khuyến cáo của Nhóm công tác hàng không dân dụng AWG. |
|  | **Mục 5. THUÊ, CHO THUÊ TÀU BAY** |  | - Kết cấu lại theo hướng gọn nhẹ, quy định khung |
| **37** | **Điều 35.** **Hình thức thuê, cho thuê tàu bay**  1. Tổ chức, cá nhân Việt Nam được thuê, cho thuê tàu bay để thực hiện vận chuyển hàng không và các hoạt động hàng không dân dụng khác.  2. Thuê, cho thuê tàu bay bao gồm các hình thức sau đây:  a) Thuê, cho thuê tàu bay có tổ bay;  b) Thuê, cho thuê tàu bay không có tổ bay.  3. Hợp đồng thuê, cho thuê tàu bay phải được lập thành văn bản. | **Điều 21. Thuê, mua tàu bay**    1. Tổ chức, cá nhân Việt Nam được thuê, mua tàu bay để thực hiện vận tải hàng không thương mại và các hoạt động hàng không dân dụng khác tại Việt Nam.  2. Việc đưa tàu bay thuê về Việt Nam khai thác phải được Nhà chức trách hàng không Việt Nam chấp thuận theo quy định.  3. Khi sử dụng tàu bay thuê, bên thuê không được cho bên cho thuê hoặc bất kỳ người có liên quan nào khác hưởng các lợi ích kinh tế hoặc sử dụng các quyền vận chuyển hàng không của bên thuê.  4. Doanh nghiệp vận tải hàng không Việt Nam có trách nhiệm xây dựng kế hoạch phát triển đội tàu bay để khai thác tại Việt Nam phù hợp với kết cấu hạ tầng hàng không, năng lực giám sát an toàn khai thác tàu bay và thông báo cho Nhà chức trách hàng không Việt Nam. | - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình. phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **38** | **Điều 36.** **Thuê, cho thuê tàu bay có tổ bay**  1. Trong trường hợp thuê, cho thuê tàu bay có tổ bay, tàu bay được khai thác theo Giấy chứng nhận người khai thác tàu bay của bên cho thuê.  2. Bên cho thuê chịu trách nhiệm bảo đảm thực hiện tiêu chuẩn an toàn về bảo dưỡng, khai thác tàu bay. |  | - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **39** | **Điều 37.** **Thuê, cho thuê tàu bay không có tổ bay**  1. Trong trường hợp thuê, cho thuê tàu bay không có tổ bay, tàu bay được khai thác theo Giấy chứng nhận người khai thác tàu bay của bên thuê.  2. Bên thuê chịu trách nhiệm bảo đảm thực hiện tiêu chuẩn an toàn về bảo dưỡng, khai thác tàu bay.  3. Trường hợp tổ chức, cá nhân Việt Nam thuê tàu bay không có tổ bay của nước ngoài, nếu phát sinh những yêu cầu đặc biệt của bên thuê về phương tiện, thiết bị trên tàu bay, thiết bị liên lạc và dẫn đường thì phải được Bộ Giao thông vận tải chấp thuận. |  | - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **40** | **Điều 38.** **Yêu cầu đối với thuê tàu bay**  Khi sử dụng tàu bay thuê, bên thuê không được cho bên cho thuê hoặc bất kỳ người có liên quan nào khác hưởng các lợi ích kinh tế hoặc sử dụng các quyền vận chuyển hàng không của bên thuê. |  | - Bãi bỏ, lý do: ghép các nội dung mang tính nguyên tắc về thuê, mua tàu bay. |
| **41** | **Điều 39.** **Chấp thuận việc thuê, cho thuê tàu bay giữa tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài**  1. Việc thuê, cho thuê tàu bay giữa tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài phải được Bộ Giao thông vận tải chấp thuận bằng văn bản sau khi xem xét các nội dung sau đây:  a) Hình thức thuê;  b) Tư cách pháp lý của các bên tham gia hợp đồng thuê tàu bay;  c) Thời hạn thuê;  d) Số lượng, loại và tuổi tàu bay thuê;  đ) Quốc tịch tàu bay;  e) Giấy chứng nhận liên quan đến tàu bay;  g) Thỏa thuận về việc mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với hành khách, hành lý, hàng hóa và đối với người thứ ba ở mặt đất;  h) Tổ chức chịu trách nhiệm khai thác, bảo dưỡng tàu bay theo Giấy chứng nhận người khai thác tàu bay.  2. Tổ chức, cá nhân Việt Nam thuê, cho thuê tàu bay phải cung cấp bản sao hợp đồng thuê, cho thuê và các tài liệu có liên quan theo yêu cầu để xem xét chấp thuận; Bộ Giao thông vận tải có trách nhiệm trả lời trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ các tài liệu này.  3. Thủ tục chấp thuận quy định tại khoản 1 Điều này không áp dụng đối với việc thuê tàu bay có thời hạn không quá bảy ngày liên tục trong các trường hợp sau đây:  a) Thay thế tàu bay khác làm nhiệm vụ chuyên cơ hoặc bị trưng dụng vào các mục đích công vụ nhà nước khác;  b) Thay thế tàu bay bị tai nạn, sự cố kỹ thuật;  c) Thay thế tàu bay không khai thác được vì lý do bất khả kháng.  Tổ chức, cá nhân Việt Nam thuê tàu bay quy định tại khoản này phải thông báo bằng văn bản cho Bộ Giao thông vận tải về việc bên cho thuê có Giấy chứng nhận người khai thác tàu bay phù hợp.  4. Tổ chức, cá nhân Việt Nam có nghĩa vụ thanh lý hợp đồng, tái xuất tàu bay thuê hoặc đưa tàu bay cho thuê về Việt Nam trong trường hợp hợp đồng hết hiệu lực, Giấy phép tạm nhập khẩu tàu bay thuê hoặc Giấy phép tạm xuất khẩu tàu bay cho thuê hết hiệu lực hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. |  | - Bãi bỏ, lý do: ghép các nội dung mang tính nguyên tắc về thuê, mua tàu bay.  - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình. phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **42** | **Điều 40.** **Chuyển giao nghĩa vụ giữa quốc gia đăng ký quốc tịch tàu bay và quốc gia của người khai thác tàu bay**  1. Trong trường hợp thuê, cho thuê tàu bay giữa tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài thì Bộ Giao thông vận tải thỏa thuận với cơ quan có thẩm quyền của quốc gia đăng ký quốc tịch tàu bay hoặc của quốc gia của người khai thác tàu bay có liên quan để tiếp nhận hoặc chuyển giao nghĩa vụ của quốc gia đăng ký quốc tịch tàu bay phù hợp với pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.  Quốc gia của người khai thác tàu bay là quốc gia nơi người khai thác tàu bay có trụ sở chính nếu người khai thác là tổ chức hoặc nơi thường trú nếu người khai thác là cá nhân.  2. Thỏa thuận quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ liên quan đến việc thực hiện:  a) Quy định về bảo đảm hoạt động bay;  b) Quy định về Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay;  c) Yêu cầu đối với thành viên tổ bay;  d) Quy định liên quan đến lắp đặt và sử dụng thiết bị vô tuyến điện trên tàu bay. | **Điều 22. Chuyển giao nghĩa vụ giữa quốc gia đăng ký quốc tịch tàu bay và quốc gia của người khai thác tàu bay**  1. Trường hợp thuê, cho thuê tàu bay giữa tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài, Nhà chức trách hàng không Việt Nam thỏa thuận với cơ quan có thẩm quyền của quốc gia đăng ký quốc tịch tàu bay hoặc quốc gia của người khai thác tàu bay có liên quan để tiếp nhận hoặc chuyển giao nghĩa vụ của quốc gia đăng ký quốc tịch tàu bay phù hợp với pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.  2. Thỏa thuận theo khoản 1 Điều này phải được thông báo cho Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế (ICAO) và các nhà chức trách hàng không có liên quan.  3. Thỏa thuận quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ liên quan đến việc thực hiện:  a) Quy định về bảo đảm hoạt động bay;  b) Quy định về Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay;  c) Yêu cầu đối với thành viên tổ bay;  d) Quy định liên quan đến lắp đặt và sử dụng thiết bị vô tuyến điện trên tàu bay. | - Kế thừa các quy định tại Luật hiện hành  - Bổ sung khoản 2 phù hợp với trách nhiệm của quố gia thành viên quy định tại Điều 83 và 83 Bis của Công ước Chicago 1944. |
|  | **Mục 6. ĐÌNH CHỈ THỰC HIỆN CHUYẾN BAY, TẠM GIỮ, BẮT GIỮ TÀU BAY** |  | - Kết cấu lại theo hướng gọn nhẹ, quy định khung |
| **43** | **Điều 41.** **Đình chỉ thực hiện chuyến bay**  1. Tàu bay chưa khởi hành bị đình chỉ thực hiện chuyến bay khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:  a) Xuất hiện tình huống cấp thiết phục vụ nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia hoặc phát hiện tàu bay có dấu hiệu vi phạm các quy định về bảo đảm quốc phòng, an ninh;  b) Vi phạm các quy định về tiêu chuẩn đủ điều kiện bay, khai thác tàu bay, an toàn hàng không, an ninh hàng không, thủ tục chuyến bay, lập và thực hiện kế hoạch bay, thực hiện phép bay;  c) Phát hiện chuyến bay có dấu hiệu bị uy hiếp an toàn hàng không, an ninh hàng không;  d) Các trường hợp khác theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.  2. Trong trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này, Giám đốc Cảng vụ hàng không hoặc Thanh tra hàng không lập biên bản và ra quyết định đình chỉ thực hiện chuyến bay. Quyết định đình chỉ thực hiện chuyến bay có hiệu lực ngay và phải được gửi cho người chỉ huy tàu bay, cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu và các cơ quan, tổ chức hữu quan.  3. Các cơ quan khác có thẩm quyền ra quyết định đình chỉ thực hiện chuyến bay thì quyết định đó có hiệu lực ngay. Quyết định đình chỉ thực hiện chuyến bay phải được gửi ngay sau đó cho Cảng vụ hàng không nơi tàu bay dự định khởi hành.  4. Người chỉ huy tàu bay, người khai thác tàu bay phải tuân thủ quyết định đình chỉ thực hiện chuyến bay và có quyền yêu cầu cơ quan hoặc người ra quyết định làm rõ lý do đình chỉ.  5. Tàu bay bị đình chỉ thực hiện chuyến bay được tiếp tục thực hiện chuyến bay sau khi không còn các căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định cho phép tiếp tục thực hiện chuyến bay. | **Điều 23. Đình chỉ thực hiện chuyến bay**  1. Tàu bay chưa khởi hành bị đình chỉ thực hiện chuyến bay khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:  a) Tình huống cấp thiết phục vụ nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền quốc gia, an ninh quốc gia hoặc phát hiện chuyến bay có dấu hiệu vi phạm các quy định về bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia; hoặc có dấu hiệu bị uy hiếp an ninh hàng không; vi phạm các quy định về an ninh hàng không;  b) Vi phạm các quy định về tiêu chuẩn đủ điều kiện bay, khai thác tàu bay, an toàn hàng không, thủ tục chuyến bay, lập và thực hiện kế hoạch bay, thực hiện phép bay; phát hiện chuyến bay có dấu hiệu bị uy hiếp an toàn hàng không;  c) Các trường hợp khác theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.  2. Người chỉ huy tàu bay, người khai thác tàu bay phải tuân thủ quyết định đình chỉ thực hiện chuyến bay và có quyền yêu cầu cơ quan hoặc người ra quyết định làm rõ lý do đình chỉ.  3. Chuyến bay bị đình chỉ được tiếp tục thực hiện sau khi không còn các căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định cho phép tiếp tục thực hiện chuyến bay. | - Kế thừa các quy định mang tính nguyên tắc.  - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình. phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **44** | **Điều 42.** **Yêu cầu tàu bay hạ cánh tại cảng hàng không, sân bay**  1. Tàu bay đang bay trong lãnh thổ Việt Nam có thể bị yêu cầu hạ cánh tại cảng hàng không, sân bay khi chuyến bay có dấu hiệu bị uy hiếp an toàn hàng không, an ninh hàng không hoặc trong các trường hợp khác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.  2. Trường hợp phát hiện chuyến bay có dấu hiệu bị uy hiếp an toàn hàng không, an ninh hàng không, Giám đốc Cảng vụ hàng không có quyền quyết định yêu cầu tàu bay hạ cánh tại cảng hàng không, sân bay; quyết định này có hiệu lực ngay.  3. Các cơ quan khác có thẩm quyền ra quyết định yêu cầu tàu bay hạ cánh tại cảng hàng không, sân bay thì quyết định này có hiệu lực ngay. Quyết định yêu cầu tàu bay hạ cánh phải được gửi ngay sau đó cho cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu và Cảng vụ hàng không có liên quan.  4. Cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu có liên quan có trách nhiệm yêu cầu tàu bay hạ cánh tại cảng hàng không, sân bay theo quyết định của Giám đốc Cảng vụ hàng không và cơ quan khác có thẩm quyền. Trường hợp vì lý do an toàn của chuyến bay, cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu có quyền không thực hiện yêu cầu tàu bay đang bay hạ cánh tại cảng hàng không, sân bay và phải báo cáo cho cơ quan ra quyết định yêu cầu tàu bay hạ cánh.  5. Tàu bay bị yêu cầu hạ cánh tại cảng hàng không, sân bay được tiếp tục thực hiện chuyến bay sau khi không còn căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định cho phép tiếp tục thực hiện chuyến bay. | **Điều 24.**  **Yêu cầu tàu bay hạ cánh tại cảng hàng không**  1. Tàu bay đang bay trong lãnh thổ Việt Nam có thể bị yêu cầu hạ cánh tại cảng hàng không khi chuyến bay có dấu hiệu bị uy hiếp an toàn hàng không, an ninh hàng không hoặc trong các trường hợp khác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.  2. Tàu bay bị yêu cầu hạ cánh tại cảng hàng không được tiếp tục thực hiện chuyến bay sau khi không còn căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định cho phép tiếp tục thực hiện chuyến bay. | - Kế thừa các quy định mang tính nguyên tắc.  - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **45** | **Điều 43.** **Tạm giữ tàu bay**  1. Tàu bay có thể bị tạm giữ khi xảy ra các trường hợp sau đây:  a) Vi phạm chủ quyền và an ninh quốc gia của Việt Nam;  b) Không khắc phục các vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều 41 của Luật này hoặc không chấp hành các biện pháp xử lý vi phạm;  c) Thực hiện hành vi bị cấm liên quan đến hoạt động bay, khai thác tàu bay và vận chuyển hàng không;  d) Vi phạm các quy định của pháp luật liên quan đến tổ bay, hành khách, hành lý, hàng hóa chuyên chở trong tàu bay;  đ) Các trường hợp khác theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.  2. Trong trường hợp phát hiện hành vi vi phạm quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này, Giám đốc Cảng vụ hàng không hoặc Thanh tra hàng không có quyền tạm giữ tàu bay. Quyết định tạm giữ tàu bay có hiệu lực ngay và phải được gửi cho người chỉ huy tàu bay, người khai thác tàu bay và các cơ quan, tổ chức hữu quan.  3. Các cơ quan khác có thẩm quyền ra quyết định tạm giữ tàu bay thì quyết định đó có hiệu lực ngay. Quyết định tạm giữ tàu bay phải được gửi ngay sau đó cho Cảng vụ hàng không nơi tàu bay dự định khởi hành.  4. Việc tạm giữ tàu bay được chấm dứt khi các hành vi vi phạm đã được xử lý theo quy định của pháp luật hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu tạm giữ tàu bay đề nghị chấm dứt tạm giữ. |  | Bãi bỏ, lý do: áp dụng theo pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. |
| **46** | **Điều 44. Bắt giữ tàu bay**  1. Bắt giữ tàu bay là biện pháp mà Tòa án áp dụng đối với tàu bay vì lợi ích của chủ nợ, chủ sở hữu, người thứ ba ở mặt đất bị thiệt hại hoặc những người khác có quyền và lợi ích đối với tàu bay theo quy định tại khoản 2 Điều này, trừ việc bắt giữ tàu bay để thi hành bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án hoặc quyết định cưỡng chế của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Việc bắt giữ tàu bay có thể áp dụng đối với bất kỳ tàu bay nào của cùng một chủ sở hữu.  2. Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tàu bay hạ cánh quyết định bắt giữ tàu bay theo yêu cầu bằng văn bản của chủ sở hữu hoặc của chủ nợ trong trường hợp tàu bay là tài sản bảo đảm cho khoản nợ của chủ nợ hoặc theo yêu cầu bằng văn bản của người thứ ba ở mặt đất bị thiệt hại do tàu bay đang bay gây ra hoặc những người có quyền và lợi ích đối với tàu bay theo quy định của Luật này.  3. Người yêu cầu bắt giữ tàu bay phải bảo đảm tài chính theo hình thức và giá trị do Tòa án ấn định tương đương với thiệt hại có thể gây ra cho tàu bay do việc bắt giữ tàu bay.  4. Trong trường hợp tàu bay bị bắt giữ, người vận chuyển, người khai thác tàu bay vẫn phải thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng đã cam kết.  5. Việc bắt giữ tàu bay được chấm dứt trong các trường hợp sau đây:  a) Các khoản nợ đã được thanh toán đầy đủ;  b) Đã áp dụng biện pháp bảo đảm thay thế;  c) Người yêu cầu bắt giữ đề nghị thôi bắt giữ.  6. Thủ tục bắt giữ tàu bay thực hiện theo quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. | **Điều 25. Bắt giữ tàu bay**  1. Bắt giữ tàu bay là biện pháp mà Tòa án áp dụng đối với tàu bay vì lợi ích của chủ nợ, chủ sở hữu, người thứ ba ở mặt đất bị thiệt hại hoặc những người khác có quyền và lợi ích đối với tàu bay theo quy định tại khoản 2 Điều này, trừ việc bắt giữ tàu bay để thi hành bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án hoặc quyết định cưỡng chế của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Việc bắt giữ tàu bay có thể áp dụng đối với bất kỳ tàu bay nào của cùng một chủ sở hữu.  2. Tòa án nhân dân khu vực nơi tàu bay hạ cánh quyết định bắt giữ tàu bay theo yêu cầu bằng văn bản của chủ sở hữu hoặc của chủ nợ trong trường hợp tàu bay là tài sản bảo đảm cho khoản nợ của chủ nợ hoặc theo yêu cầu bằng văn bản của người thứ ba ở mặt đất bị thiệt hại do tàu bay đang bay gây ra hoặc những người có quyền và lợi ích đối với tàu bay theo quy định của Luật này.  3. Người yêu cầu bắt giữ tàu bay phải bảo đảm tài chính theo hình thức và giá trị do Tòa án ấn định tương đương với thiệt hại có thể gây ra cho tàu bay do việc bắt giữ tàu bay.  4. Trong trường hợp tàu bay bị bắt giữ, người vận chuyển, người khai thác tàu bay vẫn phải thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng đã cam kết.  5. Việc bắt giữ tàu bay được chấm dứt trong các trường hợp sau đây:  a) Các khoản nợ đã được thanh toán đầy đủ;  b) Đã áp dụng biện pháp bảo đảm thay thế;  c) Người yêu cầu bắt giữ đề nghị thôi bắt giữ.  6. Thủ tục bắt giữ tàu bay thực hiện theo quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. | Kế thừa các quy định tại Luật hiện hành. |
| **47** | **Điều 45.** **Khám xét tàu bay**  1. Giám đốc Cảng vụ hàng không và các cơ quan khác có thẩm quyền có quyền quyết định khám xét tàu bay trong các trường hợp sau đây:  a) Phát hiện có dấu hiệu vi phạm chủ quyền, an ninh quốc gia, an ninh hàng không, an toàn hàng không;  b) Thành viên tổ bay, hành khách hoặc việc chuyên chở hành lý, hàng hóa, bưu gửi và các vật phẩm khác trong tàu bay vi phạm các quy định về xuất cảnh, nhập cảnh, hải quan, kiểm dịch.  2. Người quyết định khám xét tàu bay có trách nhiệm thông báo cho người chỉ huy tàu bay và các cơ quan, tổ chức có liên quan trước khi khám xét.  3. Các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải thông báo cho Giám đốc Cảng vụ hàng không về quyết định khám xét tàu bay để phối hợp thực hiện. |  | Bãi bỏ, lý do: áp dụng theo các quy định khác có liên quan. |
| **48** | **Điều 46.** **Trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho người khai thác tàu bay hoặc người vận chuyển**  Tổ chức, cá nhân quyết định đình chỉ việc thực hiện chuyến bay, yêu cầu tàu bay hạ cánh tại cảng hàng không, sân bay, tạm giữ, yêu cầu tạm giữ, yêu cầu bắt giữ tàu bay hoặc khám xét tàu bay trái pháp luật thì phải bồi thường thiệt hại gây ra cho người khai thác tàu bay hoặc người vận chuyển. | **Điều 26. Trách nhiệm bồi thường nhà nước**  1. Người ra quyết định đình chỉ việc thực hiện chuyến bay, yêu cầu tàu bay hạ cánh tại cảng hàng không tạm giữ, yêu cầu bắt giữ tàu bay trái pháp luật thì phải bồi thường thiệt hại gây ra cho người khai thác tàu bay hoặc người vận chuyển.  2. Việc bồi thường thiệt hại thực hiện theo quy định của pháp luật về bồi thường trách nhiệm nhà nước. | - Kế thừa các quy định về nguyên tắc, khung với Luật hiện hành.  - Bổ sung nguyên tắc áp dụng theo quy định của pháp luật về bồi thường trách nhiệm nhà nước. |
|  | **Chương III**  **CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY** | **Chương III**  **CẢNG HÀNG KHÔNG** | - Kết cấu lại theo hướng gọn nhẹ, quy định khung |
|  | **Mục 1. QUY ĐỊNH CHUNG** |  | - Kết cấu lại theo hướng gọn nhẹ, quy định khung |
| **49** | **Điều 47.** **Cảng hàng không, sân bay**  1. Cảng hàng không là khu vực xác định, bao gồm sân bay, nhà ga và trang bị, thiết bị, công trình cần thiết khác được sử dụng cho tàu bay đi, đến và thực hiện vận chuyển hàng không.  Cảng hàng không được phân thành các loại sau đây:  a) Cảng hàng không quốc tế là cảng hàng không phục vụ cho vận chuyển quốc tế và vận chuyển nội địa;  b) Cảng hàng không nội địa là cảng hàng không phục vụ cho vận chuyển nội địa.  2. Sân bay là khu vực xác định được xây dựng để bảo đảm cho tàu bay cất cánh, hạ cánh và di chuyển. Sân bay chỉ phục vụ mục đích khai thác hàng không chung hoặc mục đích vận chuyển hành khách, hành lý, hàng hóa, bưu gửi[21] mà không phải vận chuyển công cộng là sân bay chuyên dùng. | **Điều 27. Cảng hàng không, khu vực lân cận cảng hàng không và mở, đóng cảng hàng không**  1. Cảng hàng không được phân thành các loại sau đây:  a) Cảng hàng không quốc tế là cảng hàng không phục vụ cho các chuyến bay quốc tế, chuyến bay nội địa;  b) Cảng hàng không nội địa là cảng hàng không phục vụ cho các chuyến bay nội địa;  c) Cảng hàng không chuyên dùng là cảng hàng không được sử dụng phục vụ hàng không chung, vận tải hàng không chuyên dụng hoặc vận tải hàng không thương mại không thường lệ trừ bãi cất, hạ cánh.  2. Bãi cất, hạ cánh là khu vực xác định trên mặt đất, mặt nước, các công trình nhân tạo để tàu bay cất, hạ cánh, không sử dụng với mục đích thường xuyên, lâu dài, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép.  3. Cảng hàng không có khu vực lân cận để bảo đảm an toàn, an ninh hàng không và tìm kiếm, cứu nạn trong hoạt động hàng không dân dụng.  4. Mở, đóng cảng hàng không là việc cho phép, không cho phép hoạt động của cảng hàng không theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. | - Bổ sung khái niệm cảng hàng không chuyên dùng, bãi cất hạ cánh để phù hợp với thực tiễn các loại hình vân tải hàng không (báo gồm vận tải hàng không thương mại, vận tải hàng không chuyên dụng và hàng không chung). Đồng thời việc khai thác trực thăng tại các bãi cất hạ cánh trên các công trình như nhà cao tầng, dàn khoan trên biển… cần có khái niệm riêng để có thể quản lý theo định hướng khác với các cảng hàng không khai thác vận tải thương mại thường lệ.  - Sửa đổi quy định về khu vực lân cận cảng hàng không, lý do: ICAO quy định khác nhau đối với từng hoạt động riêng biệt như tìm kiếm cứu nạn, quản lý chim và động vật hoang dã…nên cần phân loại các khu vực lân cận đối với các hoạt động khác nhau của cảng hàng không. |
| **50** | **Điều 53. Điều phối giờ cất cánh, hạ cánh tại cảng hàng không, sân bay**  1. Điều phối giờ cất cánh, hạ cánh tại cảng hàng không, sân bay là việc quản lý, phân bổ giờ cất cánh, hạ cánh của chuyến bay thực hiện vận chuyển hàng không thường lệ tại cảng hàng không, sân bay được công bố.  2. Bộ Giao thông vận tải thực hiện việc điều phối giờ cất cánh, hạ cánh tại cảng hàng không, sân bay theo các nguyên tắc sau đây:  a) Trong phạm vi giới hạn khai thác của cảng hàng không, sân bay;  b) Bảo đảm công khai, minh bạch và không phân biệt đối xử;  c) Thuận lợi và hiệu quả;  d) Phù hợp với thông lệ quốc tế. | **Điều 28. Điều phối giờ đi, đến tại cảng hàng không**  1. Điều phối giờ đi, đến là việc quản lý, phân bổ giờ đi, đến của chuyến bay tại cảng hàng không.  2. Nhà chức trách hàng không Việt Nam thực hiện việc điều phối giờ đi, đến tại cảng hàng không theo các nguyên tắc sau đây:  a) Trong phạm vi giới hạn khai thác của cảng hàng không;  b) Bảo đảm minh bạch và không phân biệt đối xử, trừ trường hợp vì lý do để bảo đảm quốc phòng, an ninh theo định pháp luật. | - Sửa đổi “giờ cất cánh, hạ cánh” bằng “giờ đi, đến” cho phù hợp với thực tiễn, tránh nhầm lẫn với giờ cất cánh, hạ cánh trong điều hành bay.  - Bổ sung nội dung để đáp ứng công tác bảo đảm quốc phòng an ninh;  - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình. phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **51** | **Điều 56.** **Quy hoạch cảng hàng không, sân bay**  1. Quy hoạch cảng hàng không, sân bay phải căn cứ vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, quy hoạch phát triển giao thông vận tải, các ngành khác, địa phương và xu thế phát triển hàng không dân dụng quốc tế.  2. Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan lập quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, trừ sân bay chuyên dùng.  Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt quy hoạch chi tiết cảng hàng không, sân bay toàn quốc, trừ sân bay chuyên dùng.  3. Các ngành, địa phương khi lập quy hoạch hoặc lập dự án đầu tư xây dựng công trình có ảnh hưởng đến quy hoạch cảng hàng không, sân bay phải có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Giao thông vận tải. | **Điều 29. Quy hoạch về cảng hàng không**  Quy hoạch về cảng hàng không bao gồm:  1. Quy hoạch mạng cảng hàng không toàn quốc, không bao gồm cảng hàng không chuyên dùng;  2. Quy hoạch chi tiết cảng hàng không. | - Sửa đổi khái niệm quy hoạch “mạng cảng hàng không” và “quy hoạch chi tiết cảng hàng không” để phân biệt rõ hai loại quy hàng liên quan đến cảng hàng không.  - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình. phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **52** | **Điều 58.** **Đầu tư xây dựng cảng hàng không, sân bay**  1. Việc đầu tư xây dựng cảng hàng không, sân bay mới hoặc đầu tư xây dựng các hạng mục công trình trong cảng hàng không, sân bay hiện có phải phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay và quy hoạch chi tiết cảng hàng không, sân bay đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.  2. Tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài được đầu tư xây dựng cảng hàng không, sân bay theo quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng.  3. Bộ Giao thông vận tải quản lý, giám sát việc đầu tư xây dựng, bảo trì, sửa chữa, duy trì đủ điều kiện khai thác cảng hàng không, sân bay.  Bộ Xây dựng trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với cơ quan hữu quan thực hiện quản lý chất lượng xây dựng công trình dân dụng tại cảng hàng không, sân bay. | **Điều 30. Đầu tư xây dựng tại cảng hàng không**  1. Việc đầu tư xây dựng cảng hàng không được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng.  2. Việc đầu tư xây dựng sân bay và công trình thiết yếu tại cảng hàng không thuộc Danh mục Cảng hàng không liên quan trực tiếp đến quốc phòng, an ninh quốc gia được thực hiện từ nguồn vốn Nhà nước, doanh nghiệp cảng hàng không hoặc nguồn vốn huy động theo phương thức đối tác công tư.  3. Việc xây dựng, nâng cấp, mở rộng công trình cảng hàng không trên đất và tài sản quốc phòng, an ninh để khai thác lưỡng dụng phải đảm bảo các yêu cầu về quốc phòng, an ninh.  4. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan có thẩm quyền quyết định:  a) Chủ đầu tư được phép xây dựng, nâng cấp, mở rộng, khai thác công trình cảng hàng không trên đất quốc phòng, an ninh để phục vụ mục đích lưỡng dụng mà không phải chuyển đổi quyền sử dụng đất;  b) Cơ quan, tổ chức đầu tư được phép nâng cấp, mở rộng, khai thác công trình cảng hàng không là tài sản công tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân để phục vụ mục đích lưỡng dụng mà không chuyển quyền sở hữu tài sản.  c) Doanh nghiệp được phép sử dụng tài sản do nhà nước đầu tư, quản lý để đầu tư xây dựng, nâng cấp, mở rộng, khai thác theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. | - Sửa đổi, bổ sung nhằm khẳng định chủ trương huy động mọi nguồn lực để đầu tư vào kết cấu hạ tầng hàng không. Theo đó trừ các công trình thiết yếu liên quan trực tiếp đến quốc phòng an ninh thì phương án huy động đam bảo nguyên tắc nhà nước nắm quyền quản lý các công trình thiết yếu liên quan trực tiếp đến QPAN; các công trình còn lại không bị giới hạn hình thức huy động vốn và giao Chính phủ quy định cụ thể.  - Bổ sung các nguyên tắc phù hợp với yêu cầu thực tế khi cho phép đầu tư, xây dựng, nâng cấp, mở rộng công trình trên tài sản quốc phòng, an ninh để khai thác lưỡng dụng  - Tháo gỡ vướng mắc hiện chưa có quy định để cho phép các đơn vị dân dụng được đầu tư, xây dựng, nâng cấp công trình trên tài sản QPAN để khai thác lưỡng dụng. Quá trình xây dựng Đề án XHH, BXD đã làm việc với Bộ Quốc phòng, theo đó tài sản gồm đường cất hạ cánh, đường lăn và công trình phụ trợ tại khu bay một số cảng hàng không như Chu Lai, Thọ Xuân, Tuy Hoà, Phù Cát.. hiện do Bộ Quốc phòng quản lý, Bộ QP đồng thuận cao đưa vào khai thác lưỡng dụng nhưng không bàn giao tài sản cho dân dụng. Theo đó cần có cơ chế để cho phép CĐT xây dựng, nâng cấp, mở rộng công trình trên tài sản QPAN do BCA, BQP quản lý. |
| **53** | **Điều 48.** **Khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay**  1. Cảng hàng không, sân bay có khu vực lân cận để bảo đảm an toàn cho hoạt động hàng không dân dụng và dân cư trong khu vực đó.  2. Giới hạn khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay là tám kilômét tính từ ranh giới cảng hàng không, sân bay trở ra.  3. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Cảng vụ hàng không và các cơ quan khác có thẩm quyền duy trì trật tự công cộng, bảo đảm thực hiện các quy định về an toàn hàng không, an ninh hàng không; áp dụng các biện pháp để tháo dỡ, phá bỏ, di chuyển, thay đổi kết cấu công trình, trang bị, thiết bị hoặc các chướng ngại vật khác ở khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay gây mất an toàn cho hoạt động bay; ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật tại khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay; thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường ở khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay. |  | - Bãi bỏ, các nội dung mang tính nguyên tắc được quy định trong nội dung điều về cảng hàng không, khu vực lân cận.  - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình. phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **54** | **Điều 49.** **Mở, đóng cảng hàng không, sân bay**  1. Mở, đóng cảng hàng không, sân bay là việc cho phép, không cho phép hoạt động của cảng hàng không, sân bay theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.  2. Thủ tướng Chính phủ quyết định việc mở cảng hàng không, sân bay theo quy hoạch phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay; đóng cảng hàng không, sân bay vì lý do bảo đảm an ninh, quốc phòng hoặc các lý do đặc biệt ảnh hưởng đến kinh tế - xã hội.  3. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định việc tạm thời đóng cảng hàng không, sân bay trong các trường hợp sau đây:  a) Cải tạo, mở rộng, sửa chữa cảng hàng không, sân bay có khả năng gây mất an toàn cho hoạt động bay;  b) Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay bị thu hồi;  c) Thiên tai, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường, tai nạn tàu bay và các tình huống bất thường khác uy hiếp đến an toàn hàng không, an ninh hàng không.  4. Vì sự cố đột xuất, để bảo đảm an toàn hàng không, an ninh hàng không, Giám đốc Cảng vụ hàng không quyết định tạm thời đóng cảng hàng không, sân bay không quá hai mươi bốn giờ và báo cáo ngay Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.  5. Cảng hàng không, sân bay được mở lại sau khi các lý do quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này đã chấm dứt.  6.Bộ Quốc phòng quyết định mở, đóng sân bay chuyên dùng sau khi thống nhất với Bộ Giao thông vận tải.  Chính phủ quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở, đóng sân bay chuyên dùng. |  | - Bãi bỏ, các nội dung mang tính nguyên tắc được quy định vào Điều về cảng hàng không, khu vực lân cận.  - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới và thực hiện việc phân cấp thẩm quyền của Thủ tướng CP, của Bộ trưởng trong quá trình xây dựng dự thảo NĐ quy định chi tiết Luật. |
| **55** | **Điều 50.** **Đăng ký cảng hàng không, sân bay**  1. Cảng hàng không, sân bay phải được đăng ký vào Sổ đăng bạ cảng hàng không, sân bay.  2. Điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay bao gồm:  a) Có giấy tờ chứng minh sự tạo lập hợp pháp cảng hàng không, sân bay;  b) Phù hợp với quy hoạch phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay đã được phê duyệt;  c) Có kết cấu hạ tầng phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định hoặc công nhận.  3. Bộ Giao thông vận tải thực hiện việc đăng ký và cấp Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay.  4.Chủ sở hữu hoặc tổ chức được giao quản lý cảng hàng không, sân bay có trách nhiệm đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay.  Người đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay phải nộp lệ phí. |  | - Bãi bỏ, lý do: theo hướng dẫn của ICAO, giấy chứng nhận cảng hàng không là đối tượng được nhà chức trách hàng không cần lưu giữ và theo dõi. Giấy chứng nhận đăng ký đã không còn cần thiết cho công tác quản lý nhà nước về hàng không dân dụng nên có thể xem xét lược bỏ để giảm bớt thủ tục hành chính. |
| **56** | **Điều 51.** **Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay**  1. Sau khi cảng hàng không, sân bay được đăng ký theo quy định tại Điều 50 của Luật này, người khai thác cảng hàng không, sân bay được cấp Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay khi có đủ các điều kiện sau đây:  a) Đáp ứng yêu cầu về tổ chức, trang bị, thiết bị và các yếu tố cần thiết khác để bảo đảm an toàn hàng không, an ninh hàng không;  b) Bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật của cảng hàng không, sân bay và khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay.  2. Cảng hàng không, sân bay chỉ được khai thác sau khi Bộ Giao thông vận tải cấp Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay.  3. Người đề nghị cấp Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay phải nộp lệ phí.  4. Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay bị thu hồi trong các trường hợp sau đây:  a) Cảng hàng không, sân bay không đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này;  b) Cảng hàng không, sân bay không được khai thác hoặc ngừng khai thác trong thời hạn mười hai tháng liên tục;  c) Các trường hợp khác theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.  5. Tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay có trách nhiệm thực hiện đúng các điều kiện quy định trong Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay. |  | - Bãi bỏ, lý do: các nhiệm vụ của Chính phủ và Bộ, ngành sẽ được quy định tại văn bản hướng dẫn chi tiết, đúng tinh thần của Nghị quyết 18, Nghị quyết 66 và Công văn số 45 theo đó, sẽ nghiên cứu để đơn giản thủ tục hành chính cho hoạt động cấp phép này. |
| **57** | **Điều 52.** **Đăng ký cảng hàng không, sân bay đang xây dựng**  1. Cảng hàng không, sân bay đang xây dựng được đăng ký tạm thời vào Sổ đăng bạ cảng hàng không, sân bay kể từ thời điểm khởi công xây dựng.  2. Điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay đang xây dựng bao gồm:  a) Có giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất và việc xây dựng cảng hàng không, sân bay;  b) Phù hợp với quy hoạch phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay đã được phê duyệt;  c) Có phương án xây dựng kết cấu hạ tầng phù hợp với các tiêu chuẩn kỹ thuật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định hoặc công nhận.  3. Bộ Giao thông vận tải thực hiện việc đăng ký và cấp Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay đang xây dựng.  4. Người đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay đang xây dựng phải nộp lệ phí. |  | - Bãi bỏ, lý do: theo hướng dẫn của ICAO, giấy chứng nhận cảng hàng không là đối tượng được nhà chức trách hàng không cần lưu giữ và theo dõi. Giấy chứng nhận đăng ký đã không còn cần thiết cho công tác quản lý nhà nước về hàng không dân dụng nên có thể xem xét lược bỏ để giảm bớt thủ tục hành chính. |
| **58** | **Điều 54.** **Bảo vệ môi trường tại cảng hàng không, sân bay**  1. Tổ chức, cá nhân hoạt động tại cảng hàng không, sân bay phải thực hiện quy định về bảo vệ môi trường tại cảng hàng không, sân bay.  2. Việc khai thác tàu bay, cảng hàng không, sân bay, trang bị, thiết bị bảo đảm hoạt động bay và các trang bị, thiết bị kỹ thuật mặt đất khác, việc cung ứng dịch vụ tại cảng hàng không, sân bay phải đáp ứng tiêu chuẩn về tiếng ồn, khí thải và các tiêu chuẩn khác về bảo vệ môi trường trong hoạt động hàng không dân dụng. |  | - Bãi bỏ, lý do: chuyển nội dung về quy định chung về bảo vệ môi trường trong hoạt động hàng không dân dụng và sẽ được quy định chi tiết trong dự thảo Nghị định. |
| **59** | **Điều 55. Quy định chi tiết việc mở, đóng cảng hàng không, sân bay và quản lý hoạt động tại cảng hàng không, sân bay, khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay**  1. Chính phủ quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở, đóng cảng hàng không, sân bay và quản lý hoạt động tại cảng hàng không, sân bay, quản lý khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay, sử dụng sân bay dùng chung dân dụng và quân sự.  2. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết việc lập Sổ đăng bạ cảng hàng không, sân bay; thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay; thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay đang xây dựng; tiêu chuẩn kỹ thuật cảng hàng không, sân bay, khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay; thủ tục cấp Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay và yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với tổ chức, cá nhân hoạt động tại cảng hàng không, sân bay. |  | - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
|  | **Mục 2. QUY HOẠCH, ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY** |  | - Kết cấu lại theo hướng gọn nhẹ, quy định khung |
| **60** | **Điều 57.** ***(được bãi bỏ)*** |  |  |
|  | **Mục 4. KHAI THÁC CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY** |  | - Kết cấu lại theo hướng gọn nhẹ, quy định khung |
| **61** | **Điều 62.** **Tổ chức, cá nhân kinh doanh tại cảng hàng không, sân bay**  1. Tổ chức, cá nhân kinh doanh tại cảng hàng không, sân bay bao gồm:  a) Doanh nghiệp cảng hàng không;  b) Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không;  c) Tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ khác.  2. Việc thành lập và hoạt động của tổ chức kinh doanh, hoạt động của cá nhân kinh doanh tại cảng hàng không, sân bay được thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về doanh nghiệp, thương mại.  Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục cấp giấy phép kinh doanh cảng hàng không, cung cấp dịch vụ hàng không.  3. Tổ chức, cá nhân kinh doanh tại cảng hàng không, sân bay có trách nhiệm:  a) Thực hiện các quy định về an toàn hàng không, an ninh hàng không;  b) Chấp hành và tạo điều kiện thuận lợi cho Cảng vụ hàng không kiểm tra các hoạt động khai thác và cung cấp dịch vụ. | **Điều 31. Kinh doanh tại cảng hàng không**  1. Kinh doanh tại cảng hàng không bao gồm:  a) Kinh doanh cảng hàng không;  b) Kinh doanh dịch vụ hàng không;  c) Kinh doanh dịch vụ phi hàng không.  2. Ngành nghề kinh doanh quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này là ngành nghề kinh doanh có điều kiện. | - Sửa đổi, bổ sung theo hướng quy định các loại hình kinh doanh tại cảng hàng không và xác định loại hình kinh doanh có điều kiện.  - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **62** |  | **Điều 32. Quyền và nghĩa vụ của người khai thác cảng hàng không**  1. Trực tiếp quản lý, khai thác và bảo trì cảng hàng không và các kết cấu hạ tầng cảng hàng không, trang bị, thiết bị trong phạm vi được giao quản lý.  2. Duy trì đủ điều kiện khai thác cảng hàng không.  3. Chủ trì điều phối hoạt động khai thác, công tác bảo đảm an toàn, chất lượng dịch vụ hàng không tại cảng hàng không.  4. Phối hợp với các cơ quan của lực lượng vũ trang nhân dân thực hiện các nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh tại cảng hàng không theo yêu cầu và kế hoạch của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.  5. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Nhà chức trách hàng không Việt Nam, Nhà chức trách an ninh hàng không Việt Nam và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. | Bổ sung quy định về quyền và trách nhiệm của người khai thác cảng hàng không để làm rõ mối liên hệ với doanh nghiệp cảng hàng không |
| **63** | **Điều 63.** **Doanh nghiệp cảng hàng không**  1. Doanh nghiệp cảng hàng không là doanh nghiệp kinh doanh có điều kiện tổ chức khai thác cảng hàng không, sân bay.  2. Doanh nghiệp được Bộ Giao thông vận tải cấp Giấy phép kinh doanh cảng hàng không khi đáp ứng các điều kiện sau đây:  a) Có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;  b) Có tổ chức bộ máy và nhân viên được cấp giấy phép, chứng chỉ phù hợp, đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, khai thác cảng hàng không, sân bay;  c) Đáp ứng điều kiện về vốn theo quy định của Chính phủ;  d) Có phương án về trang bị, thiết bị và các điều kiện cần thiết khác để bảo đảm an toàn hàng không, an ninh hàng không.  3. Doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh cảng hàng không phải nộp lệ phí. |  | - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh. |
| **64** | **Điều 64.** **Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp cảng hàng không**  1. Quản lý, tổ chức khai thác kết cấu hạ tầng, trang bị, thiết bị của cảng hàng không, sân bay.  2. Lập kế hoạch đầu tư phát triển, cải tạo, mở rộng cảng hàng không, sân bay theo quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và phù hợp với nhu cầu phát triển, phù hợp với việc khai thác cảng hàng không, sân bay.  3. Tổ chức cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không, an toàn hàng không, dịch vụ hàng không và các dịch vụ công cộng khác tại cảng hàng không, sân bay.  4. Báo cáo định kỳ hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền các số liệu về kế hoạch và kết quả sản xuất kinh doanh hằng năm, dài hạn và các số liệu thống kê về khai thác cảng hàng không, sân bay.  5. Bố trí nơi làm việc cho các cơ quan quản lý nhà nước hoạt động thường xuyên tại cảng hàng không, sân bay theo yêu cầu của Cảng vụ hàng không.  6. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. | **Điều 33. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp cảng hàng không**  1. Kinh doanh cảng hàng không.  2. Tổ chức đầu tư, xây dựng, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cảng hàng không và các kết cấu hạ tầng, trang bị, thiết bị trong phạm vi được giao quản lý.  3. Tổ chức khai thác cảng hàng không, cung cấp dịch vụ hàng không và các dịch vụ phi hàng không tại cảng hàng không.  4. Ký hợp đồng nhượng quyền khai thác với tổ chức cung cấp dịch vụ hàng không; ký hợp đồng khai thác hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung tại cảng hàng không với tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ phi hàng không.  5. Xây dựng, duy trì hoạt động các công trình hệ thống hàng rào an ninh, hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung gồm đường giao thông nội cảng ngoài sân bay, công trình cấp điện, công trình cấp nước, công trình thoát nước, công trình bảo vệ môi trường, hạ tầng cung cấp năng lượng cho phương tiện mặt đất, công trình thông tin liên lạc và các công trình thiết yếu của cảng hàng không, trừ các công trình thuộc phạm vi quản lý, khai thác của cơ sở bảo đảm hoạt động bay.  6. Đầu tư, trang bị công cụ, công nghệ, các phần mềm hỗ trợ, phục vụ cho việc kiểm soát, điều hành cảng hàng không theo năng lực khai thác và giờ cất hạ cánh của tàu bay, sử dụng sân đỗ tàu bay, phối hợp hiệp đồng ra quyết định tại cảng hàng không theo yêu cầu và kế hoạch của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.  7. Phối hợp với các cơ quan, doanh nghiệp liên quan trong việc đầu tư, xây dựng, khai thác kết cấu hạ tầng, cung cấp dịch vụ theo các phương thức vận tải khác tại cảng hàng không. | Bổ sung, sửa đổi nhằm làm rõ các quyền và trách nhiệm của doanh nghiệp cảng hàng không đặc biệt là các nghĩa vụ liên quan đến đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cảng hàng không và ký kết các hợp đồng nhượng quyền kinh doanh để phù hợp với thực tiễn kinh doanh cảng hàng không hiện nay |
| **65** |  | **Điều 34. Đưa vào khai thác, đóng, đóng tạm thời công trình, một phần kết cấu hạ tầng cảng hàng không**  1. Công trình cảng hàng không được đưa vào khai thác phải bảo đảm đủ điều kiện và tiêu chuẩn khai thác theo quy định.  2. Các công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không được đưa vào khai thác, đóng, đóng tạm thời công trình hoặc một phần công trình | Bổ sung để quy định tại các văn bản dưới luật thủ tục đưa vào khai thác, đóng, đóng tạm thời công trình tại cảng hàng không xuất phát từ thực tiễn các hoạt động sửa chữa cải tạo nâng cấp các công trình tại cảng hàng không. |
| **66** | **Điều 65.** **Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay**  1. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay là doanh nghiệp kinh doanh có điều kiện, có mục đích hoạt động là cung cấp các dịch vụ liên quan trực tiếp đến hoạt động hàng không tại cảng hàng không, sân bay và phải được Bộ Giao thông vận tải cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không trên cơ sở quy hoạch phát triển cảng hàng không, sân bay.  2. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không được cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không khi đáp ứng các điều kiện sau đây:  a) Có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;  b) Có tổ chức bộ máy bảo đảm việc cung ứng các dịch vụ liên quan trực tiếp đến hoạt động hàng không tại cảng hàng không, sân bay và nhân viên được cấp giấy phép, chứng chỉ phù hợp, đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, khai thác tại cảng hàng không, sân bay;  c) Có trang bị, thiết bị và các điều kiện cần thiết khác để bảo đảm phục vụ an toàn hàng không, an ninh hàng không;  d) Đáp ứng điều kiện về vốn theo quy định của Chính phủ.  3. Doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không phải nộp lệ phí.  4. Danh mục dịch vụ hàng không do Chính phủ quy định. |  | - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình. phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **67** | **Điều 66.** **Trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không**  1. Cung cấp các dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay theo hợp đồng giao kết với doanh nghiệp cảng hàng không và thực hiện các quy định về khai thác cảng hàng không, sân bay.  2. Tổ chức phục vụ khách hàng của cảng hàng không, sân bay bảo đảm chất lượng, văn minh, lịch sự, chu đáo. |  | - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **68** | **Điều 67.** **Quyền lựa chọn doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay**  Doanh nghiệp vận chuyển hàng không có quyền tự do lựa chọn doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay, trừ trường hợp vì lý do an toàn hàng không, an ninh hàng không. | **Điều 35. Lựa chọn doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ hàng không tại cảng hàng không**  Doanh nghiệp vận tải hàng không, tổ chức, cá nhân hoạt động hàng không chung có quyền tự do lựa chọn doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ hàng không tại cảng hàng không trừ trường hợp vì lý do an toàn hàng không, an ninh hàng không. | Kế thừa các nội dung tại Luật hiện hành. |
|  | **CHƯƠNG V**  **HOẠT ĐỘNG BAY** | **Chương IV**  **HOẠT ĐỘNG BAY** | - Kết cấu lại theo hướng gọn nhẹ, quy định khung |
|  | **Mục 1** **QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG BAY** |  | - Kết cấu lại theo hướng gọn nhẹ, quy định khung |
| **69** | **Điều 80. Quản lý hoạt động bay tại cảng hàng không, sân bay**  1. Tàu bay được cất cánh, hạ cánh tại các cảng hàng không, sân bay được mở hợp pháp, trừ trường hợp phải hạ cánh bắt buộc.  2.Tàu bay Việt Nam, tàu bay nước ngoài thực hiện chuyến bay quốc tế chỉ được phép cất cánh, hạ cánh tại cảng hàng không quốc tế; trường hợp tàu bay cất cánh, hạ cánh tại cảng hàng không, sân bay nội địa hoặc chuyến bay quốc tế thực hiện vận chuyển nội địa bằng tàu bay Việt Nam phải được Bộ Giao thông vận tải cho phép sau khi thống nhất với Bộ Quốc phòng. | **Điều 36. Quản lý hoạt động bay**  1. Quản lý hoạt động bay bao gồm các nội dung sau: tổ chức, quản lý và khai thác vùng trời; cấp phép bay; bảo đảm hoạt động bay và phối hợp giữa các lực lượng, tổ chức liên quan.  2. Tàu bay khi hoạt động trong vùng trời Việt Nam phải thực hiện các quy định sau đây:  a) Bay theo đúng hành trình, đường hàng không, độ cao, khu vực bay, phương thức bay, điểm vào, điểm ra được phép, trừ trường hợp được phép của tổ chức cung cấp dịch vụ không lưu; tuân thủ các quy định về hoạt động bay, quy tắc bay;  b) Duy trì liên lạc liên tục với tổ chức cung cấp dịch vụ không lưu; tuân thủ sự điều hành, kiểm soát và hướng dẫn của tổ chức cung cấp dịch vụ không lưu;  c) Hạ cánh, cất cánh tại các cảng hàng không được chỉ định trong phép bay, trừ trường hợp hạ cánh bắt buộc, hạ cánh khẩn cấp;  d) Chỉ được phép cất cánh từ cảng hàng không khi có lệnh của tổ chức cung cấp dịch vụ không lưu;  đ) Tuân thủ nghiêm ngặt quy định về chuẩn bị chuyến bay, thực hiện chuyến bay và sau chuyến bay.  3. Người chỉ huy tàu bay phải báo cáo kịp thời với tổ chức cung cấp dịch vụ không lưu trong các trường hợp sau đây:  a) Tàu bay không thể bay đúng hành trình, đường hàng không, độ cao, khu vực bay, phương thức bay, điểm vào, điểm ra được phép hoặc không thể hạ cánh tại cảng hàng không được chỉ định trong phép bay;  b) Xuất hiện các tình huống phải hạ cánh khẩn cấp và các tình huống cấp thiết khác.  4. Tổ chức cung cấp dịch vụ không lưu và các cơ quan quân sự quản lý vùng trời phải kịp thời thông báo và phối hợp thực hiện các biện pháp ưu tiên hỗ trợ, hướng dẫn trong các trường hợp cần thiết, chia sẻ dữ liệu thông tin phục vụ quản lý hoạt động bay được giữa các cơ quan, đơn vị trong việc phối hợp quản lý điều hành bay.  5. Đối với mỗi vùng trời được chỉ định, tổ chức cung cấp dịch vụ không lưu phải chịu trách nhiệm cung cấp dịch vụ không lưu đối với tất cả các tàu bay bay trong vùng trời được chỉ định đó.  6. Tàu bay thực hiện hoạt động bay trong vùng thông báo bay do Việt Nam quản lý được cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay. Tàu bay hoạt động trong một vùng trời xác định chỉ được điều hành bởi một Tổ chức cung cấp dịch vụ không lưu. | - Bổ sung Khoản 1 để xác định rõ ràng về phạm vi quản lý hoạt động bay; phù hợp với thực tiễn quản lý hoạt động bay hiện nay; tạo cơ sở pháp lý cho việc phân công, phối hợp giữa các lực lượng, tổ chức liên quan và tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước.  - Sửa đổi, bổ sung và điều chỉnh diễn đạt một số quy định nhằm làm rõ, cập nhật các yêu cầu đối với tàu bay và tổ bay khi hoạt động trong vùng trời Việt Nam để bảo đảm an toàn hoạt động bay và phù hợp với thực tế trong quá trình tàu bay đang bay cần sự phối hợp với tổ chức cung cấp dịch vụ không lưu.  - Sử dụng “Tổ chức cung cấp dịch vụ không lưu”: Mở rộng phạm vi áp dụng của luật cho phù hợp với thực tiễn quản lý và hoạt động trong lĩnh vực hàng không và **t**ăng tính linh hoạt và bao quát của văn bản luật.  - Tại Khoản 4 có bổ sung nội dung chia sẻ dữ liệu thông tin phục vụ quản lý hoạt động bay được giữa các cơ quan, đơn vị trong việc phối hợp quản lý điều hành bay nhằm đảm bảo đồng bộ, cập nhật thông tin giữa tổ chức cung cấp dịch vụ không lưu với các cơ quan quân sự liên quan. |
| **70** | **Điều 83. Chuẩn bị chuyến bay, thực hiện chuyến bay và sau chuyến bay**  1. Người chỉ huy tàu bay, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc chuẩn bị chuyến bay phải tuân thủ nghiêm ngặt quy định về chuẩn bị chuyến bay, thực hiện chuyến bay và sau chuyến bay.  2. Tàu bay chỉ được phép cất cánh từ cảng hàng không, sân bay khi có lệnh của cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu.  3. Quy định tại khoản 2 Điều này cũng được áp dụng đối với tàu bay công vụ. |  | - Bãi bỏ; các nội dung về nguyên tắc, khung được quy định tại Điều về cấp phép bay.  - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **71** | **Điều 84. Yêu cầu đối với tàu bay và tổ bay khi hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam**  1. Khi hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam, tàu bay phải thực hiện các quy định sau đây:  a) Bay theo đúng hành trình, đường hàng không, khu vực bay, điểm vào, điểm ra được phép;  b) Duy trì liên lạc liên tục với các cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu; tuân thủ sự điều hành, kiểm  soát và hướng dẫn của cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu;  c) Hạ cánh, cất cánh tại các cảng hàng không, sân bay được chỉ định trong phép bay, trừ trường hợp hạ cánh bắt buộc, hạ cánh khẩn cấp;  d) Tuân theo phương thức bay, Quy chế không lưu hàng không dân dụng.  2. Người chỉ huy tàu bay phải báo cáo kịp thời với cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu trong các  trường hợp sau đây:  a) Tàu bay không thể bay đúng hành trình, đúng đường hàng không, khu vực bay, điểm vào,  điểm ra hoặc không thể hạ cánh tại cảng hàng không, sân bay được chỉ định trong phép bay vì lý do khách quan;  b) Xuất hiện các tình huống phải hạ cánh khẩn cấp và các tình huống cấp thiết khác.  3. Cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu, đơn vị quản lý vùng trời của Bộ Quốc phòng phải kịp thời thông báo cho nhau biết và phối hợp thựchiện các biện pháp ưu tiên giúp đỡ, hướng dẫn cần  thiết trong các trường hợp sau đây:  a) Các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này;  b) Khi tàu bay mất liên lạc hoặc tổ lái mất khả năng kiểm soát tàu bay. |  | - Bãi bỏ, các nội dung về nguyên tắc, khung được quy định tại Điều về cấp phép bay.  - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **72** | **Điều 79. Tổ chức, sử dụng vùng trời**  1. Việc tổ chức, sử dụng vùng trời phải bảo đảm các yêu cầu về quốc phòng, an ninh, an toàn cho tàu bay, hợp lý, hiệu quả và tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động hàng không dân dụng.  2.[28] Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ Giao thông vận tải quyết định việc thiết lập và  khai thác vùng trời sân bay, khu vực bay phục vụ hoạt động hàng không chung; trình Thủ tướng  Chính phủ quyết định việc thiết lập và khai thác đường hàng không.  Vùng trời sân bay là khu vực trên không có giới hạn ngang và giới hạn cao phù hợp với đặc điểm  của từng sân bay; phục vụ cho tàu bay cất cánh, hạ cánh, bay chờ trên sân bay.  Khu vực bay phục vụ hoạt động hàng không chung là khu vực trên không có giới hạn ngang và  giới hạn cao, được xác định cho từng loại hình khai thác; có quy tắc, phương thức bay và các yêu  cầu về cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay.  Đường hàng không là khu vực trên không có giới hạn xác định về độ cao, chiều rộng và được  kiểm soát.  3.[29] Bộ Giao thông vận tải quản lý việc tổ chức khai thác đường hàng không, vùng trời sân bay  dân dụng, khu vực bay phục vụ hoạt động hàng không chung trong vùng trời Việt Nam và vùng  thông báo bay do Việt Nam quản lý. Việc tổ chức khai thác vùng trời sân bay dùng chung dân  dụng và quân sự, khu vực bay phục vụ hoạt động hàng không chung phải có ý kiến thống nhất  bằng văn bản của Bộ Quốc phòng.  4. Quy định tại khoản 1 Điều này cũng được áp dụng đối với tàu bay công vụ. | **Điều 37. Tổ chức, quản lý khai thác vùng trời**  1. Việc tổ chức, quản lý khai thác vùng trời được thực hiện theo nguyên tắc linh hoạt, ưu tiên phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, tối ưu hóa khai thác hiệu quả vùng trời phục vụ hàng không dân dụng.  2. Tổ chức vùng trời Việt Nam và vùng thông báo bay do Việt Nam quản lý bao gồm:  a) Vùng trời hàng không dân dụng;  b) Vùng trời sân bay quân sự; các không vực; đường bay hoạt động quân sự;  c) Vùng trời sân bay dùng chung;  d) Khu vực cấm bay;  đ) Khu vực hạn chế bay;  e) Khu vực nguy hiểm;  g) Khu vực trách nhiệm sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang. | - Sửa đổi, bổ sung nhằm thực hiện nguyên tắc nhiệm vụ quốc phòng, an ninh là ưu tiên trong việc tổ chức, quản lý khai thác vùng trời, tuy nhiên bổ sung nội dung tối ưu hóa khai thác hiệu quả vùng trời phục vụ hàng không dân dụng trong đó xác định vùng trời hàng không dân dụng nhằm tận dụng hiệu quả tài nguyên vùng trời. Theo đó, hoạt động bay hàng không dân dụng sẽ được tối ưu yếu tố “linh hoạt” và tiêu chí “tối ưu hóa” các vùng trời, trong đó được xác định cụ thể trong vùng trời HKDD và phù hợp với điều kiện thực tiễn khi có thêm lực lượng Không quân Công an nhân dân. - Các quy định về tổ chức và khai thác vùng trời đã tính đến nhu cầu khai thác của các lĩnh vực khác nhau, bao gồm hàng không dân dụng, quân sự và hàng không chung; đảm bảo tối ưu hóa và hài hòa giữa phát triển hàng không, an toàn bay và quốc phòng - an ninh trong tình hình mới.  Nội dung này nhằm xác định các quy định mang tính nguyên tắc để việc sử dụng, khai thác vùng trời được linh hoạt, tối ưu hóa khai thác, bảo đảm hiệu quả hoạt động bay, phù hợp với yêu cầu bảo vệ chủ quyền quốc gia, quốc phòng, an ninh và phát triển kinh tế - xã hội, và quy định của Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; thể hiện Nhà nước thống nhất quản lý, bảo vệ và tổ chức khai thác vùng trời nhằm tối ưu hóa khai thác và nâng cao an toàn hàng không dân dụng, hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng - an ninh, phù hợp với quy định của ICAO, thông lệ quốc tế; mở rộng không gian phát triển hàng không dân dụng, hàng không chung và các loại hình hoạt động hàng không khác, đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học công nghệ trong lĩnh vực hoạt động bay.  *Mục tiêu:* Hiện đại hóa, tối ưu hóa tổ chức và khai thác vùng trời nhằm nâng cao an toàn hàng không, hài hòa giữa phát triển hàng không, an toàn bay và quốc phòng - an ninh, phù hợp với ICAO và thông lệ quốc tế và tạo động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội.  - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình. phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ.. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.. |
| **73** | **Điều 81. Cấp phép bay**  1. Phép bay là văn bản hoặc hiệu lệnh do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, xác định điều kiện và giới hạn được phép hoạt động của tàu bay.  2.Tàu bay hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam phải được cơ quan sau đây của Việt Nam cấp phép bay:  a) Bộ Ngoại giao cấp phép bay cho chuyến bay chuyên cơ nước ngoài chở khách mời của Đảng, Nhà nước và chuyến bay làm nhiệm vụ hộ tống hoặc tiền trạm cho chuyến bay chuyên cơ đó thực hiện hoạt động bay dân dụng tại Việt Nam.  Chuyến bay chuyên cơ là chuyến bay được sử dụng hoàn toàn riêng biệt hoặc kết hợp vận chuyển thương mại và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận hoặc thông báo theo quy định phục vụ chuyến bay chuyên cơ;  b) Bộ Quốc phòng cấp phép bay cho chuyến bay của tàu bay quân sự của Việt Nam, nước ngoài thực hiện hoạt động bay dân dụng tại Việt Nam; chuyến bay của tàu bay không người lái, phương tiện bay siêu nhẹ; chuyến bay thực hiện ngoài đường hàng không;  c) Bộ Giao thông vận tải cấp phép bay cho chuyến bay thực hiện hoạt động bay dân dụng tại Việt Nam, bao gồm chuyến bay của tàu bay Việt Nam và nước ngoài nhằm mục đích dân dụng không thuộc phạm vi quy định tại điểm a và điểm b khoản này; chuyến bay chuyên cơ của Việt Nam, chuyến bay hộ tống hoặc tiền trạm cho chuyến bay chuyên cơ đó; chuyến bay chuyên cơ của nước ngoài không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này và chuyến bay hộ tống hoặc tiền trạm cho chuyến bay chuyên cơ đó; chuyến bay của tàu bay công vụ Việt Nam và nước ngoài không thuộc phạm vi quy định tại điểm a và điểm b khoản này. | **Điều 38. Cấp phép bay**  1. Tàu bay hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam phải được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp phép bay.  2. Việc cấp phép bay cho các chuyến bay phải theo các nguyên tắc sau đây:  a) Đáp ứng các yêu cầu về quốc phòng, an ninh;  b) Đảm bảo an toàn hàng không, an ninh hàng không;  c) Phù hợp với năng lực của cảng hàng không, hệ thống cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay. | - Kế thừa các quy định về nguyên tắc, khung tại Luật hiện hành.  - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **74** | **Điều 82. Điều kiện cấp phép bay**  1. Việc cấp phép bay cho các chuyến bay phải đáp ứng các yêu cầu về quốc phòng, an ninh, an toàn hàng không; trật tự và lợi ích công cộng; phù hợp với khả năng đáp ứng của hệ thống bảo đảm hoạt động bay, các cảng hàng không, sân bay.  2. Việc cấp phép bay cho các chuyến bay vận chuyển hàng không thương mại thường lệ phải đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều này và căn cứ vào quyền vận chuyển hàng không được cấp. |  | - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ.. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới và nguyên tắc tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, cắt giảm, đơn giản thủ tục hành chính. |
| **75** | **Điều 85. Khu vực cấm bay, khu vực hạn chế bay**  1. Khu vực cấm bay là khu vực trên không có kích thước xác định mà tàu bay không được bay  vào, trừ trường hợp tàu bay công vụ Việt Nam đang thực hiện công vụ.  Khu vực hạn chế bay là khu vực trên không có kích thước xác định mà tàu bay chỉ được phép  hoạt động tại khu vực đó khi đáp ứng các điều kiện cụ thể.  2. Thủ tướng Chính phủ quyết định thiết lập khu vực cấm bay, khu vực hạn chế bay trong lãnh  thổ Việt Nam nhằm mục đích bảo đảm quốc phòng, an ninh, an toàn xã hội.  Trong trường hợp đặc biệt vì lý do quốc phòng, an ninh, Bộ Quốc phòng quyết định hạn chế bay  tạm thời hoặc cấm bay tạm thời tại một hoặc một số khu vực trong lãnh thổ Việt Nam; quyết  định này có hiệu lực ngay.  3. Bộ Quốc phòng quy định việc quản lý khu vực cấm bay và khu vực hạn chế bay. |  | - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **76** | **Điều 86. Khu vực nguy hiểm**  1. Khu vực nguy hiểm là khu vực trên không có kích thước xác định mà tại đó hoạt động bay có thể bị nguy hiểm vào thời gian xác định.  2. Khu vực nguy hiểm và chế độ bay trong khu vực nguy hiểm do Bộ Quốc phòng xác định và thông báo cho Bộ Giao thông vận tải. |  | - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **77** | **Điều 90. Cưỡng chế tàu bay vi phạm**  Tàu bay vi phạm khu vực cấm bay, khu vực hạn chế bay hoặc vi phạm các quy định của Quy chế không lưu hàng không dân dụng, quy định về quản lý hoạt động bay dân dụng, về quản lý, sử dụng vùng trời và không chấp hành lệnh của cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu thì có thể bị áp dụng biện pháp bay chặn, bắt buộc tàu bay hạ cánh tại cảng hàng không, sân bay, các biện pháp cưỡng chế khác đối với tàu bay. Quy định này cũng được áp dụng đối với tàu bay công vụ. | **Điều 39. Cưỡng chế tàu bay vi phạm**  Tàu bay vi phạm khu vực cấm bay, khu vực hạn chế bay hoặc vi phạm các quy định về quản lý hoạt động bay, quản lý, khai thác vùng trời có thể bị áp dụng biện pháp bay chặn, bắt buộc tàu bay hạ cánh tại cảng hàng không, các biện pháp cưỡng chế khác đối với tàu bay. | Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với thực tế do:  - Hiện nay không còn hình thức “Quy chế không lưu”.  - Sử dụng thống nhất nội dung “quản lý, khai thác” thay cho “sử dụng” vùng trời. |
| **78** | **Điều 92. Quản lý chướng ngại vật**  1. Quản lý chướng ngại vật là việc thống kê, đánh dấu, công bố, quản lý, cấp phép sử dụng khoảng không và xử lý các chướng ngại vật tự nhiên, nhân tạo có thể ảnh hưởng đến an toàn của hoạt động bay.  2.[26] Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ Giao thông vận tải quy định và quản lý bề mặt giới hạn chướng ngại vật hàng không, độ cao công trình liên quan đến bề mặt giới hạn chướng ngại vật hàng không.  Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng công bố công khai các bề mặt giới hạn chướng ngại vật hàng không, độ cao công trình liên quan đến bề mặt giới hạn chướng ngại vật hàng không trong khu vực sân bay có hoạt động hàng không dân dụng; khu vực giới hạn bảo đảm hoạt động bình thường của các đài, trạm vô tuyến điện hàng không; giới hạn chướng ngại vật của khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay; thống kê, đánh dấu và công bố danh mục chướng ngại vật tự nhiên, nhân tạo có thể ảnh hưởng đến an toàn của hoạt động bay.  3. Tổ chức, cá nhân xây dựng, quản lý, sử dụng nhà cao tầng, trang bị, thiết bị kỹ thuật, đường dây tải điện, thiết bị kỹ thuật vô tuyến điện và các công trình khác có ảnh hưởng đến an toàn của hoạt động bay phải gắn các dấu hiệu, thiết bị nhận biết theo quy định của Luật này và chịu chi phí.  4. Không được xây dựng trường bắn làm mất an toàn hàng không và bố trí hướng bắn của trường bắn cắt đường hàng không.  5.[27] Khi cấp phép xây dựng công trình tại các khu vực quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan có thẩm quyền cấp phép xây dựng phải tuân thủ quy định về độ cao công trình liên quan đến bề mặt giới hạn chướng ngại vật hàng không. | **Điều 40. Quản lý chướng ngại vật**  Việc quản lý chướng ngại vật nhằm bảo đảm an toàn cho hoạt động bay, bao gồm:  1. Xác định giới hạn chiều cao, bề mặt chướng ngại vật.  2. Công bố công khai bề mặt giới hạn chướng ngại vật hàng không, độ cao công trình liên quan đến bề mặt giới hạn chướng ngại vật hàng không trong khu vực sân bay có hoạt động hàng không dân dụng; khu vực giới hạn bảo đảm hoạt động bình thường của các đài vô tuyến điện hàng không; giới hạn chướng ngại vật của khu vực lân cận cảng hàng không.  3. Thống kê, đánh dấu và công bố danh mục chướng ngại vật tự nhiên, nhân tạo có thể ảnh hưởng đến an toàn của hoạt động bay.  4. Quản lý việc gắn dấu hiệu, thiết bị nhận biết đối với nhà cao tầng, trang bị, thiết bị kỹ thuật, đường dây tải điện, thiết bị kỹ thuật vô tuyến điện và các công trình khác có ảnh hưởng đến an toàn của hoạt động bay.  5. Xử lý vi phạm. | Sửa đổi, bổ sung nhằm cụ thể hóa mục tiêu của việc quản lý chướng ngại vật nhằm đảo bảo an toàn hoạt động bay với các cách thức cụ thể bảo gồm xác định rõ về các giới hạn chướng ngại vật và bề mặt chướng ngại vật phải được quản lý; việc công bố công khai giới hạn bề mặt chướng ngại vật, ngoài ra bổ sung nội dung về việc xử lý vi phạm đối với nội dung quản lý về chướng ngại vật.  - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình. phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **79** | **Điều 93. Quản lý tần số**  1. Việc quản lý các dải tần số sử dụng cho đài, trạm vô tuyến điện và hệ thống thông tin, dẫn đường, giám sát hàng không được thực hiện theo quy định của pháp luật về viễn thông.  2. Tổ chức, cá nhân sử dụng đài, trạm thông tin liên lạc hoặc thiết bị khác không được gây cản trở, làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của đài, trạm vô tuyến điện hàng không; phải chấm dứt việc sử dụng và nhanh chóng di dời đài, trạm thông tin liên lạc hoặc thiết bị gây cản trở, làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của đài, trạm vô tuyến điện hàng không. | **Điều 41. Sử dụng tần số vô tuyến điện**  1. Việc quản lý, sử dụng các dải tần số sử dụng cho đài, trạm vô tuyến điện và hệ thống thông tin, dẫn đường, giám sát hàng không được thực hiện theo quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện.  2. Tổ chức, cá nhân sử dụng đài, trạm thông tin liên lạc hoặc thiết bị khác không được gây cản trở, làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của đài, trạm vô tuyến điện hàng không; phải chấm dứt việc sử dụng và nhanh chóng di dời đài, trạm thông tin liên lạc hoặc thiết bị gây cản trở, làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của đài, trạm vô tuyến điện hàng không. | Sửa “viễn thông” thành “tần số vô tuyến điện” phù hợp với Luật tần số vô tuyến điện hiện hành |
| **80** | **Điều 87. Bay trên khu vực đông dân**  1. Khi bay trên khu vực đông dân, tàu bay phải bay ở độ cao được quy định trong Quy chế không lưu hàng không dân dụng.  2. Tàu bay không được bay thao diễn, luyện tập trên khu vực đông dân, trừ trường hợp được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. | **Điều 42. Bay trên khu vực đông dân**  Tàu bay không được bay thao diễn, luyện tập trên khu vực đông dân, trừ trường hợp được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. | - Kế thừa các quy định về nguyên tắc, khung tại Luật hiện hành.  - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình. phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **81** | **Điều 88. Xả nhiên liệu, thả hành lý, hàng hóa hoặc các đồ vật khác từ tàu bay**  Tàu bay đang bay không được xả nhiên liệu, thả hành lý, hàng hóa hoặc các đồ vật khác từ tàu bay xuống. Trường hợp vì lý do an toàn của chuyến bay hoặc để thực hiện nhiệm vụ cứu nguy trong tình thế khẩn nguy hoặc các nhiệm vụ bay khác vì lợi ích công cộng, tàu bay được xả nhiên liệu, thả hành lý, hàng hóa và các đồ vật khác từ tàu bay xuống khu vực do Bộ Giao thông vận tải quy định sau khi thống nhất với Bộ Tài nguyên và Môi trường. | **Điều 43. Xả nhiên liệu, thả hành lý, hàng hoá hoặc các đồ vật khác từ tàu bay**  Tàu bay đang bay không được xả nhiên liệu, thả hành lý, hàng hoá hoặc các đồ vật khác từ tàu bay xuống. Trường hợp vì lý do an toàn của chuyến bay hoặc để thực hiện nhiệm vụ cứu nguy trong tình thế khẩn nguy hoặc các nhiệm vụ bay khác vì lợi ích công cộng, tàu bay được xả nhiên liệu, thả hành lý, hàng hoá và các đồ vật khác từ tàu bay xuống khu vực do cơ quan có thẩm quyền xác định. | - Kế thừa các quy định về nguyên tắc, khung tại Luật hiện hành.  - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **82** | **Điều 89. Công bố thông tin hàng không**  Bộ Giao thông vận tải công bố công khai các đường hàng không, khu vực cấm bay, khu vực hạn chế bay, khu vực nguy hiểm, khu vực cung cấp dịch vụ không lưu, khu vực xả nhiên liệu, thả hành lý, hàng hóa hoặc các đồ vật khác từ tàu bay xuống. | **Điều 44. Công bố tin tức hàng không**  Các đường hàng không, khu vực cấm bay, khu vực hạn chế bay, khu vực nguy hiểm, vùng trời hàng không dân dụng, khu vực xả nhiên liệu, thả hành lý, hàng hoá hoặc các đồ vật khác từ tàu bay xuống phải được công bố tin tức hàng không theo quy định. | - Kế thừa các quy định về nguyên tắc, khung tại Luật hiện hành. - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **83** | **Điều 91. Phối hợp quản lý hoạt động bay dân dụng và quân sự**  1. Nguyên tắc phối hợp quản lý hoạt động bay dân dụng và quân sự bao gồm:  a) Bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh, an toàn và hiệu quả của hoạt động hàng không dân  dụng;  b) Tuân theo quy định của Luật này khi hoạt động bay trong đường hàng không, vùng trời sân  bay dân dụng, khu vực bay phục vụ hoạt động hàng không chung trong vùng trời Việt Nam và  vùng thông báo bay do Việt Nam quản lý;  c) Thực hiện hoạt động nghiệp vụ và giải quyết các vấn đề phát sinh trong phạm vi nhiệm vụ,  quyền hạn của mình.  2. Nội dung phối hợp trong quản lý hoạt động bay bao gồm:  a) Tổ chức vùng trời, thiết lập đường hàng không và xây dựng phương thức bay;  b) Sử dụng vùng trời; quản lý hoạt động bay dân dụng ngoài đường hàng không và vùng trời sân  bay;  c) Cấp phép bay, lập kế hoạch bay và thông báo tin tức về hoạt động bay;  d) Sử dụng các dịch vụ bảo đảm hoạt động bay;  đ) Tìm kiếm, cứu nạn;  e) Quản lý hoạt động bay đặc biệt, bao gồm bay để chụp ảnh, thăm dò địa chất, quay phim từ  trên không, thao diễn, luyện tập, thử nghiệm, sử dụng phương tiện liên lạc vô tuyến điện ngoài  thiết bị của tàu bay và bay vào khu vực hạn chế bay. |  | - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình. phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; |
| **84** | **Điều 95. Bảo đảm hoạt động bay**  1. Bảo đảm hoạt động bay gồm:  a) Tổ chức và quản lý bảo đảm hoạt động bay;  b) Cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay.  2. Tổ chức và quản lý bảo đảm hoạt động bay là việc thiết lập và vận hành hệ thống bảo đảm hoạt động bay, bao gồm việc quy hoạch vùng thông báo bay; quy hoạch, quản lý việc đầu tư xây dựng, bảo trì, sửa chữa, duy trì đủ điều kiện khai thác cơ sở hạ tầng, tổ chức khai thác hệ thống bảo đảm hoạt động bay; tiêu chuẩn hóa, đánh giá, giám sát bảo đảm chất lượng cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay; hiệp đồng điều hành bay và thông báo tin tức hàng không.  Bộ Giao thông vận tải tổ chức và quản lý bảo đảm hoạt động bay.  3. Dịch vụ bảo đảm hoạt động bay là dịch vụ cần thiết để bảo đảm an toàn, điều hòa, liên tục và hiệu quả cho hoạt động bay, bao gồm dịch vụ không lưu; dịch vụ thông tin, dẫn đường, giám sát; dịch vụ khí tượng; dịch vụ thông báo tin tức hàng không; dịch vụ tìm kiếm, cứu nạn. Dịch vụ bảo đảm hoạt động bay là dịch vụ công ích.  4. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay phải có các cơ sở cung cấp dịch vụ và hệ thống kỹ thuật, thiết bị được Bộ Giao thông vận tải cấp giấy phép khai thác. Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép khai thác phải nộp lệ phí.  5. Tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động bay trong vùng thông báo bay do Việt Nam quản lý được cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay. | **Điều 45. Bảo đảm hoạt động bay**  1. Dịch vụ bảo đảm hoạt động bay là dịch vụ công ích, bao gồm các dịch vụ sau:  a) Quản lý không lưu;  b) Thông tin, dẫn đường, giám sát;  c) Khí tượng hàng không;  d) Tin tức hàng không;  đ) Tìm kiếm, cứu nạn hàng không.  2. Dịch vụ bảo đảm hoạt động bay phải đáp ứng yêu cầu an toàn, liên tục, điều hòa và hiệu quả, tuân thủ quy định về quản lý, sử dụng, bảo vệ vùng trời, bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia.  3. Nhà nước bảo đảm tổ chức hệ thống kết cấu hạ tầng bảo đảm hoạt động bay, cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay, hệ thống trang thiết bị kỹ thuật và hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật, tài liệu khai thác, sơ đồ, bản đồ hàng không phù hợp với tiêu chuẩn, hướng dẫn của Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế (ICAO) và Chương trình quốc gia về bảo đảm hoạt động bay.  4. Chương trình quốc gia về bảo đảm hoạt động bay được ban hành nhằm tổ chức và vận hành hệ thống bảo đảm hoạt động bay thống nhất, phù hợp với Chương trình bảo đảm hoạt động bay của Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế (ICAO). | - Bãi bỏ “*quy hoạch vùng thông báo bay*” để phù hợp với đặc tính của vùng FIR (vùng trời có kích thước xác định gồm vùng trời thuộc chủ quyền và vùng trời không thuộc chủ quyền (vùng trời ngoài lãnh hải) do ICAO phân định hoặc trên cơ sở ủy quyền của quốc gia khác).  - Sửa đổi, bổ sung phù hợp với ICAO ( Theo tài liệu ICAO 9161 hướng dẫn về các vấn đề kinh tế trong cung cấp các dịch vụ bảo đảm hoạt động bay - phiên bản 6, 2023 (ICAO Doc 9161 Manual on Air Navigation Services Economics- Sixth Edition, 2023):  “Air navigation services. This term includes air traffic management (ATM), communications, navigation and surveillance systems (CNS), meteorological services for air navigation (MET), search and rescue (SAR) and aeronautical information services (AIS).  - Xác định dịch vụ bảo đảm hoạt động bay là dịch vụ công ích (Kế thừa Điều 95 Luật HK hiện hành) Nhà nước đảm bảo việc tổ chức hệ thống kết cấu hạ tầng bảo đảm hoạt động bay bao gồm cơ chế, chính sách và các nội dung liên quan để các tổ chức cung cấp dịch bảo đảm hoạt động bay cung cấp dịch vụ.  Việc bổ sung quy định về đảm bảo cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, hệ thống tiêu chuẩn, sơ đồ, bản đồ... trong quản lý, điều hành hoạt động bay theo Điều 28 Công ước Chicago **(**Article 28**.** Air navigation facilities and standard systems**)**  - Hiện nay, Tổ chức HKDD quốc tế (ICAO) đã ban hành chương trình bảo đảm hoạt động bay, do đó các quốc gia thành viên phải tiến hành ban hành chương trình quốc gia phù hợp với Chương trình của ICAO nên cần thiết phải bổ sung về nội dung này, cụ thể:  Nghị quyết A41 của Đại hội đồng ICAO năm 2022: Mục 8 Phụ đính B của Nghị quyết Đại hội đồng ICAO lần thứ 41 yêu cầu các quốc gia xây dựng Chương trình bảo đảm hoạt động bay quốc gia để phát triển, hiện đại hóa lĩnh vực bảo đảm hoạt động bay của mình, bảo đảm tương thích với Kế hoạch bảo đảm hoạt động bay toàn cầu và khu vực của ICAO ban hành.  Các tài liệu cụ thể của ICAO: - Doc 9750 (Global Air Navigation Plan - GANP) với nội dung bao gồm khung chiến lược 15 năm và các mục tiêu về an toàn, hiệu quả, bền vững.  Doc 9673 (Asia/Pacific Regional Air Navigation Plan - APAC RANP) tài liệu hướng dẫn đảm bảo kế hoạch của Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương đồng bộ với kế hoạch toàn cầu (GANP) Asia/Pacific Seamless ATM Plan 2023.  - Kế thừa các quy định về nguyên tắc, khung tại Luật hiện hành.  - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **85** | **Điều 96. Dịch vụ không lưu**  **1**. Dịch vụ không lưu bao gồm dịch vụ điều hành bay, dịch vụ thông báo bay, dịch vụ tư vấn  không lưu và dịch vụ báo động.  2. Tàu bay hoạt động trong một vùng trời xác định phải được điều hành bởi một cơ sở cung cấp  dịch vụ không lưu.  3. Cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị có liên quan để quản lý, điều hành hoạt động bay dân dụng. |  | - Bãi bỏ, lý do: dịch vụ không lưu là một phần cấu thành của quản lý không lưu, nội dung chi tiết này sẽ được cụ thể hóa tại văn bản dưới luật.  - Đối với” Tàu bay hoạt động trong một vùng trời xác định phải được điều hành bởi một cơ sở cung cấp đã được qui định tại Điều 36 trên. |
| **86** | **Điều 97. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu**  1. Dịch vụ không lưu do doanh nghiệp nhà nước cung cấp.  Việc thành lập, hoạt động của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu được thực hiện theo quy  định của Luật này và pháp luật về doanh nghiệp. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định  thành lập doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu.  2. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu được thành lập khi có đủ các điều kiện sau đây:  a) Phù hợp với quy hoạch, chiến lược phát triển ngành hàng không dân dụng;  b) Có phương án về tổ chức bộ máy phù hợp;  c) Có phương án về kết cấu hạ tầng và hệ thống kỹ thuật, trang bị, thiết bị phù hợp;  d) Có phương án về đội ngũ nhân viên được cấp giấy phép, chứng chỉ phù hợp để vận hành khai  thác hệ thống kỹ thuật, trang bị, thiết bị và tài liệu hướng dẫn khai thác. |  | - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **87** | **Điều 98. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu**  1. Cung cấp đầy đủ và liên tục dịch vụ không lưu.  2. Cung cấp các dịch vụ bảo đảm hoạt động bay khác theo nhiệm vụ được Bộ Giao thông vận tải giao.  3. Duy trì liên lạc và phối hợp chặt chẽ với các cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu của quốc gia  lân cận để cung cấp dịch vụ điều hành bay, bảo đảm an toàn, điều hoà, liên tục và hiệu quả cho  hoạt động của tàu bay trên các đường hàng không và vùng thông báo bay do Việt Nam quản lý.  4. Tuân thủ quy định về quản lý, sử dụng và bảo vệ vùng trời, Quy chế không lưu hàng không  dân dụng và các tài liệu hướng dẫn bảo đảm hoạt động bay.  5. Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị quản lý vùng trời, quảnlý bay thuộcBộ Quốc phòng để bảo  đảm an toàn cho hoạt động bay dân dụng.  **6**. Tham gia, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc xử lý các tình huống khẩn  nguy, can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng và tác chiến phòng không.  7. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. |  | - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **88** | **Điều 99. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp tham gia cung cấp dịch vụ thông tin, dẫn đường, giám sát, dịch vụ khí tượng, dịch vụ thông báo tin tức hàng không, dịch vụ tìm kiếm, cứu nạn**  1. Cung cấp các dịch vụ thông tin, dẫn đường, giám sát, dịch vụ khí tượng, dịch vụ thông báo tin  tức hàng không, dịch vụ tìm kiếm, cứu nạn được Bộ Giao thông vận tải giao hoặc theo hợp đồng.  2. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp**.** |  | - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **89** | **Điều 100. Quy định chi tiết về bảo đảm hoạt động bay**  Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về việc tổ chức và quản lý bảo đảm hoạt động  bay; điều kiện, thủ tục cấp giấy phép khai thác cho các cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt  động bay, hệ thống kỹ thuật và thiết bị bảo đảm hoạt động bay. |  | - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **90** | **Điều 101.** **Thông báo tình trạng lâm nguy, lâm nạn**  1. Tàu bay bị coi là lâm nguy khi tàu bay hoặc những người trong tàu bay bị nguy hiểm mà các thành viên tổ bay không thể khắc phục được hoặc tàu bay bị mất liên lạc và chưa xác định được vị trí tàu bay.  Tàu bay bị coi là lâm nạn nếu tàu bay bị hỏng nghiêm trọng khi lăn, cất cánh, đang bay, hạ cánh hoặc bị phá huỷ hoàn toàn và tàu bay hạ cánh bắt buộc ngoài sân bay.  2. Tàu bay trong tình trạng lâm nguy, lâm nạn phải phát tín hiệu và thông báo cho cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu để yêu cầu trợ giúp; trường hợp lâm nguy, lâm nạn trên biển còn phải phát tín hiệu cho các tàu biển và các trung tâm tìm kiếm, cứu nạn hàng hải.  3. Cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu phải thông báo ngay cho các cơ sở cung cấp dịch vụ tìm kiếm, cứu nạn khi nhận được tín hiệu, thông báo hoặc tin tức về tàu bay đang trong tình trạng lâm nguy, lâm nạn.  4. Quy định tại khoản 3 Điều này cũng được áp dụng đối với tàu bay công vụ. | **Điều 46. Tìm kiếm cứu nạn tàu bay**  1. Tàu bay bị coi là lâm nguy khi tàu bay hoặc những người trong tàu bay bị nguy hiểm mà các thành viên tổ bay không thể khắc phục được hoặc tàu bay bị mất liên lạc và chưa xác định được vị trí tàu bay.  2. Tàu bay bị coi là lâm nạn nếu tàu bay bị hỏng nghiêm trọng khi lăn, cất cánh, đang bay, hạ cánh hoặc bị phá hủy hoàn toàn và tàu bay hạ cánh bắt buộc ngoài sân bay.  3. Cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu, cơ sở cung cấp dịch vụ tìm kiếm, cứu nạn hàng không, người khai thác cảng hàng không và lực lượng, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm phối hợp áp dụng mọi biện pháp cần thiết và kịp thời để thực hiện tìm kiếm cứu nạn, trợ giúp tàu bay, hành khách, tổ bay và tài sản.  4. Việc tìm kiếm, cứu nạn tàu bay mang quốc tịch Việt Nam bị lâm nguy, lâm nạn ở lãnh thổ nước ngoài được tiến hành theo quy định của pháp luật quốc gia nơi tàu bay bị lâm nguy, lâm nạn.  5. Trong trường hợp cần thiết, quốc gia đăng ký quốc tịch tàu bay, chủ sở hữu tàu bay được tham gia tìm kiếm, cứu nạn tàu bay mang quốc tịch nước ngoài lâm nguy, lâm nạn tại Việt Nam.  6. Việc phối hợp trợ giúp, tham gia tìm kiếm, cứu nạn giữa Việt Nam với các quốc gia lân cận được thực hiện theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. | - Kế thừa các quy định mang tính nguyên của Luật hiện hành.  - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **91** | **Điều 102.** **Phối hợp hoạt động tìm kiếm, cứu nạn**  1. Cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu có trách nhiệm phối hợp với cơ sở cung cấp dịch vụ tìm kiếm, cứu nạn áp dụng mọi biện pháp cần thiết và kịp thời để trợ giúp tàu bay, hành khách, tổ bay và tài sản khi tàu bay lâm nguy, lâm nạn.  2. Trong trường hợp tàu bay lâm nguy, lâm nạn tại cảng hàng không, sân bay và khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay, Cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước chuyên ngành hàng không dân dụng phối hợp với Ủy ban nhân dân các cấp tiến hành tìm kiếm, cứu nạn người, tàu bay và tài sản.  3. Trong trường hợp tàu bay lâm nguy, lâm nạn ngoài khu vực quy định tại khoản 2 Điều này, Ủy ban Quốc gia tìm kiếm cứu nạn chủ trì, phối hợp với Bộ Giao thông vận tải, bộ, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan, tổ chức khác tiến hành tìm kiếm, cứu nạn người, tàu bay và tài sản.  4. Việc tìm kiếm, cứu nạn tàu bay mang quốc tịch Việt Nam bị lâm nguy, lâm nạn ở lãnh thổ nước ngoài được tiến hành theo quy định của pháp luật quốc gia nơi tàu bay bị lâm nguy, lâm nạn.  5. Việc phối hợp trợ giúp, tham gia tìm kiếm, cứu nạn giữa Việt Nam với các quốc gia lân cận được thực hiện theo điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.  6. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm tham gia tìm kiếm, cứu nạn hàng không dân dụng; bảo quản tàu bay và tài sản trong tàu bay khi tàu bay lâm nạn ở địa phương ngoài khu vực cảng hàng không, sân bay.  7. Các doanh nghiệp vận chuyển hàng không có trách nhiệm tham gia vào hoạt động tìm kiếm, cứu nạn hàng không theo yêu cầu của cơ sở cung cấp dịch vụ tìm kiếm, cứu nạn. |  | - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **92** | **Điều 103.** **Trách nhiệm tìm kiếm, cứu nạn**  1. Cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu, cơ sở cung cấp dịch vụ tìm kiếm, cứu nạn phải tiến hành ngay việc tìm kiếm tàu bay bị lâm nguy, lâm nạn.  2. Trường hợp đã áp dụng tất cả các biện pháp để tìm kiếm tàu bay bị lâm nạn, hành khách và tổ bay của tàu bay bị lâm nạn mà không có kết quả thì Bộ Giao thông vận tải quyết định chấm dứt hoạt động tìm kiếm tàu bay đó.  3. Tàu bay bị coi là mất tích từ ngày có quyết định chấm dứt hoạt động tìm kiếm.  4. Người khai thác tàu bay có trách nhiệm di dời tàu bay ra khỏi nơi bị nạn theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và chịu mọi chi phí có liên quan. |  | - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
|  | CHƯƠNG VI  **VẬN CHUYỂN HÀNG KHÔNG**  **Mục 1  DOANH NGHIỆP VẬN CHUYỂN HÀNG KHÔNG** | **Chương V**  **VẬN TẢI HÀNG KHÔNG VÀ HÀNG KHÔNG CHUNG** | Đổi tên chương thành vận tải hàng không và hàng không chung để phù hợp với phân loại của ICAO, đồng bộ với việc quản lý trong các lĩnh vực an toàn, khai thác cảng, quản lý hoạt động bay. |
| **93** | **Điều 109.** **Kinh doanh vận chuyển hàng không**  1. Vận chuyển hàng không là việc vận chuyển hành khách, hành lý, hàng hoá, bưu gửi bằng đường hàng không. Vận chuyển hàng không bao gồm vận chuyển hàng không thường lệ và vận chuyển hàng không không thường lệ.  Vận chuyển hàng không thường lệ là việc vận chuyển bằng đường hàng không bao gồm các chuyến bay được thực hiện đều đặn, theo lịch bay được công bố và được mở công khai cho công chúng sử dụng.  Vận chuyển hàng không không thường lệ là việc vận chuyển bằng đường hàng không không có đủ các yếu tố của vận chuyển hàng không thường lệ.  2. Kinh doanh vận chuyển hàng không là ngành kinh doanh có điều kiện và do doanh nghiệp vận chuyển hàng không (sau đây gọi là hãng hàng không) thực hiện. | **Điều 47. Vận tải hàng không**    1. Vận tải hàng không là ngành nghề kinh doanh có điều kiện, bao gồm vận tải hàng không thương mại và vận tải hàng không chuyên dụng.  2. Vận tải hàng không thương mại là hoạt động khai thác tàu bay có thu lợi để vận chuyển hành khách, hàng hóa hoặc bưu gửi bao gồm: vận tải hàng không thương mại thường lệ và vận tải hàng không thương mại không thường lệ.  3. Vận tải hàng không chuyên dụng là hoạt động khai thác tàu bay có thu lợi để cung cấp dịch vụ trong hoạt động sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, xây dựng, huấn luyện, các lĩnh vực kinh tế khác và phục vụ tìm kiếm, cứu nạn, cấp cứu, cứu hộ, y tế, nghiên cứu khoa học, văn hoá, thể thao, bay hiệu chuẩn, đo đạc, chụp ảnh, quay phim và các công việc trên không khác. | Sửa đổi, bổ sung nhằm phân loại các loại hình vận tải hàng không phù hợp với quy định của ICAO. |
| **94** | **Điều 110.** **Điều kiện cấp Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không**  1. Doanh nghiệp được cấp Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không khi có đủ các điều kiện sau đây:  a) Có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mà ngành kinh doanh chính là vận chuyển hàng không;  b) Có phương án bảo đảm có tàu bay khai thác;  c) Có tổ chức bộ máy, có nhân viên được cấp giấy phép, chứng chỉ phù hợp bảo đảm khai thác tàu bay, kinh doanh vận chuyển hàng không;  d) Đáp ứng điều kiện về vốn theo quy định của Chính phủ;  đ) Có phương án kinh doanh và chiến lược phát triển sản phẩm vận chuyển hàng không phù hợp với nhu cầu của thị trường và quy hoạch, định hướng phát triển ngành hàng không;  e) Có trụ sở chính và địa điểm kinh doanh chính tại Việt Nam.  2. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được cấp Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không khi có đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và các điều kiện sau đây:  a) Bên nước ngoài góp vốn với tỷ lệ theo quy định của Chính phủ;  b) Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp là công dân Việt Nam và không quá một phần ba tổng số thành viên trong bộ máy điều hành là người nước ngoài.  3. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải cấp Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không sau khi được Thủ tướng Chính phủ cho phép.  4. Doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không phải nộp lệ phí.  4a. Doanh nghiệp được cấp Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không có nghĩa vụ sau đây:  a) Công bố nội dung Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không;  b) Hoạt động đúng mục đích, nội dung, điều kiện ghi trong Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không;  c) Duy trì điều kiện được cấp Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy chứng nhận người khai thác tàu bay theo quy định;  d) Duy trì chất lượng của dịch vụ vận chuyển hàng không theo quy định của Bộ Giao thông vận tải;  đ) Tuân thủ quy định của pháp luật về hàng không dân dụng và pháp luật khác có liên quan.  5. Chính phủ quy định cụ thể điều kiện, trình tự, thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không. |  | - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; Chính phủ sẽ quy định về điều kiện, trình tự thủ tục trên nguyên tắc cắt giảm, đơn giản thủ tục hành chính và điều kiện kinh doanh. |
| **95** | **Điều 111.** **Điều lệ vận chuyển**  1. Điều lệ vận chuyển là bộ phận cấu thành của hợp đồng vận chuyển hàng không, quy định các điều kiện của người vận chuyển đối với việc vận chuyển hành khách, hành lý, hàng hoá, bưu gửi bằng đường hàng không.  2. Điều lệ vận chuyển không được trái với quy định của Luật này và quy định của điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.  3. Hãng hàng không có trách nhiệm ban hành Điều lệ vận chuyển và đăng ký với Bộ Giao thông vận tải. | **Điều 48. Điều lệ vận chuyển**  1. Điều lệ vận chuyển là bộ phận cấu thành của hợp đồng vận chuyển hàng không, quy định các điều kiện của người vận chuyển đối với việc vận chuyển hành khách, hành lý, hàng hoá, bưu gửi bằng đường hàng không.    2. Doanh nghiệp vận tải kinh doanh dịch vụ vận tải hàng không thương mại (sau đây gọi là hãng hàng không hoặc người vận chuyển) của Việt Nam có trách nhiệm ban hành Điều lệ vận chuyển và thông báo cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định. | - Sửa đổi, bổ sung nhằm làm rõ khái niệm về đối tượng áp dụng, chỉ áp dụng cho hãng hàng không Việt Nam;  - Kế thừa các quy định mang tính nguyên tắc của Luật hiện hành.  - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **96** | **Mục 2  KHAI THÁC VẬN CHUYỂN HÀNG KHÔNG**  **Điều 112.** **Quyền vận chuyển hàng không**  1. Quyền vận chuyển hàng không là quyền khai thác thương mại vận chuyển hàng không với các điều kiện về hãng hàng không, đường bay, tàu bay khai thác, chuyến bay và đối tượng vận chuyển.  2. Hãng hàng không kinh doanh vận chuyển hàng không trong phạm vi quyền vận chuyển hàng không do Bộ Giao thông vận tải cấp; không được mua, bán quyền vận chuyển hàng không, thực hiện các hành vi hạn chế cạnh tranh bị cấm hoặc cạnh tranh không lành mạnh; không được sử dụng thương hiệu, bao gồm tên thương mại và nhãn hiệu gây nhầm lẫn với hãng hàng không khác; không được nhượng hoặc nhận quyền kinh doanh vận chuyển hàng không.  3. Hãng hàng không thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại và kinh doanh vận chuyển hàng không sau khi được Bộ Giao thông vận tải cấp quyền vận chuyển hàng không. | **Điều 49. Quyền vận chuyển hàng không**  1. Quyền vận chuyển hàng không là quyền khai thác vận tải hàng không thương mại được cấp cho hãng hàng không.  2. Hãng hàng không thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại và cung cấp dịch vụ vận tải hàng không thương mại sau khi được cơ quan có thẩm quyền cấp quyền vận chuyển hàng không.  3. Quyền vận chuyển hàng không nội địa chỉ cấp cho các hãng hàng không Việt Nam và được cấp cùng phép bay.  4. Hãng hàng không nước ngoài được thực hiện chuyến bay vận tải hàng không nội địa khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép trong các trường hợp sau đây:  a) Phòng chống hoặc khắc phục thiên tai, dịch bệnh;  b) Cứu trợ nhân đạo khẩn cấp.  5. Việc trao đổi quyền vận chuyển hàng không giữa Việt Nam và các quốc gia khác được thực hiện thông qua các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Trong trường hợp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam chưa là thành viên của điều ước quốc tế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể cho phép hãng hàng không khai thác vận chuyển hàng không quốc tế thường lệ tạm thời đến và đi từ Việt Nam. | Khoản 1 định nghĩa lại theo hướng rút gọn;  Khoản 2 Luật hiện hành đưa lên quy định tại khoản 20 Điều 11 của dự thảo Luật này.  - Kế thừa các quy định mang tính nguyên tắc của Luật hiện hành.  - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình. phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **97** | **Điều 113.** **Thủ tục cấp quyền vận chuyển hàng không**  1. Hãng hàng không Việt Nam đề nghị cấp quyền vận chuyển hàng không thường lệ phải gửi hồ sơ đến Bộ Giao thông vận tải. Hồ sơ bao gồm:  a) Đơn đề nghị cấp quyền vận chuyển hàng không;  b) Giấy chứng nhận người khai thác tàu bay;  c) Báo cáo về đường bay và kế hoạch khai thác dự kiến;  d) Tài liệu xác nhận tư cách pháp nhân và Điều lệ hoạt động của hãng.  2. Hãng hàng không nước ngoài đề nghị cấp quyền vận chuyển hàng không thường lệ phải gửi hồ sơ đến Bộ Giao thông vận tải. Hồ sơ bao gồm:  a) Các tài liệu theo quy định tại khoản 1 Điều này;  b) Văn bản của quốc gia của hãng hàng không nước ngoài chỉ định hoặc xác nhận chỉ định hãng hàng không đó được quyền khai thác vận chuyển hàng không theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.  3. Bộ Giao thông vận tải có trách nhiệm xem xét, cấp hoặc không cấp quyền vận chuyển hàng không thường lệ trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.  4. Hãng hàng không bị thu hồi quyền vận chuyển hàng không thường lệ trong các trường hợp sau đây:  a) Vi phạm nghiêm trọng các quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn hàng không, an ninh hàng không và khai thác vận chuyển hàng không;  b) Không bắt đầu khai thác quyền vận chuyển hàng không trong thời hạn mười hai tháng, kể từ ngày được cấp;  c) Ngừng khai thác quyền vận chuyển hàng không mười hai tháng liên tục;  d) Theo quy định của điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.  5. Quyền vận chuyển hàng không không thường lệ được cấp cùng với việc cấp phép bay.  6. Hãng hàng không Việt Nam phải cung cấp bản sao hợp đồng hợp tác liên quan trực tiếp đến quyền vận chuyển hàng không và các tài liệu có liên quan đến Bộ Giao thông vận tải để xem xét phê duyệt. Thời hạn xem xét phê duyệt hợp đồng là bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ các tài liệu này. |  | - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **98** | **Điều 114.** **Quyền vận chuyển hàng không quốc tế**  1. Vận chuyển hàng không quốc tế là việc vận chuyển bằng đường hàng không qua lãnh thổ của hơn một quốc gia.  Việc trao đổi quyền vận chuyển hàng không giữa Việt Nam và các quốc gia khác phải bảo đảm sự công bằng, bình đẳng về cơ hội khai thác, về quyền lợi và nghĩa vụ giữa các hãng hàng không Việt Nam và nước ngoài.  2. Quyền vận chuyển hàng không quốc tế thường lệ đến và đi từ Việt Nam được cấp căn cứ vào nhu cầu của thị trường, khả năng của hãng hàng không, sự phát triển cân đối mạng đường bay; trên cơ sở và phù hợp với các quy định của điều ước quốc tế về vận chuyển hàng không mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Trong trường hợp Việt Nam chưa là thành viên của điều ước quốc tế về vận chuyển hàng không, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải có thể cho phép hãng hàng không khai thác vận chuyển hàng không quốc tế thường lệ tạm thời đến và đi từ Việt Nam.  3. Quyền vận chuyển hàng không quốc tế không thường lệ đến và đi từ Việt Nam được cấp căn cứ vào nhu cầu của thị trường và không được gây ảnh hưởng xấu đến vận chuyển thường lệ. |  | - Khái niệm *vận chuyển hàng không quốc tế và vận chuyển hàng không nội địa* đã được thể hiện một cách tổng quát trong khái niệm chuyến bay quốc tế quy định tại Điều 2 dự thảo Luật này.  - Kế thừa các quy định về nguyên tắc, khung tại Luật hiện hành.  - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **99** | **Điều 115.** **Quyền vận chuyển hàng không nội địa**  1. Vận chuyển hàng không nội địa là việc vận chuyển bằng đường hàng không trong lãnh thổ của một quốc gia.  2. Quyền vận chuyển hàng không nội địa được cấp cho các hãng hàng không Việt Nam căn cứ vào nhu cầu của thị trường, khả năng của hãng hàng không, sự phát triển cân đối mạng đường bay và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.  3. Bộ Giao thông vận tải chỉ định hãng hàng không Việt Nam khai thác đường bay đến các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng núi, vùng sâu, vùng xa có nhu cầu thiết yếu về vận chuyển hàng không công cộng.  4. Hãng hàng không nước ngoài được tham gia vận chuyển hàng không nội địa khi được Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải cho phép trong các trường hợp sau đây:  a) Phòng chống hoặc khắc phục thiên tai, dịch bệnh;  b) Cứu trợ nhân đạo khẩn cấp. |  | - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **100** | **Điều 116. Giá dịch vụ vận chuyển hàng không**  1. Hãng hàng không phải thông báo theo yêu cầu của Bộ Giao thông vận tải giá dịch vụ vận chuyển hàng không trên đường bay quốc tế đến và đi từ Việt Nam, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác.  2. Hãng hàng không quyết định giá dịch vụ vận chuyển hàng không nội địa trong khung giá do Bộ Giao thông vận tải quy định và thực hiện kê khai giá với Bộ Giao thông vận tải. |  | Bãi bỏ, các nội dung nguyên tắc, khung được đưa về điều về phí, lệ phí và giá dịch vụ trong lĩnh vực hàng không |
| **101** | **Điều 117.** **Vận chuyển hỗn hợp**  1. Trong trường hợp việc vận chuyển được thực hiện một phần bằng đường hàng không và một phần bằng phương thức vận tải khác thì các quy định của Luật này chỉ áp dụng đối với phần vận chuyển bằng đường hàng không.  2. Các bên trong hợp đồng vận chuyển hàng không có quyền ghi vào vận đơn hàng không, biên lai hàng hoá, vé hành khách các điều kiện liên quan đến việc vận chuyển bằng phương thức vận tải khác |  | - Kế thừa các quy định mang tính nguyên tắc của Luật hiện hành.  - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **102** | **Điều 118.** **Vận chuyển kế tiếp**  1. Trong trường hợp vận chuyển hàng không do những người vận chuyển khác nhau kế tiếp thực hiện thì mỗi người vận chuyển kế tiếp được coi là một trong các bên của hợp đồng vận chuyển.  2. Trong trường hợp vận chuyển hành khách thì hành khách hoặc người có quyền yêu cầu bồi thường có thể khởi kiện bất kỳ người vận chuyển kế tiếp nào nếu trong quá trình vận chuyển xảy ra tai nạn, vận chuyển chậm, trừ trường hợp người vận chuyển đầu tiên đã nhận trách nhiệm đối với toàn bộ hành trình vận chuyển.  3. Trong trường hợp vận chuyển hành lý, hàng hoá thì hành khách hoặc người gửi hàng có quyền khởi kiện người vận chuyển đầu tiên; hành khách hoặc người nhận hàng có quyền khởi kiện người vận chuyển cuối cùng; mỗi người vận chuyển có quyền khởi kiện người vận chuyển đã thực hiện việc vận chuyển mà trong quá trình đó đã xảy ra mất mát, thiếu hụt, hư hỏng hoặc vận chuyển chậm. Những người vận chuyển này phải chịu trách nhiệm liên đới đối với hành khách hoặc người gửi hàng, người nhận hàng. |  | - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **103** | **Điều 120.** **Vận chuyển quốc tế kết hợp nhiều điểm tại Việt Nam**  1. Vận chuyển quốc tế kết hợp nhiều điểm tại Việt Nam là việc vận chuyển hàng không quốc tế có ít nhất hai điểm đến hoặc hai điểm đi trong lãnh thổ Việt Nam.  2. Khi vận chuyển quốc tế kết hợp nhiều điểm tại Việt Nam thì tại điểm đến đầu tiên và điểm đi cuối cùng, tàu bay, tổ bay, hành khách, hành lý, hàng hoá, bưu gửi được áp dụng các quy định về thủ tục vận chuyển hàng không, nhập cảnh, xuất cảnh, hải quan, kiểm dịch như tại điểm quá cảnh quốc tế, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. |  | - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **104** | **Điều 121.** **Báo cáo và cung cấp số liệu thống kê**  1. Hãng hàng không Việt Nam có trách nhiệm báo cáo Bộ Giao thông vận tải định kỳ hoặc theo yêu cầu về kế hoạch và kết quả sản xuất kinh doanh hàng năm, dài hạn và cung cấp số liệu thống kê vận chuyển hàng không.  2. Hãng hàng không nước ngoài hoạt động tại Việt Nam có trách nhiệm cung cấp số liệu thống kê vận chuyển hàng không có liên quan theo yêu cầu của Bộ Giao thông vận tải.  3. Số liệu thống kê vận chuyển hàng không bao gồm số liệu về hành khách, hàng hoá, bưu gửi đã vận chuyển, về đội tàu bay và thành viên tổ lái, về tình hình tài chính. |  | - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **105** | **Điều 122.** **Hoạt động kinh doanh dịch vụ vận chuyển hàng không**  1. Hãng hàng không Việt Nam, hãng hàng không nước ngoài được phép bán hoặc xuất vé hành khách, vận đơn hàng không trực tiếp tại văn phòng bán vé, đại lý bán vé trên cơ sở hợp đồng chỉ định đại lý hoặc thông qua giao dịch điện tử.  Văn phòng bán vé là chi nhánh của hãng hàng không thực hiện nhiệm vụ bán vé của hãng.  2. Hãng hàng không nước ngoài hoạt động kinh doanh dịch vụ vận chuyển hàng không tại Việt Nam được quyền thanh toán, chuyển đổi và chuyển ngoại tệ ra nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. | **Điều 50. Hoạt động bán dịch vụ vận chuyển hàng không thương mại**  1. Hãng hàng không Việt Nam, hãng hàng không nước ngoài được phép bán hoặc xuất vé hành khách, vận đơn hàng không trực tiếp tại chi nhánh, đại lý bán vé trên cơ sở hợp đồng chỉ định đại lý hoặc thông qua giao dịch điện tử.  2. Hãng hàng không nước ngoài được mở chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam và đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định.  3. Hãng hàng không nước ngoài cung cấp dịch vụ vận tải hàng không thương mại tại Việt Nam được quyền thanh toán, chuyển đổi và chuyển ngoại tệ ra nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. | Sửa tên điều để làm rõ nội hàm chỉ điều tiết hoạt động bán dịch vụ vận chuyển hàng không thương mại cho phù hợp. |
| **106** | **Điều 123.** **Điều kiện, thủ tục mở văn phòng đại diện, văn phòng bán vé của hãng hàng không nước ngoài**  1. Hãng hàng không nước ngoài được mở văn phòng đại diện, văn phòng bán vé tại Việt Nam khi đáp ứng các điều kiện sau đây:  a) Thành lập và hoạt động theo pháp luật của quốc gia nơi đặt trụ sở chính của hãng;  b) Quyền kiểm soát pháp lý thuộc về quốc gia nơi đặt trụ sở chính của hãng.  2. Hãng hàng không nước ngoài mở văn phòng đại diện, văn phòng bán vé phải gửi hồ sơ đến Bộ Giao thông vận tải. Hồ sơ bao gồm:  a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép mở văn phòng đại diện, văn phòng bán vé;  b) Tài liệu xác nhận tư cách pháp nhân và Điều lệ hoạt động của hãng;  c) Văn bản xác nhận điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này của cơ quan có thẩm quyền của quốc gia nơi hãng hàng không đặt trụ sở chính, trừ trường hợp hãng hàng không được cấp quyền vận chuyển hàng không thường lệ đến Việt Nam;  d) Giấy tờ xác nhận quyền sử dụng diện tích nhà nơi đặt văn phòng đại diện, văn phòng bán vé;  đ) Mẫu vé dự định bán hoặc xuất tại Việt Nam.  3. Bộ Giao thông vận tải có trách nhiệm xem xét, cấp hoặc không cấp Giấy phép mở văn phòng đại diện, văn phòng bán vé cho hãng hàng không nước ngoài trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này.  4. Hãng hàng không nước ngoài đề nghị cấp Giấy phép mở văn phòng đại diện, văn phòng bán vé phải nộp lệ phí.  5. Giấy phép mở văn phòng đại diện, văn phòng bán vé của hãng hàng không nước ngoài bị thu hồi trong các trường hợp sau đây:  a) Không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này;  b) Không bắt đầu hoạt động bán vé trong thời hạn mười hai tháng, kể từ ngày được cấp giấy phép;  c) Ngừng hoạt động bán vé mười hai tháng liên tục;  d) Hoạt động sai mục đích hoặc không đúng với nội dung ghi trong giấy phép;  đ) Có hành vi lừa đảo khách hàng;  e) Vi phạm nghiêm trọng các quy định về kinh doanh vận chuyển hàng không hoặc khai thác hệ thống đặt giữ chỗ bằng máy tính;  g) Trong trường hợp cần thiết nhằm bảo đảm quyền mở văn phòng đại diện, văn phòng bán vé tương tự của các hãng hàng không Việt Nam tại quốc gia của hãng hàng không nước ngoài. |  | Bãi bỏ, lý do: nội dung nguyên tắc đã được đưa vào Điều 50. Bãi bỏ thủ tục hành chính này trong Luật HKDDVN để thực hiện theo quy định của pháp luật về thương mại (tính vào cắt giảm thủ tục hành chính) |
| **107** | **Điều 124.** **Quyền và nghĩa vụ của văn phòng đại diện, văn phòng bán vé của hãng hàng không nước ngoài**  1. Hoạt động đúng mục đích, phạm vi và thời hạn được quy định trong Giấy phép mở văn phòng đại diện, văn phòng bán vé.  2. Thuê trụ sở, thuê, mua các phương tiện, vật dụng cần thiết cho hoạt động của văn phòng.  3. Tuyển dụng lao động là người Việt Nam, người nước ngoài để làm việc tại văn phòng theo quy định của pháp luật Việt Nam về lao động.  4. Mở tài khoản bằng ngoại tệ, bằng đồng Việt Nam có gốc ngoại tệ tại ngân hàng hoạt động tại Việt Nam và chỉ sử dụng tài khoản này vào hoạt động của văn phòng.  5. Có con dấu mang tên văn phòng theo quy định của pháp luật Việt Nam về doanh nghiệp.  6. Văn phòng đại diện không được hoạt động sinh lợi trực tiếp tại Việt Nam, không được giao kết hợp đồng, trừ trường hợp quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này; không được sửa đổi, bổ sung hợp đồng đã giao kết của hãng, trừ trường hợp hợp đồng do văn phòng đại diện giao kết hoặc trưởng văn phòng đại diện có giấy uỷ quyền hợp pháp của hãng.  7. Nộp thuế, phí, lệ phí và thực hiện các nghĩa vụ tài chính, chế độ kế toán theo quy định của pháp luật Việt Nam.  8. Báo cáo về hoạt động của văn phòng định kỳ hoặc theo yêu cầu với Bộ Giao thông vận tải. |  | - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **108** | **Điều 126. Hệ thống đặt giữ chỗ bằng máy tính**  1. Hệ thống đặt giữ chỗ bằng máy tính là hệ thống máy tính cung cấp thông tin về lịch bay, tình trạng chỗ của chuyến bay, giá dịch vụ vận chuyển hàng không và thông qua đó thực hiện việc đặt chỗ trên chuyến bay.  2. Doanh nghiệp kinh doanh hệ thống đặt giữ chỗ bằng máy tính phải tuân thủ các nguyên tắc sau đây:  a) Bình đẳng, không phân biệt đối xử đối với người sử dụng dịch vụ;  b) Không bắt buộc người sử dụng chỉ được sử dụng dịch vụ hoặc thiết bị của doanh nghiệp;  c) Việc hiển thị thông tin trên màn hình về lịch bay, tình trạng chỗ của chuyến bay, giá dịch vụ vận chuyển hàng không phải toàn diện, công bằng, không phân biệt đối xử;  d) Giá sử dụng dịch vụ được xây dựng trên cơ sở chi phí hợp lý và áp dụng không phân biệt đối xử đối với tất cả những người sử dụng;  đ) Bảo mật thông tin cá nhân của khách hàng, trừ trường hợp theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. |  | - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **109** | **Điều 127. Kiểm tra, thanh tra khai thác vận chuyển hàng không**  Hãng hàng không Việt Nam, hãng hàng không nước ngoài hoạt động tại Việt Nam phải chịu sự kiểm tra, thanh tra của Bộ Giao thông vận tải về việc thực hiện quy định về khai thác vận chuyển hàng không, bảo đảm an toàn hàng không, an ninh hàng không. |  | - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **111** | **Mục 4  VẬN CHUYỂN HÀNH KHÁCH, HÀNH LÝ**  **Điều 143. Hợp đồng vận chuyển hành khách, hành lý**  1. Hợp đồng vận chuyển hành khách, hành lý bằng đường hàng không là sự thoả thuận giữa người vận chuyển và hành khách, theo đó người vận chuyển chuyên chở hành khách, hành lý đến địa điểm đến và hành khách phải thanh toán giá dịch vụ vận chuyển.  2. Vé hành khách, Điều lệ vận chuyển, bảng giá dịch vụ vận chuyển và các thoả thuận khác bằng văn bản giữa hai bên là tài liệu của hợp đồng vận chuyển hành khách, hành lý. | **Điều 51. Vận chuyển hành khách**  1. Người vận chuyển hành khách, hành lý bằng đường hàng không phải có hợp đồng với hành khách về việc vận chuyển. Vé hành khách, Điều lệ vận chuyển, bảng giá dịch vụ vận chuyển và các thoả thuận khác bằng văn bản giữa hai bên là bộ phận của hợp đồng vận chuyển hành khách, hành lý.  2. Nghĩa vụ của người vận chuyển khi vận chuyển hành khách bao gồm:  a) Vận chuyển hành khách và hành lý đến địa điểm đến thoả thuận và giao hành lý ký gửi cho người có quyền nhận;  b) Thông báo kịp thời cho hành khách thông tin về chuyến bay; phải quan tâm, chăm sóc hành khách, đặc biệt đối với hành khách là người khuyết tật hoặc cần sự chăm sóc trong quá trình vận chuyển;  c) Trong trường hợp hành khách đã được xác nhận chỗ trên chuyến bay nhưng việc vận chuyển bị gián đoạn, bị chậm mà không phải do lỗi của hành khách thì người vận chuyển phải thông báo kịp thời, xin lỗi hành khách, bảo đảm việc ăn, nghỉ, đi lại và chịu các chi phí có liên quan trực tiếp phù hợp với thời gian phải chờ đợi tại cảng hàng không;  d) Trong trường hợp hành khách đã được xác nhận chỗ trên chuyến bay nhưng việc vận chuyển bị gián đoạn, bị chậm do lỗi của người vận chuyển thì ngoài việc thực hiện nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều này, người vận chuyển còn phải thu xếp hành trình phù hợp cho hành khách hoặc hoàn trả lại tiền phần vé chưa sử dụng theo yêu cầu của hành khách mà không được thu bất kỳ một khoản phí liên quan nào;  đ) Trong trường hợp do lỗi của người vận chuyển, hành khách đã được xác nhận chỗ trên chuyến bay nhưng không được vận chuyển hoặc chuyến bay bị huỷ hoặc chuyến bay bị chậm kéo dài thì người vận chuyển có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ quy định tại điểm b, c và d khoản này và phải trả một khoản bồi thường ứng trước không hoàn lại cho hành khách bằng tiền hoặc chứng từ khác có giá trị tương đương. Trong trường hợp phải bồi thường thiệt hại theo trách nhiệm dân sự của người vận chuyển thì khoản bồi thường này được trừ vào khoản bồi thường theo trách nhiệm dân sự. | Chuyển hóa quy định theo hướng rút gọn, mang tính quy định “khung” về quyền và nghĩa vụ của các bên. |
| **112** | **Điều 144. Vé hành khách, thẻ hành lý**  1. Vé hành khách là chứng từ vận chuyển hành khách bằng đường hàng không và là bằng chứng của việc giao kết hợp đồng, các điều kiện của hợp đồng. Vé hành khách được xuất cho cá nhân hoặc tập thể bao gồm các nội dung sau đây:  a) Địa điểm xuất phát và địa điểm đến;  b) Chỉ dẫn ít nhất một địa điểm dừng thoả thuận trong trường hợp vận chuyển có địa điểm xuất phát và địa điểm đến ở lãnh thổ của cùng một quốc gia và có một hoặc nhiều địa điểm dừng thoả thuận ở lãnh thổ của quốc gia khác.  2. Phương tiện lưu giữ thông tin về nội dung quy định tại khoản 1 Điều này có thể thay thế cho việc xuất vé hành khách; trường hợp các phương tiện đó được sử dụng thì người vận chuyển có trách nhiệm thông báo cho hành khách về việc cung cấp bản ghi thông tin đã được lưu giữ.  3. Người vận chuyển phải cấp cho hành khách thẻ hành lý đối với mỗi kiện hành lý ký gửi.  4. Việc giao kết hợp đồng vận chuyển hành khách, hành lý mà thiếu một hoặc một số nội dung quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này không ảnh hưởng đến sự tồn tại và giá trị pháp lý của hợp đồng. |  | - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **113** | **Điều 145. Nghĩa vụ của người vận chuyển khi vận chuyển hành khách**  1. Vận chuyển hành khách và hành lý đến địa điểm đến thoả thuận và giao hành lý ký gửi cho người có quyền nhận.  2. Thông báo kịp thời cho hành khách thông tin về chuyến bay; phải quan tâm, chăm sóc hành khách, đặc biệt đối với hành khách là người khuyết tật hoặc cần sự chăm sóc trong quá trình vận chuyển.  3. Trong trường hợp hành khách đã được xác nhận chỗ trên chuyến bay nhưng việc vận chuyển bị gián đoạn, bị chậm mà không phải do lỗi của hành khách thì người vận chuyển phải thông báo kịp thời, xin lỗi hành khách, bảo đảm việc ăn, nghỉ, đi lại và chịu các chi phí có liên quan trực tiếp phù hợp với thời gian phải chờ đợi tại cảng hàng không được quy định trong Điều lệ vận chuyển.  4. Trong trường hợp hành khách đã được xác nhận chỗ trên chuyến bay nhưng việc vận chuyển bị gián đoạn, bị chậm do lỗi của người vận chuyển thì ngoài việc thực hiện nghĩa vụ quy định tại khoản 3 Điều này, người vận chuyển còn phải thu xếp hành trình phù hợp cho hành khách theo quy định trong Điều lệ vận chuyển hoặc hoàn trả lại tiền phần vé chưa sử dụng theo yêu cầu của hành khách mà không được thu bất kỳ một khoản phí liên quan nào.  5. Trong trường hợp do lỗi của người vận chuyển, hành khách đã được xác nhận chỗ trên chuyến bay nhưng không được vận chuyển hoặc chuyến bay bị huỷ hoặc chuyến bay bị chậm kéo dài mà không được người vận chuyển thông báo trước thì người vận chuyển có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này và phải trả một khoản tiền bồi thường ứng trước không hoàn lại cho hành khách. Trong trường hợp phải bồi thường thiệt hại theo trách nhiệm dân sự của người vận chuyển thì khoản tiền này được trừ vào khoản tiền bồi thường.  Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định cụ thể về thời gian người vận chuyển phải thông báo trước, thời gian chuyến bay bị chậm kéo dài và khoản tiền bồi thường ứng trước không hoàn lại sau khi thống nhất với Bộ trưởng Bộ Tài chính.  6. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chất lượng dịch vụ cho hành khách tại cảng hàng không, sân bay. |  | - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **114** | **Điều 146. Từ chối vận chuyển hành khách có vé và đã được xác nhận chỗ trên chuyến bay hoặc đang trong hành trình**  1. Do tình trạng sức khoẻ của hành khách mà người vận chuyển nhận thấy việc vận chuyển hoặc vận chuyển tiếp sẽ gây nguy hại cho hành khách đó, cho những người khác trong tàu bay hoặc gây nguy hại cho chuyến bay.  2. Để ngăn ngừa lây lan dịch bệnh.  3. Hành khách không chấp hành quy định về bảo đảm an toàn hàng không, an ninh hàng không, khai thác vận chuyển hàng không.  4. Hành khách có hành vi làm mất trật tự công cộng, uy hiếp an toàn bay hoặc gây ảnh hưởng đến tính mạng, sức khoẻ, tài sản của người khác.  5. Hành khách trong tình trạng say rượu, bia hoặc các chất kích thích khác mà không làm chủ được hành vi.  6. Vì lý do an ninh.  7. Theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. | **Điều 52. Từ chối vận chuyển hành khách có vé và đã được xác nhận chỗ trên chuyến bay hoặc đang trong hành trình**    1. Do tình trạng sức khoẻ của hành khách mà người vận chuyển nhận thấy việc vận chuyển hoặc vận chuyển tiếp sẽ gây nguy hại cho hành khách đó, cho những người khác trong tàu bay hoặc gây nguy hại cho chuyến bay.  2. Để ngăn ngừa lây lan dịch bệnh.  3. Hành khách không chấp hành quy định về bảo đảm an toàn hàng không, an ninh hàng không, khai thác vận chuyển hàng không.  4. Hành khách có hành vi làm mất trật tự công cộng, uy hiếp an toàn bay hoặc gây ảnh hưởng đến tính mạng, sức khoẻ, tài sản của người khác.  5. Hành khách trong tình trạng say rượu, bia hoặc các chất kích thích khác mà không làm chủ được hành vi.  6. Vì lý do an ninh.  7. Theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. | - Kế thừa các quy định về nguyên tắc, khung tại Luật hiện hành. |
| **115** | **Mục 3  VẬN CHUYỂN HÀNG HOÁ**  **Điều 128. Hợp đồng vận chuyển hàng hoá**  1. Hợp đồng vận chuyển hàng hoá là sự thoả thuận giữa người vận chuyển và người thuê vận chuyển, theo đó người vận chuyển có nghĩa vụ vận chuyển hàng hoá đến địa điểm đến và trả hàng hoá cho người có quyền nhận; người thuê vận chuyển có nghĩa vụ thanh toán giá dịch vụ vận chuyển.  Người vận chuyển là tổ chức cung cấp dịch vụ vận chuyển thương mại bằng đường hàng không.  2. Vận đơn hàng không, các thoả thuận khác bằng văn bản giữa hai bên, Điều lệ vận chuyển, bảng giá dịch vụ vận chuyển là tài liệu của hợp đồng vận chuyển hàng hóa | **Điều 55. Vận chuyển hàng hóa**  1. Người vận chuyển hàng hóa bằng đường hàng không phải có hợp đồng với người gửi hàng về việc vận chuyển. Vận đơn hàng không là chứng từ vận chuyển hàng hoá bằng đường hàng không và là bằng chứng của việc giao kết hợp đồng, việc đã tiếp nhận hàng hoá và các điều kiện của hợp đồng.  2. Vận đơn hàng không phải được sử dụng khi vận chuyển hàng hoá bằng đường hàng không. Trong trường hợp phương tiện lưu giữ thông tin về vận chuyển hàng hoá được sử dụng thay thế cho việc xuất vận đơn hàng không thì theo yêu cầu của người gửi hàng, người vận chuyển xuất biên lai hàng hoá cho người gửi hàng để nhận biết hàng hoá. | - Kế thừa các quy định về nguyên tắc, khung tại Luật hiện hành.  - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình. phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **116** | **Điều 129. Vận đơn hàng không và biên lai hàng hoá**  1. Vận đơn hàng không là chứng từ vận chuyển hàng hoá bằng đường hàng không và là bằng chứng của việc giao kết hợp đồng, việc đã tiếp nhận hàng hoá và các điều kiện của hợp đồng.  2. Vận đơn hàng không phải được sử dụng khi vận chuyển hàng hoá bằng đường hàng không. Trong trường hợp phương tiện lưu giữ thông tin về vận chuyển hàng hoá được sử dụng thay thế cho việc xuất vận đơn hàng không thì theo yêu cầu của người gửi hàng, người vận chuyển xuất biên lai hàng hoá cho người gửi hàng để nhận biết hàng hoá.  3. Người vận chuyển có trách nhiệm bồi thường cho người gửi hàng về thiệt hại do lỗi của mình, nhân viên, đại lý của mình gây ra do việc nhập không chính xác, không đầy đủ hoặc không đúng quy cách thông tin do người gửi hàng cung cấp vào các phương tiện lưu giữ thông tin quy định tại khoản 2 Điều này.  4. Việc giao kết hợp đồng vận chuyển hàng hoá mà thiếu một hoặc một số nội dung quy định tại các điều 130, 131, 132 và 133 của Luật này không làm ảnh hưởng đến sự tồn tại và giá trị pháp lý của hợp đồng. |  | - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| 117 | **Điều 130. Nội dung của vận đơn hàng không và biên lai hàng hoá**  1. Địa điểm xuất phát và địa điểm đến.  2. Địa điểm dừng thoả thuận trong trường hợp vận chuyển có địa điểm xuất phát, địa điểm đến ở lãnh thổ của cùng một quốc gia và có một hoặc nhiều địa điểm dừng thoả thuận ở lãnh thổ của quốc gia khác.  3. Trọng lượng hàng hoá, loại hàng hoá. |  | Bãi bỏ, lý do: các quy định cụ thể, thuộc thẩm quyền của Chính phủ và các Bộ, ngành sẽ được quy định tại các văn bản hướng dẫn thi hành. |
| **118** | **Điều 131. Lập vận đơn hàng không**  1. Vận đơn hàng không do người gửi hàng lập thành ba bản chính. Bản thứ nhất do người gửi hàng ký, được giao cho người vận chuyển. Bản thứ hai do người gửi hàng và người vận chuyển ký, được giao cho người nhận hàng. Bản thứ ba do người vận chuyển ký, được giao cho người gửi hàng sau khi nhận hàng.  2. Chữ ký của người vận chuyển và người gửi hàng có thể được in hoặc đóng dấu.  3. Người vận chuyển lập vận đơn hàng không theo yêu cầu của người gửi hàng được coi là hành động thay mặt người gửi hàng nếu không có sự chứng minh ngược lại. |  | Bãi bỏ, lý do: các quy định cụ thể, thuộc thẩm quyền của Chính phủ và các Bộ, ngành sẽ được quy định tại các văn bản hướng dẫn thi hành. |
| **119** | **Điều 132. Giấy tờ về tính chất của hàng hoá**  Trong trường hợp cần thiết, người gửi hàng phải xuất trình các giấy tờ chỉ rõ tính chất của hàng hoá theo yêu cầu của cơ quan hải quan, công an và cơ quan khác có thẩm quyền. Quy định này không làm phát sinh thêm bất kỳ trách nhiệm hoặc nghĩa vụ nào của người vận chuyển. |  | - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **120** | **Điều 133. Vận đơn hàng không và biên lai hàng hóa vận chuyển nhiều kiện hàng hóa**  Khi vận chuyển nhiều kiện hàng hóa, người vận chuyển có quyền yêu cầu người gửi hàng lập vận đơn riêng biệt cho từng kiện hàng hóa. Trong trường hợp phương tiện lưu giữ thông tin về vận chuyển hàng hoá được sử dụng thay thế cho việc xuất vận đơn hàng không theo quy định tại khoản 2 Điều 129 của Luật này thì người gửi hàng có quyền yêu cầu người vận chuyển xuất biên lai hàng hóa riêng biệt cho từng kiện hàng hóa. |  | - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **121** | **Điều 134. Các trường hợp hàng hoá bị từ chối vận chuyển**  1. Hàng hoá được vận chuyển không đúng với loại hàng hoá đã thoả thuận.  2. Người gửi hàng không tuân thủ điều kiện và hướng dẫn của người vận chuyển về bao bì, đóng gói, ký hiệu, mã hiệu hàng hoá. | **Điều 56. Các trường hợp hàng hóa bị từ chối vận chuyển**  1. Hàng hoá được vận chuyển không đúng với loại hàng hoá đã thoả thuận.    2. Người gửi hàng không tuân thủ điều kiện và hướng dẫn của người vận chuyển về bao bì, đóng gói, ký hiệu, mã hiệu hàng hoá. | - Kế thừa các quy định về nguyên tắc, khung tại Luật hiện hành. |
| **122** | **Điều 135. Trách nhiệm của người gửi hàng trong việc cung cấp thông tin**  1. Chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin và tuyên bố liên quan đến hàng hoá được ghi trong vận đơn hàng không hoặc được cung cấp để lưu giữ thông tin trong phương tiện quy định tại khoản 2 Điều 129 của Luật này.  2. Cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết theo yêu cầu của cơ quan hải quan, công an và cơ quan khác có thẩm quyền trước khi hàng hoá được giao cho người nhận hàng. Người vận chuyển không có nghĩa vụ kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của thông tin hoặc tài liệu mà người gửi hàng cung cấp.  3. Bồi thường thiệt hại gây ra cho người vận chuyển hoặc thiệt hại mà người vận chuyển phải chịu trách nhiệm do đã cung cấp thông tin không chính xác, không đầy đủ hoặc không đúng quy cách. | **Điều 57. Trách nhiệm của người gửi hàng trong việc cung cấp thông tin**    1. Chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin và cam kết liên quan đến hàng hoá được ghi trong vận đơn hàng không hoặc được cung cấp để lưu giữ thông tin trong phương tiện quy định tại khoản 2 Điều 55 của Luật này.  2. Cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết theo yêu cầu của cơ quan hải quan, công an và cơ quan khác có thẩm quyền trước khi hàng hoá được giao cho người nhận hàng. Người vận chuyển không có nghĩa vụ kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của thông tin hoặc tài liệu mà người gửi hàng cung cấp.  3. Bồi thường thiệt hại gây ra cho người vận chuyển hoặc thiệt hại mà người vận chuyển phải chịu trách nhiệm do đã cung cấp thông tin không chính xác, không đầy đủ hoặc không đúng quy cách.  4. Trong trường hợp cần thiết, người gửi hàng phải xuất trình các giấy tờ chỉ rõ tính chất của hàng hoá theo yêu cầu của cơ quan hải quan, công an và cơ quan khác có thẩm quyền. | - Kế thừa các quy định mang tính nguyên tắc của Luật hiện hành.  - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **123** | **Điều 136. Trả hàng hoá**  1. Người vận chuyển phải thông báo cho người nhận hàng ngay sau khi hàng hoá được vận chuyển đến địa điểm đến, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.  2. Người nhận hàng có quyền yêu cầu người vận chuyển trả hàng hoá khi hàng hoá đến địa điểm đến sau khi thanh toán các chi phí phù hợp với điều kiện vận chuyển, trừ trường hợp quy định tại Điều 139 của Luật này.  3. Người nhận hàng hoặc người gửi hàng thực hiện quyền khiếu nại, khởi kiện người vận chuyển theo quy định tại Điều 170 của Luật này trong trường hợp người vận chuyển thừa nhận mất hàng hóa hoặc người nhận hàng không nhận được hàng hóa sau bảy ngày, kể từ ngày hàng hoá đáng lẽ phải được vận chuyển đến địa điểm đến. |  | - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **124** | **Điều 137. Quan hệ giữa người gửi hàng và người nhận hàng hoặc quan hệ với bên thứ ba**  1. Người gửi hàng và người nhận hàng có thể tự thực hiện tất cả các quyền của mình quy định tại Điều 139 của Luật này không phụ thuộc vào việc hành động đó vì lợi ích của người gửi hàng hoặc người nhận hàng, với điều kiện phải thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng vận chuyển hàng hoá.  2. Các quy định tại khoản 1 Điều này, Điều 136 và Điều 139 của Luật này không ảnh hưởng đến quan hệ giữa người gửi hàng và người nhận hàng, cũng như quan hệ với bên thứ ba có các quyền phát sinh từ người gửi hàng hoặc từ người nhận hàng.  3. Các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này, Điều 138 và Điều 139 của Luật này có thể được các bên thoả thuận khác nhưng phải được ghi cụ thể trong vận đơn hàng không hoặc biên lai hàng hoá. |  | - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **125** | **Điều 138. Giá trị chứng cứ của vận đơn hàng không và biên lai hàng hoá**  1. Các dữ liệu ghi trong vận đơn hàng không hoặc biên lai hàng hoá về trọng lượng, kích thước, bao gói của hàng hoá và số lượng kiện hàng hoá là chứng cứ ban đầu để khiếu nại hoặc khởi kiện người vận chuyển.  2. Các dữ liệu ghi trong vận đơn hàng không hoặc biên lai hàng hoá về số lượng, thể tích và tình trạng của hàng hoá không có giá trị chứng cứ để khiếu nại hoặc khởi kiện người vận chuyển, trừ trường hợp các dữ liệu đó đã được xác nhận trong vận đơn hàng không hoặc biên lai hàng hoá về việc đã được kiểm tra với sự có mặt của người gửi hàng hoặc các dữ liệu này có thể nhận biết được rõ ràng từ bên ngoài. |  | - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **126** | **Điều 139. Quyền định đoạt hàng hoá**  1. Người gửi hàng có quyền lấy lại hàng hoá tại cảng hàng không xuất phát hoặc cảng hàng không đến, giữ hàng tại bất kỳ nơi hạ cánh cho phép nào trong hành trình, yêu cầu giao hàng cho người nhận hàng khác tại địa điểm đến hoặc địa điểm khác trong hành trình, yêu cầu vận chuyển hàng hoá trở lại cảng hàng không xuất phát.  Quyền định đoạt hàng hoá của người gửi hàng không được thực hiện trong trường hợp việc thực hiện quyền đó cản trở hoạt động bình thường của người vận chuyển hoặc gây trở ngại cho những người gửi hàng khác. Người gửi hàng phải thanh toán chi phí phát sinh từ việc thực hiện quyền quy định tại khoản này.  2. Trong trường hợp yêu cầu của người gửi hàng không thể thực hiện được thì người vận chuyển phải thông báo ngay cho người gửi hàng.  3. Trong trường hợp người vận chuyển thực hiện các yêu cầu của người gửi hàng nhưng không lấy lại vận đơn hàng không hoặc biên lai hàng hoá đã xuất cho người gửi hàng thì người vận chuyển phải chịu trách nhiệm về các thiệt hại gây ra cho bất kỳ người nào có quyền đối với vận đơn hàng không hoặc biên lai hàng hoá đó.  4. Quyền định đoạt hàng hoá của người gửi hàng chấm dứt kể từ thời điểm người nhận hàng yêu cầu người vận chuyển giao hàng hoá cho họ. Trường hợp người nhận hàng từ chối nhận hàng hoặc hàng hoá không thể giao cho người nhận hàng được thì người gửi hàng vẫn có quyền định đoạt hàng hoá. |  | - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **127** | **Điều 140. Từ chối nhận hàng hoặc hàng không có người nhận**  Trong trường hợp người nhận hàng từ chối nhận hàng hoặc không có người nhận hàng thì người vận chuyển có nghĩa vụ cất giữ hàng hóa và thông báo cho người gửi hàng. Người gửi hàng phải trả chi phí phát sinh do việc cất giữ hàng hoá. |  | - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **128** | **Điều 141. Xuất vận đơn hàng không thứ cấp**  1. Vận đơn hàng không thứ cấp là bằng chứng của việc giao kết hợp đồng giao nhận hàng hoá để vận chuyển bằng đường hàng không giữa doanh nghiệp giao nhận hàng hoá và người gửi hàng, điều kiện của hợp đồng và việc đã tiếp nhận hàng hoá để vận chuyển.  2. Doanh nghiệp giao nhận hàng hoá phải đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp với Bộ Giao thông vận tải. Hồ sơ đăng ký bao gồm:  a) Đơn đề nghị đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp;  b) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;  c) Mẫu vận đơn hàng không thứ cấp phù hợp với nội dung vận đơn hàng không quy định tại Điều 130 của Luật này;  d) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp nước ngoài, trong trường hợp làm đại lý xuất vận đơn hàng không thứ cấp cho doanh nghiệp giao nhận hàng hóa nước ngoài.  3. Bộ Giao thông vận tải có trách nhiệm xem xét, cấp hoặc không cấp Giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này.  4. Doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp phải nộp lệ phí**.** |  | - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **129** | **Điều 142. Thanh lý hàng hoá**  1. Hàng hoá được thanh lý trong trường hợp người nhận hàng từ chối nhận hàng hoặc hàng hóa không thể giao cho người nhận hàng mà người gửi hàng từ chối nhận lại hàng hoặc không trả lời về việc nhận lại hàng trong thời hạn sáu mươi ngày, kể từ ngày người vận chuyển thông báo cho người gửi hàng; hàng hoá mau hỏng có thể được thanh lý trước thời hạn này.  2. Số tiền thu được từ việc thanh lý hàng hóa sau khi đã trừ các chi phí liên quan đến việc vận chuyển, cất giữ và thanh lý hàng hóa phải được trả lại cho người có quyền nhận; nếu hết thời hạn một trăm tám mươi ngày, kể từ ngày thanh lý hàng hóa, mà người có quyền nhận không đến nhận thì số tiền còn lại phải nộp vào ngân sách nhà nước.  3. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Giao thông vận tải quy định thủ tục thanh lý hàng hoá. |  | - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **130** | **Điều 149. Vận chuyển hành lý**  1. Hành lý bao gồm hành lý ký gửi và hành lý xách tay.  Hành lý ký gửi là hành lý của hành khách được chuyên chở trong tàu bay và do người vận chuyển bảo quản trong quá trình vận chuyển.  Hành lý xách tay là hành lý được hành khách mang theo người lên tàu bay và do hành khách bảo quản trong quá trình vận chuyển.  2. Hành lý của mỗi hành khách phải được vận chuyển cùng với hành khách trên một chuyến bay, trừ các trường hợp sau đây:  a) Vận chuyển hành lý thất lạc;  b) Hành lý bị giữ lại vì lý do an toàn của chuyến bay;  c) Vận chuyển túi ngoại giao, túi lãnh sự;  d) Hành khách bị chết trong tàu bay và thi thể đã được đưa khỏi tàu bay;  đ) Hành lý được vận chuyển như hàng hoá;  e) Các trường hợp bất khả kháng. |  | - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **131** | **Điều 150. Thanh lý hành lý**  1. Hành lý được thanh lý trong trường hợp không có người nhận trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày hành lý được vận chuyển đến địa điểm đến; hành lý mau hỏng có thể được thanh lý trước thời hạn này.  2. Thủ tục thanh lý hành lý được thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 142 của Luật này. |  | - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **132** | **Mục 5  VẬN CHUYỂN THEO HỢP ĐỒNG VÀ VẬN CHUYỂN THỰC TẾ**  **Điều 151. Người vận chuyển theo hợp đồng và người vận chuyển thực tế**  1. Người vận chuyển theo hợp đồng là người giao kết hợp đồng vận chuyển bằng đường hàng không với hành khách, người gửi hàng hoặc đại diện của hành khách, người gửi hàng.  2. Người vận chuyển thực tế là người thực hiện toàn bộ hoặc một phần vận chuyển theo sự uỷ quyền của người vận chuyển theo hợp đồng nhưng không phải là người vận chuyển kế tiếp theo quy định tại Điều 118 của Luật này. | **Điều 58. Người vận chuyển theo hợp đồng và người vận chuyển thực tế**  1. Người vận chuyển theo hợp đồng là người giao kết hợp đồng vận chuyển bằng đường hàng không với hành khách, người gửi hàng hoặc đại diện của hành khách, người gửi hàng.  2. Người vận chuyển thực tế là người thực hiện toàn bộ hoặc một phần vận chuyển theo sự uỷ quyền của người vận chuyển theo hợp đồng nhưng không phải là người vận chuyển kế tiếp.  3. Trách nhiệm của người vận chuyển theo hợp đồng và người vận chuyển thực tế như sau:  a) Người vận chuyển theo hợp đồng chịu trách nhiệm đối với toàn bộ việc vận chuyển thỏa thuận trong hợp đồng. Người vận chuyển thực tế chịu trách nhiệm đối với phần vận chuyển mà mình thực hiện.  b) Hành vi của người vận chuyển theo hợp đồng và của nhân viên, đại lý của người vận chuyển theo hợp đồng trong phạm vi thực hiện nhiệm vụ được coi là hành vi của người vận chuyển thực tế liên quan đến phần vận chuyển do người vận chuyển thực tế thực hiện. Người vận chuyển thực tế không phải chịu trách nhiệm cao hơn giới hạn trách nhiệm bồi thường thiệt hại quy định tại Mục 1 Chương VII của Luật này.  c) Hành vi của người vận chuyển thực tế và của nhân viên, đại lý của người vận chuyển thực tế trong phạm vi thực hiện nhiệm vụ được coi là hành vi của người vận chuyển theo hợp đồng liên quan đến phần vận chuyển do người vận chuyển thực tế thực hiện.  d) Thoả thuận của người vận chuyển theo hợp đồng về nghĩa vụ không được quy định ở Chương này, thoả thuận về việc từ bỏ các quyền được quy định tại Chương này hoặc thoả thuận về việc kê khai giá trị hàng hoá, hành lý ký gửi theo quy định không ảnh hưởng đến trách nhiệm của người vận chuyển thực tế, trừ trường hợp đã được người vận chuyển thực tế đồng ý. | - Kế thừa các quy định về nguyên tắc, khung tại Luật hiện hành.  - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **133** | **Điều 153. Người nhận khiếu nại hoặc yêu cầu**  1. Khiếu nại hoặc yêu cầu có thể được gửi đến người vận chuyển theo hợp đồng hoặc người vận chuyển thực tế, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.  2. Yêu cầu về quyền định đoạt hàng hóa quy định tại Điều 139 của Luật này chỉ có giá trị pháp lý khi được gửi cho người vận chuyển theo hợp đồng. |  | - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **134** | **Điều 154. Giới hạn trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với nhân viên, đại lý**  Trong trường hợp việc vận chuyển do người vận chuyển thực tế thực hiện thì nhân viên hoặc đại lý của người vận chuyển thực tế hoặc của người vận chuyển theo hợp đồng có quyền hưởng các giới hạn trách nhiệm bồi thường thiệt hại của người vận chuyển quy định tại Mục 1 Chương VII của Luật này, nếu chứng minh được đã hành động trong phạm vi thực hiện nhiệm vụ. |  | - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình. phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **136** | **Điều 155. Tổng số tiền bồi thường thiệt hại**  Trong trường hợp việc vận chuyển do người vận chuyển thực tế thực hiện thì tổng số tiền bồi thường thiệt hại mà người vận chuyển thực tế, người vận chuyển theo hợp đồng và nhân viên, đại lý của họ hoạt động trong phạm vi thực hiện nhiệm vụ phải trả không cao hơn số tiền mà người vận chuyển theo hợp đồng, người vận chuyển thực tế phải bồi thường. Mỗi người vận chuyển không phải trả quá giới hạn trách nhiệm bồi thường thiệt hại của mình. |  | - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **137** | **Mục 6  VẬN CHUYỂN HÀNG HOÁ ĐẶC BIỆT**  **Điều 157. Vận chuyển bưu phẩm, bưu kiện, thư**  Việc vận chuyển bưu gửi bằng đường hàng không được thực hiện theo quy định của Luật này và quy định của pháp luật về bưu chính. |  | - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **138** | **Điều 158. Vận chuyển hàng nguy hiểm**  1. Hàng nguy hiểm là vật hoặc chất có khả năng gây nguy hiểm cho sức khoẻ, tính mạng của con người, sự an toàn của chuyến bay, tài sản hoặc môi trường.  2. Việc vận chuyển hàng nguy hiểm bằng đường hàng không phải tuân theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.  3. *(được bãi bỏ)*  4. *(được bãi bỏ)* | **Điều 59. Vận chuyển hàng nguy hiểm**    1. Hàng nguy hiểm là vật hoặc chất có khả năng gây nguy hiểm cho sức khoẻ, tính mạng của con người, sự an toàn của chuyến bay, tài sản hoặc môi trường.    2. Việc vận chuyển hàng hóa thuộc danh mục hàng nguy hiểm được thực hiện theo quy định của Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế (ICAO) và theo quy định của pháp luật liên quan. | Sửa đổi, bổ sung theo quy định của ICAO. |
| **139** | **Điều 159. Vận chuyển vũ khí, dụng cụ chiến tranh, vật liệu phóng xạ**  1. Không được vận chuyển bằng đường hàng không vũ khí, dụng cụ chiến tranh, vật liệu phóng xạ vào hoặc qua lãnh thổ Việt Nam, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.  Quy định này cũng được áp dụng đối với tàu bay công vụ.  2. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định trường hợp đặc biệt cho phép vận chuyển bằng đường hàng không vũ khí, dụng cụ chiến tranh vào hoặc qua lãnh thổ Việt Nam.  3. Thủ tướng Chính phủ quyết định trường hợp đặc biệt cho phép vận chuyển bằng đường hàng không vật liệu phóng xạ vào hoặc qua lãnh thổ Việt Nam.  4. Ngoài quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này, việc vận chuyển vũ khí, dụng cụ chiến tranh, vật liệu phóng xạ bằng đường hàng không phải tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan. |  | - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **140** | **Điều 163. Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm bồi thường thiệt hại của người vận chuyển**  Người vận chuyển phải mua bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với tính mạng, sức khoẻ của hành khách, việc mất mát, thiếu hụt, hư hỏng hàng hoá, hành lý và do vận chuyển chậm hoặc thực hiện các biện pháp bảo đảm khác đến mức giới hạn trách nhiệm bồi thường thiệt hại của người vận chuyển quy định tại Điều 166 của Luật này. | **Điều 60. Bảo hiểm bắt buộc**      1. Người vận chuyển phải mua bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với tính mạng, sức khoẻ của hành khách, việc mất mát, thiếu hụt, hư hỏng hàng hoá, hành lý và do vận chuyển chậm hoặc thực hiện các biện pháp bảo đảm khác đến mức giới hạn trách nhiệm bồi thường thiệt hại của người vận chuyển.    2. Người khai thác tàu bay phải mua bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với người thứ ba ở mặt đất hoặc thực hiện các biện pháp bảo đảm khác đến mức giới hạn trách nhiệm bồi thường thiệt hại của mình. | Kế thừa quy định hiện hành |
| **141** | **Điều 176. Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm bồi thường thiệt hại của người khai thác tàu bay**  Người khai thác tàu bay phải mua bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với người thứ ba ở mặt đất hoặc thực hiện các biện pháp bảo đảm khác đến mức giới hạn trách nhiệm bồi thường thiệt hại của mình quy định tại Điều 180 của Luật này. |  | Kế thừa quy định hiện hành và đưa nội dung về Điều 60. |
| **142** | **CHƯƠNG IX  HOẠT ĐỘNG HÀNG KHÔNG CHUNG**  **Điều 198. Điều kiện hoạt động hàng không chung**  1. Hoạt động hàng không chung là hoạt động sử dụng tàu bay để thực hiện các chuyến bay trong các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, xây dựng và các lĩnh vực kinh tế khác, phục vụ tìm kiếm, cứu nạn, cấp cứu, cứu hộ, y tế, nghiên cứu khoa học, văn hoá, thể thao, đào tạo, huấn luyện, bay hiệu chuẩn, đo đạc, chụp ảnh, quay phim, bay phục vụ nhu cầu cá nhân và các hoạt động bay dân dụng khác không nhằm mục đích vận chuyển công cộng hành khách, hành lý, hàng hoá, bưu gửi.  2. Hoạt động hàng không chung phải đáp ứng các điều kiện sau đây:  a) Tàu bay, tổ bay phải được cấp giấy phép, chứng chỉ cần thiết theo quy định của Luật này và phù hợp với loại hình hoạt động khai thác được thực hiện;  b) Bảo đảm các điều kiện về an toàn hàng không, an ninh hàng không, bảo vệ môi trường và các quy định khác của pháp luật có liên quan.  3. Tổ chức thực hiện hoạt động hàng không chung vì mục đích thương mại phải có Giấy chứng nhận người khai thác tàu bay theo quy định tại Điều 23 của Luật này.  4. Tổ chức thực hiện hoạt động hàng không chung vì mục đích thương mại không được thực hiện các hành vi hạn chế cạnh tranh bị cấm hoặc cạnh tranh không lành mạnh; không được sử dụng thương hiệu, bao gồm tên thương mại và nhãn hiệu gây nhầm lẫn với tổ chức thực hiện hoạt động hàng không chung khác; không được nhượng hoặc nhận quyền thực hiện hoạt động hàng không chung vì mục đích thương mại. | **Điều 61. Hàng không chung**  1. Hàng không chung là hoạt động khai thác tàu bay của tổ chức, cá nhân không phải là vận tải hàng không thương mại hoặc vận tải hàng không chuyên dụng.  2. Hoạt động hàng không chung phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:  a) Tàu bay, tổ bay phải được cấp giấy phép, chứng chỉ theo quy định của Luật này và phù hợp với loại hình hoạt động khai thác được thực hiện;  b) Bảo đảm các điều kiện về an toàn hàng không, an ninh hàng không, bảo vệ môi trường và các quy định khác của pháp luật có liên quan.  3. Tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động hàng không chung phải đăng ký loại hình hoạt động theo quy định.  4. Tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động hàng không chung phải mua bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm bồi thường thiệt hại. | - Kế thừa quy định mang tính nguyên tắc của Luật hiện hành  - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **143** | **Điều 199. Quản lý hoạt động hàng không chung**  1. Tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động hàng không chung phải đăng ký loại hình hoạt động với Bộ Giao thông vận tải.  2. Doanh nghiệp thành lập và đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật Việt Nam thực hiện hoạt động hàng không chung vì mục đích thương mại phải được Bộ Giao thông vận tải cấp Giấy phép kinh doanh hàng không chung.  3. Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung, Giấy phép kinh doanh hàng không chung.  4. Người đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung, Giấy phép kinh doanh hàng không chung phải nộp lệ phí. |  | - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **144** | **Điều 200. Hợp đồng cung cấp dịch vụ hàng không chung**  Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không chung vì mục đích thương mại phải ký hợp đồng bằng văn bản với tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ đó phù hợp với các quy định của pháp luật, trừ trường hợp thực hiện hoạt động cứu nạn, cứu hộ trong tình huống khẩn cấp. |  | - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **145** | **Điều 201. Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm bồi thường thiệt hại**  Tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động hàng không chung phải mua bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định của Luật này**.** |  | - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
|  | CHƯƠNG VII  **TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ** | **Chương VI**  **TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ** |  |
|  | **Mục 1** **QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ CỦA NGƯỜI VẬN CHUYỂN** | **Mục 1**  **QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ CỦA NGƯỜI VẬN CHUYỂN** |  |
| **146** | **Điều 160. Bồi thường thiệt hại đối với hành khách**  Người vận chuyển có trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong trường hợp hành khách chết hoặc bị thương do tai nạn xảy ra trong tàu bay, trong thời gian người vận chuyển đưa hành khách lên tàu bay hoặc rời tàu bay. | **Điều 62. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại của người vận chuyển**  1. Người vận chuyển có trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong trường hợp:  a) Hành khách chết hoặc bị thương do tai nạn xảy ra trong tàu bay, trong thời gian người vận chuyển đưa hành khách lên tàu bay hoặc rời tàu bay;  b) Mất mát, thiếu hụt, hư hỏng hàng hoá, hành lý ký gửi;  c) Vận chuyển chậm.  2. Việc bồi thường thiệt hại của người vận chuyển không vượt quá mức giới hạn trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định của Chính phủ.  3. Người vận chuyển chỉ được hưởng mức giới hạn trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong trường hợp người vận chuyển chứng minh được rằng thiệt hại xảy ra không phải do lỗi của mình hoặc hoàn toàn do lỗi của bên thứ ba.  4. Người vận chuyển không được hưởng mức giới hạn trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong trường hợp người vận chuyển, nhân viên hoặc đại lý của người vận chuyển thực hiện hành vi gây thiệt hại một cách cố ý hoặc do sự cẩu thả nhưng với nhận thức rằng thiệt hại có thể xảy ra. Trong trường hợp hành vi đó do nhân viên hoặc đại lý thực hiện thì phải chứng minh được rằng nhân viên hoặc đại lý đó đã hành động khi thực hiện nhiệm vụ của mình. | - Kế thừa quy định mang tính nguyên tắc của Luật hiện hành  - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **147** | **Điều 161. Bồi thường thiệt hại đối với hàng hoá, hành lý**  1. Người vận chuyển có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do mất mát, thiếu hụt, hư hỏng hàng hoá, hành lý ký gửi do sự kiện xảy ra từ thời điểm người gửi hàng, hành khách giao hàng hoá, hành lý ký gửi cho người vận chuyển đến thời điểm người vận chuyển trả hàng hoá, hành lý ký gửi cho người có quyền nhận; đối với vận chuyển hàng hoá, thời gian trên không bao gồm quá trình vận chuyển bằng đường biển, đường bộ, đường sắt hoặc đường thuỷ nội địa được thực hiện ngoài cảng hàng không, sân bay.  2. Trường hợp xảy ra mất mát, thiếu hụt hoặc hư hỏng hành lý xách tay, người vận chuyển chỉ chịu trách nhiệm bồi thường nếu người vận chuyển có lỗi gây ra thiệt hại.  Trường hợp hàng hoá, hành lý đã được bồi thường nhưng sau đó hàng hoá, hành lý lại đến địa điểm đến thì người nhận hàng, hành khách vẫn có quyền nhận số hàng hoá, hành lý đó và hoàn trả số tiền bồi thường đã nhận cho người vận chuyển.  3. Trường hợp hàng hoá đã được người vận chuyển hàng không tiếp nhận thì bất kỳ thiệt hại nào cũng được coi là kết quả của sự kiện xảy ra khi vận chuyển bằng đường hàng không mà không phụ thuộc vào phương thức vận chuyển thực tế, trừ trường hợp người vận chuyển chứng minh được thiệt hại xảy ra trong giai đoạn vận chuyển bằng đường biển, đường bộ, đường sắt hoặc đường thủy nội địa. Trường hợp người vận chuyển thay thế một phần hoặc toàn bộ việc vận chuyển bằng đường hàng không bằng phương thức vận chuyển khác mà không được sự đồng ý của người gửi hàng thì việc vận chuyển bằng phương thức khác đó được coi là vận chuyển bằng đường hàng không.  4. Người vận chuyển phải hoàn trả cho người gửi hàng, hành khách giá dịch vụ vận chuyển đối với số hàng hoá, hành lý ký gửi bị thiệt hại. |  | - Bãi bỏ, lý do: các nội dung nguyên tắc, khung ghép vào Điều về Trách nhiệm bồi thường thiệt hại của người vận chuyển.  - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **148** | **Điều 162. Mức bồi thường thiệt hại hàng hoá, hành lý**  1. Mức bồi thường của người vận chuyển đối với mất mát, thiếu hụt, hư hỏng hàng hoá, hành lý được tính như sau:  a) Theo thoả thuận giữa các bên, nhưng không vượt quá giá trị thiệt hại thực tế;  b) Theo mức giá trị đã kê khai của việc nhận hàng hoá, hành lý ký gửi tại địa điểm đến. Trường hợp người vận chuyển chứng minh được giá trị đã kê khai cao hơn giá trị thực tế thì mức bồi thường được tính theo giá trị thiệt hại thực tế;  c) Theo giá trị thiệt hại thực tế đối với hàng hoá, hành lý ký gửi không kê khai giá trị;  d) Theo giá trị thiệt hại thực tế đối với hành lý xách tay.  2. Trong trường hợp hàng hoá, hành lý ký gửi không kê khai giá trị mà bị mất mát, thiếu hụt, hư hỏng và không xác định được giá trị thiệt hại thực tế thì mức bồi thường của người vận chuyển được tính đến mức giới hạn trách nhiệm bồi thường thiệt hại quy định tại Điều 166 của Luật này. |  | - Bãi bỏ, lý do: các nội dung nguyên tắc, khung ghép vào điều về trách nhiệm bồi thường thiệt hại của người vận chuyển  - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **149** | **Điều 163. Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm bồi thường thiệt hại của người vận chuyển**  Người vận chuyển phải mua bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với tính mạng, sức khoẻ của hành khách, việc mất mát, thiếu hụt, hư hỏng hàng hoá, hành lý và do vận chuyển chậm hoặc thực hiện các biện pháp bảo đảm khác đến mức giới hạn trách nhiệm bồi thường thiệt hại của người vận chuyển quy định tại Điều 166 của Luật này. |  | - Bãi bỏ, lý do: các nội dung nguyên tắc, khung ghép vào điều về trách nhiệm bồi thường thiệt hại của người vận chuyển  - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **150** | **Điều 164. Bồi thường thiệt hại do vận chuyển chậm**  1. Người vận chuyển có trách nhiệm bồi thường thiệt hại xảy ra do vận chuyển chậm, trừ trường hợp chứng minh được mình, nhân viên và đại lý của mình không thể áp dụng hoặc đã áp dụng mọi biện pháp để tránh thiệt hại nhưng thiệt hại vẫn xảy ra.  2. Việc bồi thường thiệt hại do vận chuyển chậm không vượt quá mức giới hạn trách nhiệm bồi thường thiệt hại quy định tại Điều 166 của Luật này. |  | - Bãi bỏ, lý do: các nội dung nguyên tắc, khung ghép vào điều về Trách nhiệm bồi thường thiệt hại của người vận chuyển  - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **151** | **Điều 165. Miễn, giảm trách nhiệm bồi thường thiệt hại**  1. Trong trường hợp chứng minh được thiệt hại xảy ra do lỗi của bên có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại, người vận chuyển được miễn một phần hoặc toàn bộ trách nhiệm bồi thường thiệt hại tương ứng với mức độ lỗi của bên có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại.  2. Trong trường hợp chứng minh được thiệt hại đối với tính mạng, sức khoẻ của hành khách xảy ra do lỗi của hành khách, người vận chuyển được miễn một phần hoặc toàn bộ trách nhiệm bồi thường thiệt hại tương ứng với mức độ lỗi của hành khách; người vận chuyển không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với tính mạng, sức khoẻ của hành khách nếu thiệt hại đó hoàn toàn do tình trạng sức khoẻ của hành khách gây ra.  3. Người vận chuyển được miễn một phần hoặc toàn bộ trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với hàng hóa tương ứng với mức độ thiệt hại trong các trường hợp sau đây:  a) Do đặc tính tự nhiên hoặc khuyết tật vốn có của hàng hóa;  b) Do quyết định của Tòa án hoặc của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hàng hóa;  c) Do xảy ra chiến tranh hoặc xung đột vũ trang;  d) Do lỗi của người gửi, người nhận hàng hóa hoặc do lỗi của người áp tải được người gửi hàng hoặc người nhận hàng cử đi kèm hàng hóa.  4. Người vận chuyển được miễn một phần hoặc toàn bộ trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với hành lý ký gửi tương ứng với mức độ thiệt hại do đặc tính tự nhiên hoặc khuyết tật vốn có của hành lý ký gửi gây ra. |  | - Bãi bỏ, lý do: các nội dung nguyên tắc, khung ghép vào Điều về  - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ Trách nhiệm bồi thường thiệt hại của người vận chuyển. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **152** | **Điều 166. Mức giới hạn trách nhiệm bồi thường thiệt hại của người vận chuyển**  1. Người vận chuyển được hưởng mức giới hạn trách nhiệm bồi thường thiệt hại như sau:  a) Đối với vận chuyển hành khách, mức giới hạn trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khỏe của hành khách là một trăm nghìn đơn vị tính toán cho mỗi hành khách;  b) Đối với vận chuyển hành khách, mức giới hạn trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vận chuyển chậm là bốn nghìn một trăm năm mươi đơn vị tính toán cho mỗi hành khách;  c) Đối với vận chuyển hành lý, bao gồm cả hành lý ký gửi và hành lý xách tay, mức giới hạn trách nhiệm bồi thường thiệt hại do mất mát, thiếu hụt, hư hỏng hoặc do vận chuyển chậm là một nghìn đơn vị tính toán cho mỗi hành khách; trường hợp hành khách có kê khai giá trị của việc nhận hành lý ký gửi tại địa điểm đến và trả một khoản phí bổ sung thì người vận chuyển phải bồi thường theo mức giá trị đã được kê khai, trừ trường hợp người vận chuyển chứng minh được rằng giá trị đã kê khai lớn hơn giá trị thực tế;  d) Đối với vận chuyển hàng hoá, mức giới hạn trách nhiệm bồi thường thiệt hại do mất mát, thiếu hụt, hư hỏng hoặc do vận chuyển chậm là mười bảy đơn vị tính toán cho mỗi kilôgam hàng hoá; trường hợp người gửi hàng có kê khai giá trị của việc nhận hàng hoá tại nơi đến và trả một khoản phí bổ sung thì người vận chuyển phải bồi thường theo mức giá trị đã được kê khai, trừ trường hợp người vận chuyển chứng minh được rằng giá trị đã kê khai lớn hơn giá trị thực tế.  2. Đơn vị tính toán là đơn vị tiền tệ do Quỹ tiền tệ quốc tế xác định và được quy ước là Quyền rút vốn đặc biệt. Đơn vị tính toán được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá chính thức do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm thanh toán.  3. Trọng lượng của kiện hàng hóa bị mất mát, thiếu hụt, hư hỏng hoặc bị vận chuyển chậm được sử dụng để xác định giới hạn trách nhiệm bồi thường thiệt hại của người vận chuyển trong trường hợp vận chuyển hàng hoá. Trường hợp phần hàng hoá bị mất mát, thiếu hụt, hư hỏng hoặc vận chuyển chậm làm ảnh hưởng đến giá trị của các kiện hàng hoá khác trong cùng một vận đơn hàng không hoặc biên lai hàng hóa thì trọng lượng của toàn bộ các kiện hàng hoá được sử dụng để xác định giới hạn trách nhiệm bồi thường thiệt hại của người vận chuyển.  4. Người vận chuyển chỉ được hưởng mức giới hạn trách nhiệm bồi thường thiệt hại quy định tại điểm a khoản 1 Điều này trong trường hợp người vận chuyển chứng minh được rằng thiệt hại xảy ra không phải do lỗi của mình hoặc hoàn toàn do lỗi của bên thứ ba.  5. Người vận chuyển không được hưởng mức giới hạn trách nhiệm bồi thường thiệt hại quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều này trong trường hợp người vận chuyển, nhân viên hoặc đại lý của người vận chuyển thực hiện hành vi gây thiệt hại một cách cố ý hoặc do sự cẩu thả nhưng với nhận thức rằng thiệt hại có thể xảy ra. Trong trường hợp hành vi đó do nhân viên hoặc đại lý thực hiện thì phải chứng minh được rằng nhân viên hoặc đại lý đó đã hành động khi thực hiện nhiệm vụ của mình.  6. Trong trường hợp cần thiết, Chính phủ quyết định tăng mức giới hạn trách nhiệm bồi thường thiệt hại quy định tại khoản 1 Điều này. |  | - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **153** | **Điều 167. Thỏa thuận về mức giới hạn trách nhiệm bồi thường thiệt hại**  1. Mọi thoả thuận của người vận chuyển với hành khách, người gửi hàng, người nhận hàng nhằm miễn, giảm mức giới hạn trách nhiệm bồi thường thiệt hại của người vận chuyển quy định tại Điều 166 của Luật này đều không có giá trị pháp lý.  2. Người vận chuyển có thể thoả thuận với hành khách, người gửi hàng, người nhận hàng về các mức giới hạn trách nhiệm bồi thường thiệt hại cao hơn các mức giới hạn trách nhiệm quy định tại Điều 166 của Luật này. | **Điều 63. Thỏa thuận về mức giới hạn trách nhiệm bồi thường thiệt hại**  1. Mọi thoả thuận của người vận chuyển với hành khách, người gửi hàng, người nhận hàng nhằm miễn, giảm mức giới hạn trách nhiệm bồi thường thiệt hại của người vận chuyển đều không có giá trị pháp lý.  2. Người vận chuyển có thể thoả thuận với hành khách, người gửi hàng, người nhận hàng về các mức giới hạn trách nhiệm bồi thường thiệt hại cao hơn các mức giới hạn trách nhiệm theo quy định của Chính phủ. | Kế thừa quy định hiện hành |
| **154** | **Điều 168. Bồi thường thiệt hại cho người vận chuyển**  Hành khách, người gửi hàng, người nhận hàng phải bồi thường thiệt hại cho người vận chuyển nếu gây thiệt hại cho người vận chuyển hoặc gây thiệt hại cho người thứ ba mà người vận chuyển có trách nhiệm bồi thường. | **Điều 64. Bồi thường thiệt hại cho người vận chuyển**  Hành khách, người gửi hàng, người nhận hàng phải bồi thường thiệt hại cho người vận chuyển nếu gây thiệt hại cho người vận chuyển hoặc gây thiệt hại cho người thứ ba mà người vận chuyển có trách nhiệm bồi thường. | Kế thừa quy định hiện hành |
| **155** | **Điều 169. Tiền trả trước**  1. Trong trường hợp xảy ra tai nạn tàu bay gây thiệt hại đến tính mạng, sức khỏe của hành khách thì người vận chuyển phải trả ngay một khoản tiền cho hành khách hoặc người có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại.  Mức tiền trả trước này do người vận chuyển quyết định và được ghi trong Điều lệ vận chuyển.  2. Khoản tiền trả trước theo quy định tại khoản 1 Điều này không phải là bằng chứng để xác định lỗi của người vận chuyển và được trừ vào số tiền bồi thường thiệt hại mà người vận chuyển phải trả. | **Điều 65. Tiền trả trước**  1. Trong trường hợp xảy ra tai nạn tàu bay gây thiệt hại đến tính mạng, sức khỏe của hành khách thì người vận chuyển phải trả ngay một khoản tiền cho hành khách hoặc người có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại.  Mức tiền trả trước này do người vận chuyển quyết định và được ghi trong Điều lệ vận chuyển.  2. Khoản tiền trả trước theo quy định tại khoản 1 Điều này không phải là bằng chứng để xác định lỗi của người vận chuyển và được trừ vào số tiền bồi thường thiệt hại mà người vận chuyển phải trả. | Kế thừa quy định hiện hành |
| **156** | **Điều 170. Khiếu nại và khởi kiện người vận chuyển**  1. Hành khách, người gửi hàng, người nhận hàng hoặc người đại diện hợp pháp của họ có quyền khiếu nại, khởi kiện người vận chuyển để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp khi bị xâm hại.  2. Trước khi khởi kiện về mất mát, thiếu hụt, hư hỏng, vận chuyển chậm hàng hoá, hành lý ký gửi, người có quyền khởi kiện quy định tại khoản 1 Điều này phải khiếu nại bằng văn bản đến người vận chuyển trong thời hạn sau đây:  a) Bảy ngày, kể từ ngày nhận hành lý trong trường hợp mất mát, thiếu hụt, hư hỏng hành lý;  b) Mười bốn ngày, kể từ ngày nhận hàng trong trường hợp thiếu hụt, hư hỏng hàng hoá; hai mươi mốt ngày, kể từ ngày phải trả hàng trong trường hợp mất mát hàng hoá;  c) Hai mươi mốt ngày, kể từ ngày người có quyền nhận đã nhận được hành lý hoặc hàng hoá trong trường hợp vận chuyển chậm.  3. Người vận chuyển phải thông báo cho người khiếu nại biết việc chấp nhận hoặc không chấp nhận khiếu nại trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày nhận được khiếu nại. Trường hợp khiếu nại không được chấp nhận hoặc quá thời hạn trên mà không nhận được thông báo trả lời thì người khiếu nại có quyền khởi kiện.  4. Việc khởi kiện về trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với người vận chuyển chỉ được thực hiện theo các điều kiện và mức giới hạn trách nhiệm bồi thường thiệt hại quy định tại Luật này.  5. Trường hợp việc khiếu nại không được thực hiện trong thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này thì việc khởi kiện không có giá trị, trừ trường hợp có sự lừa dối từ phía người vận chuyển hoặc người có quyền khiếu nại có lý do chính đáng. | **Điều 66. Khiếu nại và khởi kiện người vận chuyển**  1. Hành khách, người gửi hàng, người nhận hàng hoặc người đại diện hợp pháp của họ có quyền khiếu nại, khởi kiện người vận chuyển để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp khi bị xâm hại.  2. Trước khi khởi kiện về mất mát, thiếu hụt, hư hỏng, vận chuyển chậm hàng hoá, hành lý ký gửi, người có quyền khởi kiện quy định tại khoản 1 Điều này phải khiếu nại bằng văn bản đến người vận chuyển trong thời hạn theo quy định của pháp luật. Trường hợp khiếu nại không được chấp nhận hoặc quá thời hạn theo quy định mà không nhận được thông báo trả lời thì người khiếu nại có quyền khởi kiện.  3. Việc khởi kiện về trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với người vận chuyển chỉ được thực hiện theo các điều kiện và mức giới hạn trách nhiệm bồi thường thiệt hại quy định tại Luật này.  4. Trường hợp việc khiếu nại không được thực hiện trong thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này thì việc khởi kiện không có giá trị, trừ trường hợp có sự lừa dối từ phía người vận chuyển hoặc người có quyền khiếu nại có lý do chính đáng. | Kế thừa quy định hiện hành |
| **157** | **Điều 156. Người bị khởi kiện**  Trong trường hợp việc vận chuyển do người vận chuyển thực tế thực hiện thì người vận chuyển thực tế hoặc người vận chuyển theo hợp đồng hoặc cả hai người vận chuyển đều có thể bị khởi kiện. Trường hợp một người vận chuyển bị khởi kiện thì người vận chuyển đó có quyền đề nghị Toà án đưa người vận chuyển kia tham gia tố tụng. | **Điều 67. Người bị khởi kiện**  Trong trường hợp việc vận chuyển do người vận chuyển thực tế thực hiện thì người vận chuyển thực tế hoặc người vận chuyển theo hợp đồng hoặc cả hai người vận chuyển đều có thể bị khởi kiện. Trường hợp một người vận chuyển bị khởi kiện thì người vận chuyển đó có quyền đề nghị Toà án đưa người vận chuyển kia tham gia tố tụng. | Kế thừa quy định hiện hành |
| **158** | **Điều 171. Quyền của nhân viên, đại lý của người vận chuyển khi bị khiếu nại**  1. Trong trường hợp nhân viên, đại lý của người vận chuyển bị khiếu nại về bồi thường thiệt hại thì nhân viên, đại lý đó có quyền hưởng các giới hạn trách nhiệm bồi thường thiệt hại của người vận chuyển theo quy định tại Mục 1 Chương VII của Luật này nếu nhân viên, đại lý đó đã hành động trong phạm vi thực hiện nhiệm vụ.  2. Tổng số tiền bồi thường thiệt hại mà người vận chuyển, nhân viên, đại lý của người vận chuyển phải chịu không vượt quá mức giới hạn trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định của Luật này. | **Điều 68. Quyền của nhân viên, đại lý của người vận chuyển khi bị khiếu nại**  1. Trong trường hợp nhân viên, đại lý của người vận chuyển bị khiếu nại về bồi thường thiệt hại thì nhân viên, đại lý đó có quyền hưởng các giới hạn trách nhiệm bồi thường thiệt hại của người vận chuyển theo quy định tại Mục 1 Chương VI của Luật này nếu nhân viên, đại lý đó đã hành động trong phạm vi thực hiện nhiệm vụ.  2. Tổng số tiền bồi thường thiệt hại mà người vận chuyển, nhân viên, đại lý của người vận chuyển phải chịu không vượt quá mức giới hạn trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định của Luật này. | Kế thừa quy định hiện hành |
| **159** | **Điều 152. Trách nhiệm của người vận chuyển theo hợp đồng và người vận chuyển thực tế**  1. Người vận chuyển theo hợp đồng chịu trách nhiệm đối với toàn bộ việc vận chuyển thỏa thuận trong hợp đồng. Người vận chuyển thực tế chịu trách nhiệm đối với phần vận chuyển mà mình thực hiện.  2. Hành vi của người vận chuyển theo hợp đồng và của nhân viên, đại lý của người vận chuyển theo hợp đồng trong phạm vi thực hiện nhiệm vụ được coi là hành vi của người vận chuyển thực tế liên quan đến phần vận chuyển do người vận chuyển thực tế thực hiện. Người vận chuyển thực tế không phải chịu trách nhiệm cao hơn giới hạn trách nhiệm bồi thường thiệt hại quy định tại Mục 1 Chương VII của Luật này.  3. Hành vi của người vận chuyển thực tế và của nhân viên, đại lý của người vận chuyển thực tế trong phạm vi thực hiện nhiệm vụ được coi là hành vi của người vận chuyển theo hợp đồng liên quan đến phần vận chuyển do người vận chuyển thực tế thực hiện.  4. Thoả thuận của người vận chuyển theo hợp đồng về nghĩa vụ không được quy định ở Chương này, thoả thuận về việc từ bỏ các quyền được quy định tại Chương này hoặc thoả thuận về việc kê khai giá trị hàng hoá, hành lý ký gửi quy định tại điểm b khoản 1 Điều 162 của Luật này không ảnh hưởng đến trách nhiệm của người vận chuyển thực tế, trừ trường hợp đã được người vận chuyển thực tế đồng ý. | **Điều 69. Giới hạn trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với nhân viên, đại lý**  Trong trường hợp việc vận chuyển do người vận chuyển thực tế thực hiện thì nhân viên hoặc đại lý của người vận chuyển thực tế hoặc của người vận chuyển theo hợp đồng có quyền hưởng các giới hạn trách nhiệm bồi thường thiệt hại của người vận chuyển, nếu chứng minh được đã hành động trong phạm vi thực hiện nhiệm vụ. | - Các quy định mang tính nguyên tắc của Luật hiện hành được ghép vào Điều 58.  - Kế thừa các quy định về giới hạn trách nhiệm bồi thường thiệt hại. |
| **160** | **Điều 172. Thẩm quyền giải quyết của Toà án Việt Nam đối với tranh chấp trong vận chuyển hàng không quốc tế**  1. Toà án Việt Nam có thẩm quyền giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng vận chuyển hàng không quốc tế hành khách, hành lý, hàng hoá theo lựa chọn của người khởi kiện trong các trường hợp sau đây:  a) Người vận chuyển có trụ sở chính hoặc địa điểm kinh doanh chính tại Việt Nam;  b) Người vận chuyển có địa điểm kinh doanh và giao kết hợp đồng vận chuyển tại Việt Nam;  c) Việt Nam là địa điểm đến của hành trình vận chuyển.  2. Hợp đồng vận chuyển quốc tế quy định tại khoản 1 Điều này là hợp đồng vận chuyển mà theo thoả thuận của các bên trong hợp đồng, địa điểm xuất phát và địa điểm đến trên lãnh thổ của hai quốc gia hoặc trên lãnh thổ của một quốc gia nhưng có địa điểm dừng thoả thuận trên lãnh thổ của một quốc gia khác, không kể có gián đoạn trong vận chuyển hoặc chuyển tải.  3. Đối với tranh chấp về thiệt hại xảy ra trong trường hợp hành khách bị chết hoặc bị thương thì ngoài quy định tại khoản 1 Điều này, Toà án Việt Nam có thẩm quyền giải quyết tranh chấp trong trường hợp hành khách có nơi cư trú chính và thường xuyên tại Việt Nam vào thời điểm xảy ra tai nạn, với điều kiện:  a) Người vận chuyển có hoạt động khai thác vận chuyển hành khách trực tiếp bằng tàu bay của mình hoặc bằng tàu bay của người vận chuyển khác theo hợp đồng giao kết giữa những người vận chuyển về việc liên danh khai thác các chuyến bay vận chuyển hành khách;  b) Người vận chuyển sử dụng trụ sở của mình hoặc trụ sở của người vận chuyển khác có hợp đồng liên danh giao kết với mình để kinh doanh vận chuyển hành khách bằng đường hàng không tại Việt Nam.  4. Trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về tố tụng dân sự của Việt Nam. | **Điều 70. Thẩm quyền giải quyết của Toà án Việt Nam đối với tranh chấp trong vận chuyển hàng không quốc tế**  1. Toà án Việt Nam có thẩm quyền giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng vận chuyển hàng không quốc tế hành khách, hành lý, hàng hoá theo lựa chọn của người khởi kiện trong các trường hợp sau đây:  a) Người vận chuyển có trụ sở chính hoặc địa điểm kinh doanh chính tại Việt Nam;  b) Người vận chuyển có địa điểm kinh doanh và giao kết hợp đồng vận chuyển tại Việt Nam;  c) Việt Nam là địa điểm đến của hành trình vận chuyển.  2. Hợp đồng vận chuyển quốc tế quy định tại khoản 1 Điều này là hợp đồng vận chuyển mà theo thoả thuận của các bên trong hợp đồng, địa điểm xuất phát và địa điểm đến trên lãnh thổ của hai quốc gia hoặc trên lãnh thổ của một quốc gia nhưng có địa điểm dừng thoả thuận trên lãnh thổ của một quốc gia khác, không kể có gián đoạn trong vận chuyển hoặc chuyển tải.  3. Đối với tranh chấp về thiệt hại xảy ra trong trường hợp hành khách bị chết hoặc bị thương thì ngoài quy định tại khoản 1 Điều này, Toà án Việt Nam có thẩm quyền giải quyết tranh chấp trong trường hợp hành khách có nơi cư trú chính và thường xuyên tại Việt Nam vào thời điểm xảy ra tai nạn, với điều kiện:  a) Người vận chuyển có hoạt động khai thác vận chuyển hành khách trực tiếp bằng tàu bay của mình hoặc bằng tàu bay của người vận chuyển khác theo hợp đồng giao kết giữa những người vận chuyển về việc liên danh khai thác các chuyến bay vận chuyển hành khách;  b) Người vận chuyển sử dụng trụ sở của mình hoặc trụ sở của người vận chuyển khác có hợp đồng liên danh giao kết với mình để kinh doanh vận chuyển hành khách bằng đường hàng không tại Việt Nam.  4. Trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về tố tụng dân sự của Việt Nam. | Kế thừa quy định hiện hành |
| **161** | **Điều 173. Giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài**  1. Các bên của hợp đồng vận chuyển hàng hoá có thể thoả thuận giải quyết tranh chấp phát sinh bằng Trọng tài. Thoả thuận trọng tài phải được lập thành văn bản.  2. Đối với tranh chấp phát sinh từ hợp đồng vận chuyển hàng hoá quốc tế liên quan đến trách nhiệm bồi thường thiệt hại của người vận chuyển, việc giải quyết bằng Trọng tài tại Việt Nam chỉ được thực hiện trong các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 172 của Luật này.  3. Quy định tại khoản 2 Điều này được coi là một phần của bất kỳ điều khoản hoặc thoả thuận trọng tài nào. Mọi điều khoản và thoả thuận trọng tài trái với quy định này đều bị coi là vô hiệu. | **Điều 71. Giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài**  1. Các bên của hợp đồng vận chuyển hàng hoá có thể thoả thuận giải quyết tranh chấp phát sinh bằng Trọng tài. Thoả thuận trọng tài phải được lập thành văn bản.  2. Đối với tranh chấp phát sinh từ hợp đồng vận chuyển hàng hoá quốc tế liên quan đến trách nhiệm bồi thường thiệt hại của người vận chuyển, việc giải quyết bằng Trọng tài tại Việt Nam chỉ được thực hiện trong các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 70 của Luật này.  3. Quy định tại khoản 2 Điều này được coi là một phần của bất kỳ điều khoản hoặc thoả thuận trọng tài nào. Mọi điều khoản và thoả thuận trọng tài trái với quy định này đều bị coi là vô hiệu. | Kế thừa quy định hiện hành |
| **162** | **Điều 174. Thời hiệu khởi kiện về trách nhiệm bồi thường thiệt hại của người vận chuyển**  Thời hiệu khởi kiện về trách nhiệm bồi thường thiệt hại của người vận chuyển đối với thiệt hại xảy ra cho hành khách, hành lý, hàng hoá là hai năm, kể từ ngày tàu bay đến địa điểm đến, ngày tàu bay phải đến địa điểm đến hoặc từ ngày việc vận chuyển bị chấm dứt, tùy thuộc vào thời điểm nào muộn nhất. | **Điều 72. Thời hiệu khởi kiện về trách nhiệm bồi thường thiệt hại của người vận chuyển**  Thời hiệu khởi kiện về trách nhiệm bồi thường thiệt hại của người vận chuyển đối với thiệt hại xảy ra cho hành khách, hành lý, hàng hoá là hai năm, kể từ ngày tàu bay đến địa điểm đến, ngày tàu bay phải đến địa điểm đến hoặc từ ngày việc vận chuyển bị chấm dứt, tùy thuộc vào thời điểm nào muộn nhất. | Kế thừa quy định hiện hành |
| **163** | **Mục 2** **TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG THIỆT HẠI ĐỐI VỚI  NGƯỜI THỨ BA Ở MẶT ĐẤT**  **Điều 175. Quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại**  1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân ở mặt đất bị thiệt hại do tàu bay đang bay, người, vật, chất trong tàu bay đang bay gây ra (sau đây gọi là người thứ ba ở mặt đất) có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại, nếu chứng minh được rằng tàu bay đang bay, người, vật, chất từ tàu bay đang bay rơi xuống trực tiếp gây ra thiệt hại đó.  2. Trong Mục này, tàu bay được coi là đang bay kể từ thời điểm tàu bay nổ máy để cất cánh cho đến thời điểm tắt máy sau khi hạ cánh; đối với khí cầu hoặc thiết bị bay tương tự thì kể từ thời điểm rời khỏi mặt đất cho đến thời điểm chạm đất. | **Mục 2**  **TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG THIỆT HẠI ĐỐI VỚI**  **NGƯỜI THỨ BA Ở MẶT ĐẤT**  **Điều 73. Quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại**  1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân ở mặt đất bị thiệt hại do tàu bay đang bay, người, vật, chất trong tàu bay đang bay gây ra (sau đây gọi là người thứ ba ở mặt đất) có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại, nếu chứng minh được rằng tàu bay đang bay, người, vật, chất từ tàu bay đang bay rơi xuống trực tiếp gây ra thiệt hại đó.  2. Tàu bay được coi là đang bay kể từ thời điểm tàu bay nổ máy để cất cánh cho đến thời điểm tắt máy sau khi hạ cánh; đối với khí cầu hoặc thiết bị bay tương tự thì kể từ thời điểm rời khỏi mặt đất cho đến thời điểm chạm đất. | Kế thừa quy định hiện hành |
| **164** | **Điều 176. Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm bồi thường thiệt hại của người khai thác tàu bay**  Người khai thác tàu bay phải mua bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với người thứ ba ở mặt đất hoặc thực hiện các biện pháp bảo đảm khác đến mức giới hạn trách nhiệm bồi thường thiệt hại của mình quy định tại Điều 180 của Luật này. | **Điều 74. Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm bồi thường thiệt hại của người khai thác tàu bay**  Người khai thác tàu bay phải mua bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với người thứ ba ở mặt đất hoặc thực hiện các biện pháp bảo đảm khác đến mức giới hạn trách nhiệm bồi thường thiệt hại của mình theo quy định của Chính phủ. | Kế thừa quy định hiện hành |
| **165** | **Điều 177. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại**  1. Người khai thác tàu bay phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại gây ra cho người thứ ba ở mặt đất.  2. Người sử dụng tàu bay bất hợp pháp gây thiệt hại cho người thứ ba ở mặt đất thì phải bồi thường. Người chiếm hữu tàu bay phải chịu trách nhiệm liên đới với người sử dụng bất hợp pháp tàu bay về thiệt hại đã gây ra nếu không chứng minh được rằng mình đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết để ngăn chặn việc sử dụng bất hợp pháp đó.  3. Người khai thác tàu bay quy định tại Chương này là người trực tiếp sử dụng tàu bay hoặc nhân viên của người đó sử dụng tàu bay trong quá trình thực hiện công việc tại thời điểm xảy ra thiệt hại. | **Điều 75. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại**  1. Người khai thác tàu bay phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại gây ra cho người thứ ba ở mặt đất.  2. Người sử dụng tàu bay bất hợp pháp gây thiệt hại cho người thứ ba ở mặt đất thì phải bồi thường. Người chiếm hữu tàu bay phải chịu trách nhiệm liên đới với người sử dụng bất hợp pháp tàu bay về thiệt hại đã gây ra nếu không chứng minh được rằng mình đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết để ngăn chặn việc sử dụng bất hợp pháp đó.  3. Người khai thác tàu bay là người trực tiếp sử dụng tàu bay hoặc nhân viên của người đó sử dụng tàu bay trong quá trình thực hiện công việc tại thời điểm xảy ra thiệt hại.  4. Các trường hợp người khai thác tàu bay mất quyền hưởng giới hạn trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong các trường hợp:  a) Thiệt hại xảy ra do lỗi của người khai thác tàu bay, nhân viên, đại lý của người khai thác tàu bay.  b) Thiệt hại xảy ra khi tàu bay bị sử dụng bất hợp pháp.  5. Khoản tiền bảo hiểm, tiền bảo đảm quy định tại khoản 2 Điều 60 của Luật này không bị kê biên để bảo đảm thực hiện yêu cầu của chủ nợ của người khai thác tàu bay. | Kế thừa quy định hiện hành |
| **166** | **Điều 178. Miễn, giảm trách nhiệm bồi thường thiệt hại**  1. Trong trường hợp người bị thiệt hại có lỗi trong việc gây ra thiệt hại thì mức bồi thường của người gây ra thiệt hại được giảm tương ứng với mức độ lỗi của người bị thiệt hại; nếu thiệt hại xảy ra hoàn toàn do lỗi của người bị thiệt hại thì người gây thiệt hại không phải bồi thường.  2. Người khai thác tàu bay được miễn trách nhiệm bồi thường nếu thiệt hại là hậu quả trực tiếp của chiến tranh, xung đột vũ trang hoặc tàu bay đang được cơ quan nhà nước có thẩm quyền trưng dụng. |  | - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **167** | **Điều 179. Quyền khởi kiện để truy đòi của người chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại**  Người chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại có quyền khởi kiện để truy đòi đối với tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc gây ra thiệt hại. |  | - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **168** | **Điều 180. Mức giới hạn trách nhiệm bồi thường thiệt hại của người khai thác tàu bay**  1. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại của người khai thác tàu bay quy định tại Mục này đối với mỗi tàu bay và mỗi sự kiện gây thiệt hại không quá một nghìn đơn vị tính toán cho mỗi kilôgam trọng lượng tàu bay.  Trọng lượng tàu bay là trọng lượng cất cánh tối đa được phép của tàu bay theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay, trừ ảnh hưởng của khí nâng khi sử dụng.  2. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại của người khai thác tàu bay trong trường hợp người thứ ba ở mặt đất bị chết, bị thương hoặc tổn hại khác về sức khoẻ không quá một trăm năm mươi nghìn đơn vị tính toán cho mỗi người.  3. Trong trường hợp thiệt hại do tàu bay va chạm hoặc gây cản trở nhau thì người thứ ba ở mặt đất có quyền được bồi thường đến mức tổng số các giới hạn trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với mỗi tàu bay; người có trách nhiệm bồi thường của mỗi tàu bay gây thiệt hại chỉ phải bồi thường đến mức giới hạn trách nhiệm bồi thường thiệt hại quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.  4. Trong trường hợp cần thiết, Chính phủ quyết định tăng mức giới hạn trách nhiệm bồi thường thiệt hại của người khai thác tàu bay. |  | - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới và để phù hợp với thực tiễn phát sinh. |
| **169** | **Điều 181. Các trường hợp người khai thác tàu bay mất quyền hưởng giới hạn trách nhiệm bồi thường thiệt hại**  1. Thiệt hại xảy ra do lỗi của người khai thác tàu bay, nhân viên, đại lý của người khai thác tàu bay.  2. Thiệt hại xảy ra khi tàu bay bị sử dụng bất hợp pháp. |  | - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **170** | **Điều 182. Giải quyết bồi thường thiệt hại trong trường hợp tổng giá trị thiệt hại thực tế vượt quá giới hạn trách nhiệm bồi thường thiệt hại của người khai thác tàu bay**  1. Trong trường hợp chỉ có yêu cầu bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khoẻ hoặc về tài sản thì số tiền bồi thường cho mỗi yêu cầu được giảm theo tỷ lệ tương ứng với giá trị thiệt hại thực tế.  2. Trong trường hợp có yêu cầu bồi thường thiệt hại về cả tính mạng, sức khoẻ và tài sản thì tổng số tiền bồi thường được ưu tiên sử dụng để đáp ứng yêu cầu bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khoẻ; nếu không đủ thì chia theo tỷ lệ của các yêu cầu đó; phần tiền còn lại được sử dụng để đáp ứng yêu cầu bồi thường về tài sản chưa được giải quyết. | **Điều 76. Áp dụng các quy định về bồi thường thiệt hại**  1. Các quy định tại Mục này được áp dụng đối với tàu bay đang bay gây thiệt hại cho tàu, thuyền, công trình của Việt Nam ở vùng biển thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam, vùng biển, vùng đất không thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán của bất kỳ quốc gia nào.  2. Tòa án nơi xảy ra thiệt hại có thẩm quyền giải quyết yêu cầu bồi thường thiệt hại của người thứ ba ở mặt đất, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác.  3. Người chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại có quyền khởi kiện để truy đòi đối với tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc gây ra thiệt hại.  4. Thời hiệu khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với người thứ ba ở mặt đất là hai năm, kể từ ngày phát sinh sự kiện gây thiệt hại. | - Kế thừa các quy định về nguyên tắc, khung tại Luật hiện hành. |
| **171** | **Điều 183. Các trường hợp người bảo hiểm, người bảo đảm được miễn, giảm trách nhiệm bồi thường thiệt hại**  1. Người bảo hiểm, người bảo đảm được miễn, giảm trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với các trường hợp quy định tại Điều 178 của Luật này.  2. Người bảo hiểm, người bảo đảm được miễn trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong các trường hợp sau đây:  a) Thiệt hại xảy ra khi hợp đồng bảo hiểm hoặc việc bảo đảm hết hiệu lực. Trường hợp tàu bay đang bay mà hợp đồng bảo hiểm hoặc việc bảo đảm hết hiệu lực thì thời hạn bảo hiểm hoặc bảo đảm được kéo dài cho đến khi tàu bay hạ cánh ở điểm tiếp theo trong hành trình, nhưng không quá hai mươi bốn giờ, kể từ thời điểm hợp đồng bảo hiểm hoặc việc bảo đảm hết hiệu lực. Việc kéo dài thời hạn bảo hiểm hoặc bảo đảm chỉ được áp dụng khi có lợi cho người bị thiệt hại;  b) Thiệt hại xảy ra ở ngoài phạm vi được bảo hiểm về không gian quy định trong hợp đồng bảo hiểm hoặc bảo đảm, trừ trường hợp bất khả kháng hoặc trong tình huống khẩn cấp. |  | - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **172** | **Điều 184. Miễn kê biên tiền bảo hiểm, tiền bảo đảm**  Khoản tiền bảo hiểm, tiền bảo đảm quy định tại Điều 176 của Luật này không bị kê biên để bảo đảm thực hiện yêu cầu của chủ nợ của người khai thác tàu bay cho đến khi việc bồi thường thiệt hại cho người thứ ba ở mặt đất được giải quyết. |  | - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **173** | **Điều 185. Thẩm quyền xét xử của Toà án**  Tòa án nơi xảy ra thiệt hại có thẩm quyền giải quyết yêu cầu bồi thường thiệt hại của người thứ ba ở mặt đất, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác. |  | - Các quy định được đưa về Điều 76 |
| **174** | **Điều 186. Thời hiệu khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại**  Thời hiệu khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với người thứ ba ở mặt đất là hai năm, kể từ ngày phát sinh sự kiện gây thiệt hại. |  | - Các quy định được đưa về Điều 76. |
| **175** | **Điều 187. Áp dụng các quy định về bồi thường thiệt hại**  Các quy định tại Mục này được áp dụng đối với tàu bay đang bay gây thiệt hại cho tàu, thuyền, công trình của Việt Nam ở vùng biển thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam, vùng biển, vùng đất không thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán của bất kỳ quốc gia nào. |  | - Các quy định được đưa về Điều 76 |
| **176** | **Mục 3** **TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG THIỆT HẠI KHI TÀU BAY VA CHẠM HOẶC GÂY CẢN TRỞ NHAU**  **Điều 188. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại của người khai thác khi tàu bay va chạm hoặc gây cản trở nhau**  1. Trong trường hợp xảy ra thiệt hại do tàu bay va chạm hoặc gây cản trở nhau thì trách nhiệm bồi thường thiệt hại của người khai thác tàu bay được xác định như sau:  a) Thiệt hại xảy ra do lỗi của một bên thì bên có lỗi phải bồi thường;  b) Thiệt hại xảy ra do lỗi của nhiều bên thì trách nhiệm bồi thường được xác định theo mức độ lỗi của mỗi bên; trường hợp không xác định được mức độ lỗi thì các bên có trách nhiệm bồi thường ngang nhau.  2. Quy định tại khoản 1 Điều này không cản trở việc yêu cầu người vận chuyển bồi thường thiệt hại. Người vận chuyển có quyền yêu cầu người khai thác tàu bay có trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện nghĩa vụ hoàn trả khoản tiền đã bồi thường. | **Mục 3**  **TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG THIỆT HẠI KHI TÀU BAY VA CHẠM HOẶC GÂY CẢN TRỞ NHAU**  **Điều 77. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại của người khai thác khi tàu bay va chạm hoặc gây cản trở nhau**  1. Trong trường hợp xảy ra thiệt hại do tàu bay va chạm hoặc gây cản trở nhau thì trách nhiệm bồi thường thiệt hại của người khai thác tàu bay được xác định như sau:  a) Thiệt hại xảy ra do lỗi của một bên thì bên có lỗi phải bồi thường;  b) Thiệt hại xảy ra do lỗi của nhiều bên thì trách nhiệm bồi thường được xác định theo mức độ lỗi của mỗi bên; trường hợp không xác định được mức độ lỗi thì các bên có trách nhiệm bồi thường ngang nhau.  2. Quy định tại khoản 1 Điều này không cản trở việc yêu cầu người vận chuyển bồi thường thiệt hại. Người vận chuyển có quyền yêu cầu người khai thác tàu bay có trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện nghĩa vụ hoàn trả khoản tiền đã bồi thường. | - Kế thừa các quy định hiện hành |
| **177** | **Điều 189. Trách nhiệm liên đới**  Khi hai hoặc nhiều tàu bay đang bay do va chạm hoặc gây cản trở cho nhau mà gây thiệt hại cho người thứ ba ở mặt đất thì người khai thác tàu bay của mỗi tàu bay gây thiệt hại phải chịu trách nhiệm liên đới đối với thiệt hại đó theo mức độ lỗi của mỗi bên. | **Điều 78. Trách nhiệm liên đới**  Khi hai hoặc nhiều tàu bay đang bay do va chạm hoặc gây cản trở cho nhau mà gây thiệt hại cho người thứ ba ở mặt đất thì người khai thác tàu bay của mỗi tàu bay gây thiệt hại phải chịu trách nhiệm liên đới đối với thiệt hại đó theo mức độ lỗi của mỗi bên. | - Các quy định được đưa về Điều 76 |
| **178** | **Điều 187. Áp dụng các quy định về bồi thường thiệt hại**  Các quy định tại Mục này được áp dụng đối với tàu bay đang bay gây thiệt hại cho tàu, thuyền, công trình của Việt Nam ở vùng biển thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam, vùng biển, vùng đất không thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán của bất kỳ quốc gia nào. |  | Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **179** | **(chưa có)** | **Chương VII**  **AN TOÀN HÀNG KHÔNG VÀ**  **ĐIỀU TRA SỰ CỐ, TAI NẠN TÀU BAY**  **Mục 1**  **QUẢN LÝ AN TOÀN HÀNG KHÔNG** | Bổ sung mới nhằm chuyển hóa các quy định của Phụ ước 19 của ICAO, an toàn hàng không. |
| **180** | **(chưa có)** | **Điều 79. An toàn hàng không**  Các hoạt động liên quan tới tàu bay, khai thác tàu bay, cảng hàng không, bảo đảm hoạt động bay, cung cấp dịch vụ hàng không phải tuân thủ quy định về an toàn hàng không và chịu sự quản lý, giám sát về an toàn hàng không của Nhà chức trách hàng không Việt Nam. | Bổ sung mới nhằm chuyển hóa các quy định của Phụ ước 19 của ICAO, an toàn hàng không. |
| **181** | **(chưa có)** | **Điều 80. Chương trình an toàn hàng không dân dụng Việt Nam**  1. Chương trình an toàn hàng không dân dụng Việt Nam là hệ thống các quy định và hoạt động nhằm nâng cao mức độ an toàn hàng không, phù hợp với quy mô phát triển và tính đa dạng của hàng không dân dụng.  2. Nhà chức trách hàng không Việt Nam chịu trách nhiệm triển khai, quản lý, kiểm tra giám sát việc thực hiện Chương trình an toàn hàng không dân dụng Việt Nam; quyết định miễn trừ áp dụng các quy định kỹ thuật, tiêu chuẩn hoặc yêu cầu bắt buộc trong lĩnh vực tàu bay, khai thác tàu bay, cảng hàng không, bảo đảm hoạt động bay trong trường hợp vì lý do khách quan như chiến tranh, thiên tai, dịch bệnh và các tình huống cần thiết khác. | Bổ sung mới nhằm chuyển hóa các quy định của Phụ ước 19 của ICAO, an toàn hàng không. |
| **182** | **(chưa có)** | **Điều 81. Hệ thống thu thập, đánh giá và xử lý dữ liệu an toàn hàng không**  1. Dữ liệu an toàn hàng không là các dữ kiện hoặc số liệu an toàn được thu thập từ công tác điều tra tai nạn hoặc sự cố tàu bay, báo cáo vụ việc an toàn hàng không, công tác giám sát an toàn, các nghiên cứu và khảo sát về an toàn và các nguồn khác có liên quan đến an toàn hàng không để duy trì hoặc nâng cao mức độ an toàn hàng không.  2. Dữ liệu an toàn hàng không phải được thu thập, tổng hợp, phân tích, đánh giá nhằm xác định các thông tin an toàn hàng không để triển khai biện pháp nâng cao mức độ an toàn hàng không.  3. Thông tin an toàn hàng không là kết quả của quá trình đánh giá, xử lý dữ liệu an toàn hàng không. Thông tin an toàn hàng không được sử dụng cho mục đích quản lý an toàn.  4. Thông tin của các tổ chức, cá nhân báo cáo tự nguyện và các dữ liệu an toàn hàng không được thu thập từ hệ thống báo cáo an toàn tự nguyện phải được bảo vệ theo quy định.  5. Nhà chức trách hàng không Việt Nam xây dựng trung tâm dữ liệu an toàn hàng không, thiết lập và duy trì hệ thống thu thập, đánh giá, xử lý và chia sẻ thông tin an toàn hàng không nhằm mục đích nâng cao an toàn hàng không. | Bổ sung mới nhằm chuyển hóa các quy định của Phụ ước 19 của ICAO, an toàn hàng không. |
| **183** | **(chưa có)** | **Điều 82. Trách nhiệm trao đổi và chia sẻ thông tin an toàn hàng không**  1. Trong trường hợp xác định các vấn đề an toàn hàng không liên quan đến quốc gia khác, Nhà chức trách hàng không Việt Nam trao đổi, chia sẻ dữ liệu, thông tin an toàn hàng không cho các quốc gia liên quan.  2. Nhà chức trách hàng không Việt Nam là đầu mối tiếp nhận dữ liệu, thông tin an toàn hàng không từ các quốc gia khác; có trách nhiệm thúc đẩy trao đổi, chia sẻ thông tin an toàn hàng không và tạo điều kiện thuận lợi cho việc chia sẻ, trao đổi thông tin an toàn giữa các doanh nghiệp, tổ chức cung cấp dịch vụ hàng không. | Bổ sung mới nhằm chuyển hóa các quy định của Phụ ước 19 của ICAO, an toàn hàng không. |
| **184** | **(chưa có)** | **Điều 83. Xây dựng văn hóa an toàn hàng không**  1. Xây dựng, ứng xử và phát huy văn hóa an toàn hàng không là trách nhiệm của mọi tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động hàng không dân dụng.  2. Các tổ chức cung cấp dịch vụ hàng không, phi hàng không có trách nhiệm xây dựng và tổ chức thực hiện chuẩn mực văn hóa an toàn hàng không trong cơ quan, tổ chức mình.  3. Nhà chức trách hàng không Việt Nam phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục để nâng cao ý thức cộng đồng về an toàn hàng không. | Bổ sung mới nhằm chuyển hóa các quy định của Phụ ước xây dựng ngành hàng không dân dụng văn minh, hiện đại. |
| **185** | **(chưa có)** | **Mục 2**  **GIÁM SÁT VIÊN AN TOÀN HÀNG KHÔNG** |  |
| **186** | **(chưa có)** | **Điều 84. Giám sát viên an toàn hàng không**  1. Giám sát viên an toàn hàng không bao gồm giám sát viên an toàn trong các lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay, hoạt động bay, khai thác cảng hàng không và các hoạt động hàng không dân dụng khác.  2. Giám sát viên an toàn hàng không là cá nhân có năng lực, kinh nghiệm, trình độ được Nhà chức trách hàng không Việt Nam bổ nhiệm theo quy định; được đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện chuyên ngành hàng không để đảm bảo đủ năng lực; được bảo đảm chế độ, quyền lợi để thực hiện công tác giám sát an toàn hàng không.  3. Nhà chức trách hàng không Việt Nam được tuyển dụng, thuê, trưng dụng giám sát viên an toàn.  4. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực hàng không có trách nhiệm hỗ trợ, tạo điều kiện cho nhân lực của Nhà chức trách hàng không Việt Nam được đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện, tích lũy kinh nghiệm để thực hiện nhiệm vụ giám sát viên an toàn hàng không. | - Bổ sung mới theo quy định của ICAO tại Tài liệu hướng dẫn số 9734  - Giám sát viên an toàn hàng không phải có đủ trình độ kỹ thuật, kinh nghiệm, kỹ năng quản lý phù hợp với đối tượng được kiểm tra, giám sát (3.4 Qualifiled technical Personnel (CE-4)). |
| **187** | **(chưa có)** | **Điều 85. Nhiệm vụ, quyền hạn của giám sát viên an toàn hàng không**  1. Kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định của pháp luật về an toàn hàng không dân dụng.  2. Tiếp cận không hạn chế các cơ sở, hệ thống thiết bị, yêu cầu cung cấp và sao chép các tài liệu của tổ chức cung cấp dịch vụ phục vụ cho mục đích kiểm tra, giám sát.  3. Tạm đình chỉ hoạt động của tổ chức, cá nhân và phương tiện vi phạm quy định về an toàn hàng không hoặc không đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện kỹ thuật an toàn hàng không.  4. Kiến nghị áp dụng biện pháp xử lý, khắc phục những vi phạm trong hoạt động hàng không dân dụng; kiến nghị xử phạt vi phạm hành chính. | - Bổ sung mới theo quy định của ICAO tại Tài liệu hướng dẫn số 9734  - Giám sát viên an toàn hàng không phải có đủ trình độ kỹ thuật, kinh nghiệm, kỹ năng quản lý phù hợp với đối tượng được kiểm tra, giám sát (3.4 Qualifiled technical Personnel (CE-4)). |
| **188** | **Điều 104. Sự cố, tai nạn tàu bay**  1. Sự cố tàu bay là vụ việc liên quan đến việc khai thác tàu bay làm ảnh hưởng hoặc có khả năng làm ảnh hưởng đến an toàn khai thác bay nhưng chưa phải là tai nạn tàu bay.  2. Tai nạn tàu bay là vụ việc liên quan đến việc khai thác tàu bay trong khoảng thời gian từ khi bất kỳ người nào lên tàu bay để thực hiện chuyến bay đến khi người cuối cùng rời khỏi tàu bay mà xảy ra một trong các trường hợp sau đây:  a) Có người chết hoặc bị thương nặng do đang ở trong tàu bay hoặc do bị tác động trực tiếp của bất kỳ bộ phận nào của tàu bay, kể cả những bộ phận bị văng ra từ tàu bay hoặc do bị tác động trực tiếp của khí phát thải từ động cơ tàu bay, trừ trường hợp thương tổn xuất phát từ nguyên nhân tự nhiên hoặc do tự gây ra hoặc do người khác gây ra và thương tổn của hành khách không có vé trốn ở bên ngoài khu vực dành cho hành khách hoặc tổ bay;  b) Tàu bay hoặc kết cấu của tàu bay bị tổn hại làm ảnh hưởng xấu đến độ bền của kết cấu, tính năng bay của tàu bay dẫn đến phải sửa chữa lớn hoặc thay thế bộ phận bị hỏng, trừ những hỏng hóc hoặc sự cố của động cơ tàu bay chỉ ảnh hưởng đến động cơ tàu bay, vỏ bọc hoặc thiết bị của động cơ tàu bay hoặc hỏng hóc chỉ ảnh hưởng đến cánh quạt tàu bay, đầu cánh tàu bay, ăng ten, lốp, phanh, bộ phận tạo hình khí động học của tàu bay hoặc chỉ là vết lõm, lỗ thủng nhỏ ở vỏ tàu bay;  c) Tàu bay bị mất tích hoặc hoàn toàn không thể tiếp cận được. | **Mục 3**  **ĐIỀU TRA SỰ CỐ NGHIÊM TRỌNG, TAI NẠN TÀU BAY**  **Điều 86. Điều tra sự cố nghiêm trọng, tai nạn tàu bay**  1. Sự cố nghiêm trọng, tai nạn tàu bay xảy ra trong lãnh thổ Việt Nam phải được tiến hành điều tra bởi Cơ quan điều tra tai nạn tàu bay của Việt Nam. Trường hợp cần thiết có thể ủy quyền một phần hoặc toàn bộ việc điều tra cho cơ quan điều tra tai nạn tàu bay của quốc gia khác hoặc tổ chức điều tra quốc tế theo Công ước về Hàng không dân dụng quốc tế năm 1944.  2. Sự cố nghiêm trọng, tai nạn của tàu bay mang quốc tịch Việt Nam hoặc tàu bay của người khai thác tàu bay là tổ chức, cá nhân Việt Nam xảy ra ở ngoài lãnh thổ Việt Nam được tiến hành điều tra theo Công ước về Hàng không dân dụng quốc tế năm 1944.  3. Việc điều tra sự cố nghiêm trọng, tai nạn tàu bay nhằm xác định nguyên nhân sự cố nghiêm trọng, tai nạn tàu bay, áp dụng các biện pháp phòng ngừa sự cố, tai nạn trong tương lai và không nhằm mục đích truy cứu trách nhiệm đối với cá nhân, tổ chức liên quan; được thực hiện tách biệt và không bị ảnh hưởng bởi các hoạt động khác.  4. Việc cung cấp hồ sơ và công bố các thông tin liên quan đến sự cố nghiêm trọng, tai nạn tàu bay phải tuân thủ theo quy định.  5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thông báo kịp thời tin tức về sự cố, tai nạn tàu bay và bảo vệ chứng cứ.  6. Người nào cố ý che giấu, không thông báo về sự cố, tai nạn tàu bay, làm sai lệch thông tin, làm hư hỏng hoặc phá hủy các thiết bị kiểm tra và các bằng chứng khác liên quan đến sự cố, tai nạn tàu bay thì tùy theo tính chất, mức độ mà bị xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự. | - Kế thừa các quy định về sự cố, tai nạn tàu bay tại Luật hiện hành.  - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **189** | **Điều 105. Mục đích và thủ tục điều tra sự cố, tai nạn tàu bay**  1. Sự cố, tai nạn tàu bay xảy ra trong lãnh thổ Việt Nam phải được tiến hành điều tra. Sự cố, tai nạn của tàu bay mang quốc tịch Việt Nam hoặc tàu bay của người khai thác tàu bay là tổ chức, cá nhân Việt Nam xảy ra ở ngoài lãnh thổ Việt Nam được tiến hành điều tra phù hợp với điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.  2. Việc điều tra sự cố, tai nạn tàu bay nhằm xác định nguyên nhân sự cố, tai nạn tàu bay và áp dụng các biện pháp phòng ngừa sự cố, tai nạn trong tương lai.  3. Chính phủ quy định thủ tục điều tra sự cố, tai nạn tàu bay. |  | - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **190** | **Điều 106. Trách nhiệm điều tra sự cố, tai nạn tàu bay**  1. Khi xảy ra sự cố tàu bay trong lãnh thổ Việt Nam hoặc vùng thông báo bay do Việt Nam quản lý thì tuỳ theo tính chất của vụ việc, Bộ Giao thông vận tải thực hiện trách nhiệm báo cáo theo quy định của điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.  2. Khi xảy ra tai nạn tàu bay trong lãnh thổ Việt Nam hoặc vùng thông báo bay do Việt Nam quản lý, Bộ Giao thông vận tải có trách nhiệm báo cáo cho Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế và thông báo cho quốc gia đăng ký tàu bay, quốc gia của người khai thác tàu bay, quốc gia sản xuất tàu bay, quốc gia thiết kế tàu bay và các quốc gia có liên quan khác theo quy định của điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.  3. Thẩm quyền tổ chức điều tra sự cố, tai nạn tàu bay được quy định như sau:  a) Bộ Giao thông vận tải tổ chức điều tra sự cố, tai nạn tàu bay quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 104 của Luật này; phối hợp với cơ quan quản lý tàu bay công vụ điều tra tai nạn liên quan đến tàu bay công vụ;  b) Uỷ ban điều tra tai nạn tàu bay do Thủ tướng Chính phủ thành lập tổ chức điều tra tai nạn tàu bay quy định tại điểm a và điểm c khoản 2 Điều 104 của Luật này.  4. Khi xảy ra tai nạn tàu bay, cơ quan điều tra tai nạn có các trách nhiệm sau đây:  a) Điều tra nhằm làm rõ sự kiện, điều kiện, hoàn cảnh, nguyên nhân và mức độ thiệt hại của vụ tai nạn;  b) Áp dụng các biện pháp nhằm hạn chế thiệt hại có thể xảy ra;  c) Công bố kịp thời thông tin, tài liệu có liên quan đến vụ tai nạn tàu bay;  d) Phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan và chính quyền địa phương trong việc điều tra tai nạn tàu bay và hướng dẫn phòng ngừa tai nạn tàu bay trong tương lai.  5. Thủ tướng Chính phủ quyết định việc chấp nhận đại diện của quốc gia đăng ký quốc tịch tàu bay, quốc gia của người khai thác tàu bay tham gia quá trình điều tra tai nạn tàu bay nước ngoài bị tai nạn trong lãnh thổ Việt Nam với tư cách là quan sát viên**.** | **Điều 87. Cơ quan điều tra tai nạn tàu bay**  1. Cơ quan điều tra tai nạn tàu bay là cơ quan có thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ điều tra sự cố nghiêm trọng và tai nạn tàu bay.  2. Cơ quan điều tra tai nạn tàu bay độc lập với Nhà chức trách hàng không Việt Nam, Nhà chức trách an ninh hàng không Việt Nam.  3. Người đứng đầu Cơ quan điều tra tai nạn tàu bay quyết định mở cuộc điều tra khi xảy ra sự cố nghiêm trọng hoặc tai nạn tàu bay. | - Sửa đổi, bổ sung phù hợp Annex 13, tách biệt cơ quan điều tra tai nạn tàu bay, độc lập với Nhà chức trách hàng không Việt Nam, Nhà chức trách an ninh hàng không Việt Nam, đảm bảo tính minh bạch.  - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **191** | **Điều 107. Quyền của cơ quan điều tra sự cố, tai nạn tàu bay**  1. Khi tiến hành điều tra, cơ quan điều tra sự cố, tai nạn tàu bay có các quyền sau đây:  a) Lên tàu bay để làm rõ các tình tiết của sự cố, tai nạn;  b) Kiểm tra, khám nghiệm tàu bay, trang bị, thiết bị, tài sản trong tàu bay bị sự cố, tai nạn và tàu bay, tài sản có liên quan;  c) Ủy quyền cho cơ quan, tổ chức có đủ khả năng tiến hành nghiên cứu và thực hiện các công việc liên quan đến việc điều tra sự cố, tai nạn tàu bay;  d) Trưng dụng người có đủ năng lực và trình độ để xác minh các vấn đề có liên quan đến sự cố, tai nạn tàu bay;  đ) Nghiên cứu các vấn đề về tàu bay bị sự cố, tai nạn; công tác đào tạo, huấn luyện nhân viên hàng không; việc bảo đảm và thực hiện chuyến bay; tâm lý và thể trạng của thành viên tổ bay và nhân viên hàng không có liên quan;  e) Yêu cầu cung cấp, nhận và nghiên cứu thông tin, tài liệu từ cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến sự cố, tai nạn tàu bay.  2. Trong trường hợp tai nạn gây chết người thì cơ quan điều tra tai nạn tàu bay có quyền quyết định việc giữ tử thi để phục vụ cho việc điều tra. |  | - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **192** | **Điều 108. Trách nhiệm thông báo và bảo vệ chứng cứ**  1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thông báo kịp thời tin tức về sự cố, tai nạn tàu bay cho chính quyền địa phương, cơ sở cung cấp dịch vụ tìm kiếm, cứu nạn hoặc cơ quan, đơn vị trong ngành hàng không nơi gần nhất và giúp đỡ tìm kiếm, cứu nạn người, tài sản và bảo vệ tàu bay bị lâm nạn.  Ủy ban nhân dân địa phương được báo tin về sự cố, tai nạn tàu bay có trách nhiệm thông báo ngay cho Bộ Giao thông vận tải.  2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm bảo vệ tàu bay bị sự cố, tai nạn, trang bị, thiết bị, tài sản trong tàu bay bị sự cố, tai nạn để phục vụ công tác điều tra và giao nộp chứng cứ cho cơ quan điều tra sự cố, tai nạn tàu bay hoặc Ủy ban nhân dân địa phương nơi gần nhất.  3. Người nào cố ý che giấu, không thông báo về sự cố, tai nạn tàu bay, làm sai lệch thông tin, làm hư hỏng hoặc phá huỷ các thiết bị kiểm tra và các bằng chứng khác liên quan đến sự cố, tai nạn tàu bay thì tuỳ theo tính chất, mức độ mà bị xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.  4. Quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này cũng được áp dụng đối với tàu bay công vụ. |  | - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
|  | **Chương IV**  **NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG**  **Mục 1. QUY ĐỊNH CHUNG** | **Chương VIII**  **NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG** | Kết cấu lại theo hướng khung, gọn nhẹ |
| **193** | **Điều 68.** **Nhân viên hàng không**  1. Nhân viên hàng không là những người hoạt động liên quan trực tiếp đến bảo đảm an toàn hàng không, an ninh hàng không, khai thác tàu bay, vận chuyển hàng không, hoạt động bay, có giấy phép, chứng chỉ chuyên môn phù hợp do Bộ Giao thông vận tải cấp hoặc công nhận.  2. Nhân viên hàng không phải được ký hợp đồng lao động bằng văn bản với tổ chức sử dụng lao động.  3. Nhân viên hàng không được hưởng các quyền lợi và có nghĩa vụ thực hiện các điều khoản ghi trong hợp đồng lao động và pháp luật về lao động. | **Điều 88. Nhân viên hàng không**  1. Nhân viên hàng không là những người hoạt động liên quan trực tiếp đến bảo đảm an toàn hàng không, an ninh hàng không. Nhân viên hàng không phải được cấp, công nhận giấy phép nhân viên hàng không hoặc chứng chỉ chuyên môn để thực hiện nhiệm vụ.  2. Nhân viên hàng không phải được đào tạo, huấn luyện và cấp chứng chỉ chuyên môn tại tổ chức đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không được cơ quan có thẩm quyền cấp phép hoặc công nhận. Ngành nghề kinh doanh dịch vụ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không là ngành nghề kinh doanh có điều kiện.  3. Nhân viên hàng không phải được ký hợp đồng lao động bằng văn bản với người sử dụng lao động hoặc tổ chức dịch vụ việc làm hoặc doanh nghiệp hoạt động cho thuê lại lao động.  4. Khi bố trí nhân viên hàng không thực hiện nhiệm vụ, người sử dụng lao động phải bảo đảm nhân viên hàng không có giấy phép hoặc chứng chỉ chuyên môn phù hợp theo quy định.  5. Nhân viên hàng không khi thực hiện các công việc có tính chất đặc biệt phải chấp hành kỷ luật lao động và thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi theo quy định của Chính phủ.  6. Thành viên tổ lái, kiểm soát viên không lưu phải được đánh giá sức khỏe tại cơ sở y tế đủ điều kiện và được Nhà chức trách hàng không Việt Nam cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ. | - Sửa đổi, bổ sung quy định về hợp đồng lao động phù hợp quy định của Bộ luật lao động: cho phép người lao động trực tiếp liên hệ với người sử dụng lao động hoặc thông qua tổ chức dịch vụ việc làm tìm kiếm, ký kết hợp đồng lao động; cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành hàng không không tham gia vào việc cấp chứng chỉ chuyên môn; trách nhiệm của người sử dụng lao động trong việc sử dụng nhân viên hàng không đảm bảo nhân viên hàng không đáp ứng các yêu cầu về đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ; |
| **194** | **Điều 69.** **Giấy phép, chứng chỉ chuyên môn của nhân viên hàng không**  1. Nhân viên hàng không khi thực hiện nhiệm vụ phải mang theo giấy phép, chứng chỉ chuyên môn phù hợp do Bộ Giao thông vận tải cấp hoặc công nhận.  2. Ngoài quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên tổ lái, tiếp viên hàng không, kiểm soát viên không lưu phải mang theo giấy chứng nhận đủ điều kiện về sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp.  3. Nhân viên hàng không chỉ được cấp giấy phép, chứng chỉ chuyên môn nếu được đào tạo tại cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ được Bộ Giao thông vận tải cho phép hoặc công nhận.  4. Người đề nghị cấp giấy phép, chứng chỉ chuyên môn của nhân viên hàng không phải nộp lệ phí. |  | Bãi bỏ: các nội dung mang tính nguyên tắc đưa vào điều về nhân viên hàng không. Các nội dung cụ thể, chi tiết sẽ được quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành. |
| **195** | **Điều 70.** **Quy định chi tiết về nhân viên hàng không, cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ và cơ sở y tế giám định sức khỏe**  1. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về:  a) Chế độ lao động, kỷ luật lao động đặc thù đối với nhân viên hàng không; đối với quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi phải có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;  b) Chức danh, nhiệm vụ theo chức danh, tiêu chuẩn và thủ tục cấp, công nhận giấy phép, chứng chỉ chuyên môn của nhân viên hàng không;  c) Tiêu chuẩn và chương trình đào tạo, huấn luyện của các cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ cho nhân viên hàng không.  2. Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với Bộ Giao thông vận tải quy định tiêu chuẩn sức khỏe của nhân viên hàng không và cơ sở y tế giám định sức khỏe cho nhân viên hàng không. |  | - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
|  | **Mục 2. TỔ BAY** |  |  |
| **196** | **Điều 71.** **Thành phần tổ bay**  1. Tổ bay bao gồm những người được người khai thác tàu bay chỉ định để thực hiện nhiệm vụ trong chuyến bay.  2. Thành phần tổ bay bao gồm tổ lái, tiếp viên hàng không và các nhân viên hàng không khác theo yêu cầu thực hiện chuyến bay. | **Điều 89. Thành phần tổ bay**  1. Thành viên tổ bay là người được chỉ định bởi người khai thác tàu bay để thực hiện nhiệm vụ trên tàu bay trong thời gian thực hiện nhiệm vụ bay.  2. Thành viên tổ bay phải tuân thủ mệnh lệnh của người chỉ huy tàu bay và không được rời tàu bay khi chưa có lệnh của người chỉ huy tàu bay.  3. Thành viên tổ lái là thành viên tổ bay có giấy phép thực hiện nhiệm vụ điều khiển, vận hành tàu bay trong thời gian thực hiện nhiệm vụ bay.  4. Thành viên tổ lái phải mang theo giấy phép nhân viên hàng không, giấy chứng nhận đủ điều kiện về sức khỏe khi thực hiện nhiệm vụ.  5. Tàu bay chỉ được phép thực hiện chuyến bay khi có đủ thành viên tổ lái theo quy định của pháp luật quốc gia đăng ký tàu bay.  6. Tiếp viên hàng không là thành viên tổ bay thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của người khai thác tàu bay hoặc người chỉ huy tàu bay nhằm đảm bảo an toàn cho hành khách nhưng không được thực hiện nhiệm vụ như thành viên tổ lái.  7. Người khai thác tàu bay có nghĩa vụ bảo đảm quyền lợi của thành viên tổ bay theo hợp đồng lao động và quy định của pháp luật Việt Nam. | - Sửa đổi, bổ sung quy định phù hợp với quy định tại Annex 6  Crew member. A person assigned by an operator to duty on an aircraft during a flight duty period.  (A6-I C1 Definitions) Flight crew member. A licensed crew member charged with duties essential to the operation of an aircraft during a flight duty period.  (A6-I C1 Definitions) Cabin crew member. A crew member who performs, in the interest of safety of passengers, duties assigned by the operator or the pilot-in-command of the aircraft, but who shall not act as a flight crew member.  *Thành viên tổ bay. Một người được người khai thác phân công làm nhiệm vụ trên tàu bay trong thời gian làm nhiệm vụ bay.*  *(Định nghĩa A6-I C1) Thành viên tổ bay. Một thành viên tổ bay được cấp phép đảm nhiệm các nhiệm vụ thiết yếu đối với hoạt động của tàu bay trong thời gian làm nhiệm vụ bay.*  *(Định nghĩa A6-I C1) Thành viên tổ bay. Một thành viên tổ bay thực hiện, vì lợi ích an toàn của hành khách, các nhiệm vụ được người khai thác hoặc phi công chỉ huy máy bay giao, nhưng không được hành động như một thành viên tổ bay.* |
| **197** |  | **Điều 90. Người chỉ huy tàu bay**  1. Người chỉ huy tàu bay là người lái tàu bay được người khai thác tàu bay chỉ định cho một chuyến bay; đối với hoạt động hàng không chung thì do chủ sở hữu tàu bay chỉ định.  2. Người chỉ huy tàu bay có quyền cao nhất trong tàu bay, chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn hàng không, an ninh hàng không cho tàu bay, người và tài sản trong tàu bay trong toàn bộ thời gian của chuyến bay theo quy định.  3. Quyền của người chỉ huy tàu bay bao gồm:  a) Quyết định và chịu trách nhiệm về việc cất cánh, hạ cánh, huỷ bỏ chuyến bay, quay trở lại nơi cất cánh hoặc hạ cánh khẩn cấp.  b) Không thực hiện nhiệm vụ chuyến bay, kế hoạch bay hoặc chỉ dẫn của tổ chức cung cấp dịch vụ không lưu trong trường hợp cần tránh nguy hiểm tức thời, trực tiếp cho hoạt động hàng không và phải báo cáo ngay với tổ chức cung cấp dịch vụ không lưu.Trong trường hợp vì tránh nguy hiểm tức thời, trực tiếp mà phải bay chệch đường hàng không thì sau khi hết nguy hiểm, người chỉ huy tàu bay và tổ chức cung cấp dịch vụ không lưu phải nhanh chóng áp dụng mọi biện pháp cần thiết để đưa tàu bay về đường hàng không.  c) Trong thời gian tàu bay đang bay, được áp dụng các biện pháp ngăn chặn đối với những người thực hiện các hành vi vi phạm trong tàu bay theo quy định.  d) Giao những người thực hiện các hành vi quy định tại khoản 3 Điều này cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi tàu bay hạ cánh tại cảng hàng không gần nhất.  đ) Quyết định việc xả nhiên liệu, thả hành lý, hàng hoá hoặc các đồ vật khác từ tàu bay theo quy định tại Điều 41 của Luật này.  e) Ra mệnh lệnh cần thiết đối với mọi người trong tàu bay và tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn cho đến khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền đảm nhận trách nhiệm đối với tàu bay, người và tài sản trong tàu bay trong trường hợp hạ cánh bắt buộc.  g) Thực hiện các công việc cần thiết trong trường hợp không nhận được chỉ thị hoặc chỉ thị không rõ ràng của người khai thác tàu bay và phải thông báo ngay cho người khai thác tàu bay.  4. Nghĩa vụ của người chỉ huy tàu bay bao gồm:  a) Thi hành chỉ thị của người khai thác tàu bay;  b) Áp dụng mọi biện pháp cần thiết để bảo đảm an toàn cho tàu bay, người và tài sản trong tàu bay khi tàu bay bị lâm nguy, lâm nạn và là người cuối cùng rời khỏi tàu bay;  c) Thông báo cho cơ sở đang cung cấp dịch vụ không lưu và trợ giúp theo khả năng nhưng không gây nguy hiểm cho tàu bay, người và tài sản trong tàu bay của mình khi phát hiện người, phương tiện giao thông hoặc tài sản khác bị nạn ở ngoài tàu bay;  d) Áp dụng mọi biện pháp cần thiết để đưa tàu bay về đường hàng không trong trường hợp bay chệch đường hàng không. | - Sửa đổi, bổ sung quy định phù hợp với quy định tại Annex 6  *Pilot-in-command. The pilot designated by the operator, or in the case of general aviation, the owner, as being in command and charged with the safe conduct of a flight.*  *(A6-I C4 Flight Operations) 4.5.1 The pilot-in-command shall be responsible for the safety of all crew members, passengers and cargo on board when the doors are closed. The pilot-in-command shall also be responsible for the operation and safety of the aeroplane from the moment the aeroplane is ready to move for the purpose of taking off until the moment it finally comes to rest at the end of the flight and the engine(s) used as primary propulsion units are shut down.*  *(A6-III SecII C2 Flight Operations) 2.5.1 The pilot-in-command shall be responsible for the operation and safety of the helicopter and for the safety of all*  *crew members, passengers and cargo on board, from the moment the engine(s) are started until the helicopter finally comes to rest at the end of the flight, with the engine(s) shut down and the rotor blades stopped.*  *Người chỉ huy tàu bay. Phi công được người điều hành chỉ định, hoặc trong trường hợp hàng không chung, chủ sở hữu, là người chỉ huy và chịu trách nhiệm về việc điều hành an toàn của chuyến bay.*  *(A6-I C4 Hoạt động bay) 4.5.1 Phi công chỉ huy sẽ chịu trách nhiệm về sự an toàn của tất cả các thành viên phi hành đoàn, hành khách và hàng hóa trên máy bay khi cửa đóng. Phi công chỉ huy cũng sẽ chịu trách nhiệm về hoạt động và sự an toàn của máy bay từ thời điểm máy bay sẵn sàng di chuyển để cất cánh cho đến thời điểm máy bay dừng hẳn vào cuối chuyến bay và động cơ được sử dụng làm động cơ đẩy chính bị tắt.*  *(A6-III SecII C2 Hoạt động bay) 2.5.1 Phi công chỉ huy chịu trách nhiệm về hoạt động và sự an toàn của trực thăng và sự an toàn của tất cả các thành viên phi hành đoàn, hành khách và hàng hóa trên máy bay, từ thời điểm động cơ được khởi động cho đến khi trực thăng cuối cùng dừng lại ở cuối chuyến bay, với động cơ tắt và cánh quạt dừng lại.* |
|  | **CHƯƠNG VIII**  **AN NINH HÀNG KHÔNG** | **Chương IX**  **AN NINH HÀNG KHÔNG** |  |
| **198** | **Điều 119. Đơn giản hoá thủ tục trong vận chuyển hàng không**  1. Tàu bay, tổ bay, hành khách, hành lý, hàng hoá, bưu gửi đến và đi từ Việt Nam được tạo điều kiện thuận lợi về thủ tục nhập cảnh, xuất cảnh, hải quan, kiểm dịch và các thủ tục kiểm tra khác.  2. Tổ chức, cá nhân có liên quan phải cung cấp trang bị, thiết bị và dịch vụ để thực hiện nhanh chóng các thủ tục vận chuyển hàng không, xuất cảnh, nhập cảnh, hải quan, kiểm dịch và các thủ tục kiểm tra khác cho tàu bay, tổ bay, hành khách, hành lý, hàng hoá, bưu gửi[2] tại cảng hàng không, sân bay.  3. Hành khách, hành lý, hàng hoá, bưu gửi[3] quá cảnh Việt Nam và không rời khỏi khu vực quá cảnh được miễn các thủ tục về nhập cảnh, xuất cảnh, hải quan. | **Điều 91. Tạo thuận lợi hàng không**  1. Tạo thuận lợi hàng không phải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu của Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế (ICAO), bảo đảm các thủ tục qua biên giới đối với tàu bay hoạt động hàng không quốc tế, hành khách, tổ bay và hàng hóa trên tàu bay được thực hiện phù hợp với các nguyên tắc sau:  a) Thời gian cần thiết để thực hiện kiểm soát phải được duy trì ở mức tối thiểu;  b) Hạn chế tối đa các ảnh hưởng tiêu cực phát sinh từ dụng các yêu cầu hành chính và kiểm soát; mọi thay đổi liên quan đến các yêu cầu này phải được thông báo kịp thời cho người khai thác tàu bay;  c) Bảo đảm việc trao đổi đầy đủ, kịp thời những thông tin có liên quan giữa các quốc gia thành viên của Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế (ICAO), người khai thác tàu bay và người khai thác cảng hàng không;  d) Việc tạo thuận lợi trong hàng không đảm bảo không làm ảnh hưởng tiêu cực cho sự tuân thủ pháp luật và bảo đảm an ninh hàng không.  2. Tạo thuận lợi hàng không cần ưu tiên áp dụng:  a) Quản lý rủi ro trong việc triển khai các thủ tục kiểm soát biên giới để giải phóng/thông quan hàng hóa;  b) Phát triển công nghệ thông tin hiệu quả để tăng hiệu suất và hiệu suất của các thủ tục tại cảng hàng không;  c) Thiết lập cơ chế liên lạc phù hợp để các quốc gia thành viên Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế (ICAO) và người khai thác tàu bay gửi các yêu cầu, kiến nghị về các vấn đề liên quan kiểm soát biên giới, y tế dự phòng và hải quan.  3. Chính phủ chỉ đạo công tác tạo thuận lợi trong hàng không dân dụng thông qua chương trình quốc gia về đơn giản hóa thủ tục hàng không và cơ chế ủy ban an ninh và tạo thuận lợi hàng không dân dụng quốc gia. | - Kế thừa các quy đinh hiện hành  - Sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định của ICAO |
| **199** | **Điều 190. An ninh hàng không**  1. An ninh hàng không là việc sử dụng kết hợp các biện pháp, nguồn nhân lực, trang bị, thiết bị để phòng ngừa, ngăn chặn và đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng, bảo vệ an toàn cho tàu bay, hành khách, tổ bay và những người dưới mặt đất.  2.Hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng là hành vi có khả năng uy hiếp an toàn hoạt động hàng không dân dụng, bao gồm một trong các hành vi sau đây:  a) Chiếm đoạt bất hợp pháp tàu bay đang bay;  b) Chiếm đoạt bất hợp pháp tàu bay trên mặt đất;  c) Sử dụng tàu bay như một vũ khí;  d) Bắt giữ con tin trong tàu bay hoặc tại cảng hàng không, sân bay;  đ) Xâm nhập trái pháp luật vào tàu bay, cảng hàng không, sân bay và công trình, trang bị, thiết bị hàng không dân dụng;  e) Đưa vật phẩm nguy hiểm vào tàu bay, cảng hàng không, sân bay và khu vực hạn chế khác trái pháp luật.  Vật phẩm nguy hiểm bao gồm vũ khí, đạn dược, chất cháy, chất dễ cháy, chất nổ, chất dễ nổ, chất độc hóa học và sinh học, chất phóng xạ và các vật hoặc chất khác có khả năng gây nguy hiểm hoặc được dùng để gây nguy hiểm cho sức khỏe, tính mạng của con người, an toàn của chuyến bay;  g) Cung cấp thông tin sai đến mức uy hiếp an toàn của tàu bay đang bay hoặc trên mặt đất; an toàn của hành khách, tổ bay, nhân viên mặt đất hoặc người tại cảng hàng không, sân bay và công trình, trang bị, thiết bị hàng không dân dụng;  h) Cố ý thực hiện hành vi vi phạm pháp luật uy hiếp đến an toàn khai thác tàu bay; khai thác cảng hàng không, sân bay; bảo đảm hoạt động bay. |  | - Nội dung về khái niệm an ninh hàng không, hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng được chuyển về Điều 2 và Điều 94 phù hợp với kết cấu mới |
| **200** | **Điều 191. Bảo đảm an ninh hàng không**  1. Bảo đảm an ninh hàng không được thực hiện bằng các biện pháp sau đây:  a) Bảo vệ an ninh, quốc phòng, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội theo quy định của pháp luật về an ninh quốc gia, quốc phòng, công an nhân dân, phòng, chống khủng bố và pháp luật khác có liên quan;  b) Thiết lập khu vực hạn chế tại cảng hàng không, sân bay và nơi có công trình, trang bị, thiết bị hàng không để bảo vệ tàu bay và công trình, trang bị, thiết bị tại khu vực đó;  c) Kiểm tra, soi chiếu, giám sát an ninh hàng không đối với tàu bay, phương tiện, người, hành lý, hàng hóa, việc ra, vào và hoạt động trong khu vực hạn chế theo quy định; lục soát đối với tàu bay, phương tiện, người, hành lý, hàng hóa khi có dấu hiệu uy hiếp an ninh hàng không;  d) Loại trừ khả năng chuyên chở bất hợp pháp vật phẩm nguy hiểm bằng đường hàng không; áp dụng biện pháp phòng ngừa đặc biệt khi cho phép chuyên chở vật phẩm nguy hiểm, đối tượng tiềm ẩn uy hiếp an ninh hàng không; cấm vận chuyển vĩnh viễn hoặc có thời hạn đối với hành khách gây rối, người có hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng hoặc trường hợp theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.  Hành khách gây rối là hành khách cố ý không chấp hành quy định về an toàn hàng không, an ninh hàng không, trật tự công cộng tại cảng hàng không, sân bay, trên tàu bay hoặc có hành vi tung tin, cung cấp thông tin sai uy hiếp an toàn hàng không;  đ) Giám sát an ninh hàng không, duy trì trật tự, kỷ luật tại cảng hàng không, sân bay, nơi có công trình, trang bị, thiết bị hàng không và trên tàu bay;  e) Phòng, chống khủng bố trên tàu bay;  g) Áp dụng các biện pháp phòng ngừa đặc biệt khi cho phép vận chuyển đối tượng nguy hiểm;  h) Kiểm soát an ninh nội bộ đối với nhân viên hàng không;  i) Đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng.  2. Bộ Công an, Bộ Quốc phòng trong phạm vi quyền hạn của mình có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và bộ, ngành liên quan tổ chức thực hiện các biện pháp quy định tại các điểm a, e, g và i khoản 1 Điều này.  3. Bộ Giao thông vận tải có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và bộ, ngành liên quan tổ chức thực hiện các biện pháp quy định tại các điểm b, c, d, đ và h khoản 1 Điều này.  4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này. |  | - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **201** | **Điều 192. Thiết lập và bảo vệ các khu vực hạn chế**  1.Khu vực hạn chế là khu vực của cảng hàng không, sân bay và nơi có công trình, trang bị, thiết bị hàng không mà việc ra, vào và hoạt động tại đó phải tuân thủ các quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và được kiểm tra, soi chiếu, giám sát, lục soát an ninh hàng không theo quy định.  2. Việc thiết lập các khu vực hạn chế tại cảng hàng không, sân bay và nơi có công trình, trang bị, thiết bị hàng không phải phù hợp với mục đích bảo đảm an ninh hàng không và tính chất hoạt động hàng không dân dụng. | **Điều 92. Thiết lập và bảo vệ các khu vực hạn chế**  1. Khu vực hạn chế là khu vực của cảng hàng không và nơi có công trình, trang bị, thiết bị hàng không mà việc ra, vào và hoạt động tại đó phải tuân thủ các quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và được kiểm tra, soi chiếu, giám sát, lục soát an ninh hàng không theo quy định.  2. Việc thiết lập các khu vực hạn chế tại cảng hàng không và nơi có công trình, trang bị, thiết bị hàng không phải phù hợp với mục đích bảo đảm an ninh hàng không và tính chất hoạt động hàng không dân dụng. | Kế thừa các quy định hiện hành. |
| **202** | **Điều 193. Kiểm tra, soi chiếu, giám sát, lục soát an ninh hàng không đối với chuyến bay**  1. Tàu bay phải được kiểm tra, giám sát an ninh hàng không trước khi thực hiện chuyến bay; trường hợp có dấu hiệu hoặc thông tin đe dọa liên quan đến an ninh, an toàn của chuyến bay phải được lục soát an ninh hàng không.  2. Hành khách, thành viên tổ bay, người phục vụ chuyến bay, người khác có liên quan, hành lý, hàng hoá, bưu gửi và các vật phẩm khác phải được kiểm tra, soi chiếu, giám sát an ninh hàng không trước khi lên tàu bay; trường hợp có dấu hiệu hoặc có thông tin đe dọa liên quan đến an ninh, an toàn của chuyến bay thì phải được lục soát an ninh hàng không. Việc giám sát an ninh hàng không, duy trì trật tự, kỷ luật trên tàu bay phải được thực hiện trong suốt chuyến bay.  3. Chính phủ quy định điều kiện, trình tự, thủ tục lục soát an ninh hàng không. | **Điều 93. Kiểm tra, soi chiếu, giám sát, lục soát an ninh hàng không đối với chuyến bay**  1. Tàu bay phải được kiểm tra, giám sát an ninh hàng không trước khi thực hiện chuyến bay; trường hợp có dấu hiệu hoặc thông tin đe dọa liên quan đến an ninh, an toàn của chuyến bay phải được lục soát an ninh hàng không.  2. Hành khách, thành viên tổ bay, người phục vụ chuyến bay, người khác có liên quan, hành lý, hàng hoá, bưu gửi và các vật phẩm khác phải được kiểm tra, soi chiếu, giám sát an ninh hàng không trước khi lên tàu bay; trường hợp có dấu hiệu hoặc có thông tin đe dọa liên quan đến an ninh, an toàn của chuyến bay thì phải được lục soát an ninh hàng không. Việc giám sát an ninh hàng không, duy trì trật tự, kỷ luật trên tàu bay phải được thực hiện trong suốt chuyến bay. | - Kế thừa các quy định hiện hành.  - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **203** | **Điều 194. Đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng**  1. Mọi biện pháp đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng phải ưu tiên bảo đảm an toàn cho tàu bay và tính mạng con người.  2. Tàu bay đang bay bị can thiệp bất hợp pháp phải được ưu tiên về điều hành bay và các trợ giúp cần thiết khác.  3. Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và các bộ, ngành có liên quan xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án khẩn nguy đối phó với các hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng.  4. Bộ Công an chịu trách nhiệm chỉ huy lực lượng tham gia thực hiện phương án khẩn nguy.  5. Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm xử lý hành vi can thiệp bất hợp pháp quy định tại điểm c khoản 2 Điều 190 của Luật này; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị quản lý vùng trời, quản lý bay của Bộ Quốc phòng ưu tiên trợ giúp điều hành tàu bay bị can thiệp bất hợp pháp khi bay trong vùng trời Việt Nam; phối hợp với cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu hướng dẫn tổ bay xử lý thích hợp khi xảy ra hành vi can thiệp bất hợp pháp đối với tàu bay đang bay và thực hiện các biện pháp xử lý thích hợp khác.  6. Trong trường hợp đặc biệt, vượt quá phạm vi thẩm quyền của các bộ, ngành có liên quan, Thủ tướng Chính phủ quyết định xử lý các vấn đề về bảo đảm an toàn cho tàu bay, tổ bay, hành khách, hành lý, hàng hóa trong tàu bay.  7. Hãng hàng không phải chịu toàn bộ chi phí liên quan đến việc đối phó với những hành vi can thiệp bất hợp pháp đối với tàu bay của mình. | **Điều 94. Đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng**  1. Hành vi can thiệp trái phép vào hoạt động hàng không dân dụng là hành vi có khả năng uy hiếp an toàn hoạt động hàng không dân dụng, bao gồm một trong các hành vi sau đây:  a) Cưỡng đoạt trái phép tàu bay;  b) Phá hủy tàu bay đang khai thác;  c) Bắt giữ con tin trong tàu bay hoặc tại cảng hàng không;  d) Xâm nhập bằng vũ lực vào tàu bay, cảng hàng không và công trình, trang bị, thiết bị hàng không dân dụng;  đ) Đưa vật phẩm nguy hiểm vào tàu bay, cảng hàng không và khu vực hạn chế khác cho mục đích phạm tội. Vật phẩm nguy hiểm bao gồm vũ khí, đạn dược, chất cháy, chất dễ cháy, chất nổ, chất dễ nổ, chất độc hóa học và sinh học, chất phóng xạ và các vật hoặc chất khác có khả năng gây nguy hiểm hoặc được dùng để gây nguy hiểm cho sức khỏe, tính mạng của con người, an toàn của chuyến bay;  e) Sử dụng tàu bay như một vũ khí với mục đích gây tử vong, thương tích nghiêm trọng cho người hoặc thiệt hại nghiêm trọng cho tài sản hoặc môi trường;  g) Cung cấp thông tin sai đến mức uy hiếp an toàn của tàu bay đang bay hoặc trên mặt đất; an toàn của hành khách, tổ bay, nhân viên mặt đất hoặc người tại cảng hàng không và công trình, trang bị, thiết bị hàng không dân dụng;  h) Cố ý thực hiện hành vi vi phạm pháp luật uy hiếp đến an toàn khai thác tàu bay; khai thác cảng hàng không; bảo đảm hoạt động bay.  2. Mọi biện pháp đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng phải ưu tiên bảo đảm an toàn cho tàu bay và tính mạng con người.  3. Tàu bay đang bay bị can thiệp trái phép phải được ưu tiên về điều hành bay và các trợ giúp cần thiết khác.  4. Trong trường hợp đặc biệt, vượt quá phạm vi thẩm quyền của các Bộ, ngành có liên quan, Thủ tướng Chính phủ quyết định xử lý các vấn đề về bảo đảm an toàn cho tàu bay, tổ bay, hành khách, hành lý, hàng hóa trong tàu bay.  5. Hãng hàng không phải chịu toàn bộ chi phí liên quan đến việc đối phó với những hành vi can thiệp bất hợp pháp đối với tàu bay của mình. | - Quy định rõ hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng, làm cơ sở cho việc đối phó và xử lý.  - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.. |
| **204** | **Điều 195. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không**  1. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không được Bộ Giao thông vận tải chỉ đạo tổ chức để thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh hàng không trong phạm vi trách nhiệm của Bộ Giao thông vận tải.  2. Địa bàn hoạt động của lực lượng kiểm soát an ninh hàng không bao gồm cảng hàng không, sân bay; trên tàu bay; cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu; cơ sở sản xuất, bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay, thiết bị tàu bay; cơ sở cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay; cơ sở xử lý hàng hoá, bưu gửi để đưa lên tàu bay.  3. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không được tuyển chọn, đào tạo, huấn luyện đáp ứng yêu cầu nghiệp vụ; có trang phục, phù hiệu, cấp hiệu riêng theo quy định của Bộ Giao thông vận tải.  4. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không được trang bị, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ, thiết bị, phương tiện để thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.  5. Bộ Công an, Bộ Quốc phòng có trách nhiệm phối hợp với Bộ Giao thông vận tải tổ chức đào tạo, huấn luyện, chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ đối với lực lượng kiểm soát an ninh hàng không. | **Điều 95. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không**  1. Giám sát viên an ninh hàng không là cá nhân có năng lực, kinh nghiệm, trình độ phù hợp được Nhà chức trách an ninh hàng không bổ nhiệm để thực hiện chức năng giám sát an ninh hàng không  2. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không được tổ chức để thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh hàng không trong phạm vi trách nhiệm của mình.  3. Địa bàn hoạt động của lực lượng kiểm soát an ninh hàng không bao gồm cảng hàng không; trên tàu bay; tổ chức cung cấp dịch vụ không lưu; tổ chức sản xuất, bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay, thiết bị tàu bay; tổ chức cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không; tổ chức xử lý hàng hoá, bưu gửi để đưa lên tàu bay.  4. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không được tuyển chọn, đào tạo, huấn luyện đáp ứng yêu cầu nghiệp vụ; có trang phục, phù hiệu, cấp hiệu riêng theo quy định.  5. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không được trang bị, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ, thiết bị, phương tiện để thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật. | - Bổ sung quy định về giám sát viên an ninh hàng không phù hợp với yêu cầu của ICAO.  - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **205** | **Điều 196. Chương trình, quy chế an ninh hàng không**  1. Chương trình, quy chế an ninh hàng không quy định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện quy trình, thủ tục, biện pháp bảo đảm an ninh hàng không.  2. Chương trình, quy chế an ninh hàng không bao gồm:  a) Chương trình an ninh hàng không Việt Nam;  b) Chương trình đào tạo, huấn luyện an ninh hàng không Việt Nam;  c) Chương trình kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam;  d) Chương trình an ninh hàng không của người khai thác cảng hàng không, sân bay;  đ) Chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không;  e) Chương trình đào tạo, huấn luyện an ninh hàng không của cơ sở đào tạo, huấn luyện nhân viên hàng không;  g) Quy chế an ninh hàng không của cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu; cơ sở sản xuất, bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay, thiết bị tàu bay; cơ sở cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay; cơ sở xử lý hàng hoá, bưu gửi để đưa lên tàu bay.  3. Các chương trình, quy chế an ninh hàng không quy định tại khoản 2 Điều này được ban hành phù hợp với pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.  4. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành các chương trình an ninh hàng không quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều này.  Nhà chức trách hàng không phê duyệt chương trình, quy chế an ninh hàng không quy định tại các điểm d, đ, e và g khoản 2 Điều này; chấp thuận hoặc không chấp thuận chương trình an ninh hàng không của hãng hàng không nước ngoài**.** | **Điều 96. Chương trình an ninh**  1. Chương trình an ninh nhằm quy định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện quy trình, thủ tục, biện pháp bảo đảm an ninh hàng không.  2. Chương trình an ninh bao gồm:  a) Chương trình an ninh hàng không dân dụng Việt Nam;  b) Chương trình huấn luyện an ninh hàng không dân dụng Việt Nam;  c) Chương trình kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam;  d) Chương trình an ninh của người khai thác cảng hàng không;  đ) Chương trình an ninh của người khai thác tàu bay, hãng hàng không Việt Nam và nước ngoài;  e) Chương trình an ninh của tổ chức cung cấp dịch vụ không lưu;  g) Chương trình an ninh của doanh nghiệp sản xuất, bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay, thiết bị tàu bay;  h) Chương trình an ninh của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không;  i) Chương trình an ninh của doanh nghiệp xử lý hàng hoá, bưu gửi để đưa lên tàu bay.  k) Chương trình huấn luyện an ninh hàng không của tổ chức huấn luyện nhân viên hàng không. | - Sửa đổi, bổ sung phù hợp với mô hình tổ chức của hàng không dân dụng.  - Kế thừa các quy định hiện hành.  - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **206** | **Điều 197. Trách nhiệm bảo đảm an ninh hàng không của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động hàng không dân dụng**  1. Người khai thác cảng hàng không, sân bay, hãng hàng không, cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu, cơ sở sản xuất, bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay, thiết bị tàu bay, cơ sở cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay, cơ sở xử lý hàng hoá, bưu gửi để đưa lên tàu bay chịu trách nhiệm xây dựng, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện chương trình, quy chế an ninh hàng không dân dụng theo quy định; bảo đảm an ninh hàng không đối với các hoạt động thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý của mình.  2. Hãng hàng không nước ngoài thực hiện vận chuyển thường lệ đến và đi từ Việt Nam phải trình Nhà chức trách hàng không chương trình an ninh hàng không dân dụng đối với hoạt động của hãng tại Việt Nam.  3. Hãng hàng không, người khai thác tàu bay thực hiện chuyến bay quốc tế đến Việt Nam có trách nhiệm cung cấp thông tin trước về chuyến bay, hành khách và tổ bay cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Chính phủ.  4. Tổ chức, cá nhân khác tham gia hoạt động hàng không dân dụng phải thực hiện các quy định của pháp luật về an ninh hàng không.  5. Bộ Giao thông vận tải có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá việc áp dụng các biện pháp bảo đảm an ninh hàng không theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; thanh tra, kiểm tra, khảo sát, thử nghiệm, đánh giá, điều tra việc tuân thủ các quy định của pháp luật về an ninh hàng không đối với các tổ chức, cá nhân tham gia vào hoạt động hàng không dân dụng**.** | **Điều 97. Trách nhiệm bảo đảm an ninh hàng không của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động hàng không dân dụng**  1. Người khai thác cảng hàng không; người khai thác tàu bay, hãng hàng không; tổ chức cung cấp dịch vụ không lưu; tổ chức sản xuất, bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay, thiết bị tàu bay; tổ chức cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không; tổ chức xử lý hàng hoá, bưu gửi để đưa lên tàu bay của Việt Nam chịu trách nhiệm xây dựng, trình Nhà chức trách an ninh hàng không Việt Nam phê duyệt và tổ chức thực hiện chương trình an ninh theo quy định. Nhà chức trách an ninh hàng không Việt Nam bảo đảm an ninh hàng không đối với các địa bàn: cảng hàng không; trên tàu bay; tổ chức xử lý hàng hoá, bưu gửi để đưa lên tàu bay. Các địa bàn còn lại do người khai thác, tổ chức chủ quản địa bàn tổ chức bảo đảm an ninh hàng không theo chương trình an ninh, chịu sự giám sát của Nhà chức trách an ninh hàng không Việt Nam.  2. Người khai thác tàu bay, hãng hàng không nước ngoài thực hiện vận chuyển thương mại đến và đi từ Việt Nam phải có chương trình an ninh được Nhà chức trách an ninh hàng không nơi đăng ký phê duyệt và trình Nhà chức trách an ninh hàng không Việt Nam để được chấp thuận và cam kết thực hiện quy trình bổ sung bảo đảm an ninh điểm khai thác nhằm tuân thủ các yêu cầu của các chương trình an ninh hàng không dân dụng quốc gia Việt Nam.  3. Hãng hàng không, người khai thác tàu bay thực hiện chuyến bay quốc tế tại Việt Nam có trách nhiệm cung cấp thông tin trước về chuyến bay, hành khách và tổ bay cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.  4. Tổ chức, cá nhân khác tham gia hoạt động hàng không dân dụng phải thực hiện các quy định của pháp luật về an ninh hàng không. | - Kế thừa các quy định hiện hành.  - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
|  | **Chương XI**  **Quản lý nhà nước** | **Chương X**  **QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HÀNG KHÔNG DÂN DỤNG** |  |
| **207** | **Điều 8. Nội dung quản lý nhà nước về hàng không dân dụng**  1. Ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, định mức kinh tế - kỹ thuật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy chế, quy trình về hàng không dân dụng.  2. Xây dựng, chỉ đạo thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và chính sách phát triển ngành hàng không dân dụng theo quy định của pháp luật.  3. Quản lý về hoạt động bay dân dụng trong lãnh thổ Việt Nam và ở vùng thông báo bay do Việt Nam quản lý; quản lý việc đầu tư xây dựng cơ sở cung cấp dịch vụ, hệ thống kỹ thuật, trang bị, thiết bị bảo đảm hoạt động bay.  4. Quy hoạch, quản lý việc đầu tư xây dựng, tổ chức khai thác cảng hàng không, sân bay; quản lý việc sử dụng đất tại cảng hàng không, sân bay.  5. Quản lý hoạt động vận chuyển hàng không; kiểm tra, giám sát hoạt động của các doanh nghiệp vận chuyển hàng không, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ hàng không.  6. Đăng ký tàu bay và đăng ký các quyền đối với tàu bay.  7. Quản lý việc thiết kế, sản xuất, khai thác, sửa chữa, bảo dưỡng, xuất khẩu, nhập khẩu tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay, trang bị, thiết bị của tàu bay và các trang bị, thiết bị, vật tư khác phục vụ hoạt động hàng không dân dụng.  8. Cấp, công nhận chứng chỉ, giấy phép, giấy chứng nhận và các giấy tờ, tài liệu khác liên quan đến hoạt động hàng không dân dụng.  9. Quản lý việc bảo đảm an ninh, an toàn cho hoạt động hàng không dân dụng; tổ chức và bảo đảm an ninh, an toàn chuyến bay chuyên cơ, chuyến bay đặc biệt.  10. Quản lý hoạt động tìm kiếm, cứu nạn và điều tra sự cố, tai nạn tàu bay.  11. Hợp tác quốc tế về hàng không dân dụng.  12. Quản lý việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của ngành hàng không dân dụng, giám định sức khỏe nhân viên hàng không.  13. Quản lý hoạt động khoa học, công nghệ trong lĩnh vực hàng không dân dụng; bảo vệ môi trường, phòng, tránh thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu trong hoạt động hàng không dân dụng.  14. Quản lý giá, phí và lệ phí trong hoạt động hàng không dân dụng.  15. Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong hoạt động hàng không dân dụng. | **Điều 98. Nội dung quản lý nhà nước về hàng không dân dụng**  1. Quản lý nhà nước về hàng không dân dụng bao gồm các nội dung sau đây:  a) Ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, định mức kinh tế - kỹ thuật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy chế, quy trình về hàng không dân dụng;  b) Xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển ngành hàng không dân dụng theo quy định của pháp luật;  c) Quản lý về hoạt động bay dân dụng trong lãnh thổ Việt Nam và vùng thông báo bay do Việt Nam quản lý; quản lý kế hoạch bảo đảm hoạt động bay; quản lý việc đầu tư xây dựng cơ sở cung cấp dịch vụ, hệ thống kỹ thuật, trang bị, thiết bị bảo đảm hoạt động bay;  d) Quản lý việc đầu tư xây dựng, tổ chức khai thác kết cấu hạ tầng hàng không theo quy định;  đ) Quản lý hoạt động vận tải hàng không thương mại, vận tải hàng không chuyên dụng và hàng không chung; cấp phép bay, quyền vận chuyển hàng không; điều phối giờ đi, đến tại cảng hàng không;  e) Đăng ký tàu bay và đăng ký các quyền đối với tàu bay;  g) Quản lý phát triển công nghiệp hàng không;  h) Cấp, công nhận chứng chỉ, giấy phép, giấy chứng nhận và các giấy tờ, tài liệu khác liên quan đến hoạt động hàng không dân dụng;  i) Quản lý việc bảo đảm an ninh, an toàn cho hoạt động hàng không dân dụng; tổ chức và bảo đảm an ninh, an toàn chuyến bay chuyên cơ;  k) Quản lý hoạt động tìm kiếm, cứu nạn và điều tra sự cố, tai nạn tàu bay.  l) Quản lý chướng ngại vật hàng không;  m) Hợp tác quốc tế về hàng không dân dụng;  n) Quản lý việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của ngành hàng không dân dụng, giám định sức khỏe nhân viên hàng không;  o) Quản lý hoạt động khoa học, công nghệ trong lĩnh vực hàng không dân dụng; bảo vệ môi trường, phòng, tránh thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu trong hoạt động hàng không dân dụng;  p) Quản lý giá, phí và lệ phí trong hoạt động hàng không dân dụng;  q) Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong hoạt động hàng không dân dụng.  2. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hàng không dân dụng và phân công  3. Bộ Xây dựng chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về hàng không dân dụng; tổ chức và khai thác vùng trời phục vụ hoạt động hàng không dân dụng.  4. Bộ Quốc phòng có trách nhiệm bảo vệ vùng trời, giám sát hoạt động bay dân dụng; phối hợp với Bộ Xây dựng và Bộ Công an trong việc tổ chức và khai thác vùng trời phục vụ hoạt động hàng không dân dụng.  5. Bộ Công an chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về an ninh hàng không.  6. Bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Xây dựng thực hiện quản lý nhà nước về hàng không dân dụng theo quy định của Chính phủ.  7. Uỷ ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện quản lý nhà nước về hàng không dân dụng tại địa phương. | Kế thừa các quy định hiện hành; sửa đổi và bổ sung một số nội dung về quản lý nhà nước được xác định trong lĩnh vực bảo đảm hoạt động bay thuộc chuyên ngành HKDD. |
| **208** | **Điều 9. Trách nhiệm quản lý nhà nước về hàng không dân dụng**  1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hàng không dân dụng.  2. Bộ Giao thông vận tải chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về hàng không dân dụng.  2a. Cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước chuyên ngành hàng không dân dụng trực thuộc Bộ Giao thông vận tải là Nhà chức trách hàng không.  Nhà chức trách hàng không có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:  a) Ban hành chỉ thị, huấn lệnh; thực hiện các biện pháp khẩn cấp bao gồm cả việc đình chỉ chuyến bay và hoạt động của phương tiện, thiết bị, nhân viên hàng không để bảo đảm an toàn hàng không, an ninh hàng không và duy trì hoạt động đồng bộ của dây chuyền vận chuyển hàng không;  b) Giám sát việc khai thác, bảo dưỡng tàu bay, kết cấu hạ tầng hàng không, bảo đảm hoạt động bay, khai thác vận chuyển hàng không, cung cấp dịch vụ hàng không, dịch vụ phi hàng không; cấp, phê chuẩn, công nhận giấy phép, giấy chứng nhận, năng định, tài liệu khai thác chuyên ngành hàng không dân dụng;  c) Tổ chức, vận hành và chỉ đạo hệ thống giám sát, quản lý an ninh hàng không, an toàn hàng không, tìm kiếm cứu nạn hàng không, khẩn nguy sân bay; tổ chức, chỉ đạo xử lý, điều tra, xác minh các tình huống uy hiếp an toàn hàng không, an ninh hàng không, sự cố, tai nạn hàng không, thực hiện chuyến bay chuyên cơ;  d) Bổ nhiệm giám sát viên trong lĩnh vực bảo đảm an toàn hàng không, an ninh hàng không, chất lượng dịch vụ hàng không theo tiêu chuẩn do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định;  đ) Tổng hợp, phân tích và đánh giá báo cáo sự cố, tai nạn tàu bay; kiểm tra, giám sát việc khắc phục sự cố, tai nạn tàu bay và thực hiện biện pháp phòng ngừa sự cố, tai nạn tàu bay; điều tra sự cố, tai nạn tàu bay;  e) Ban hành hoặc công nhận áp dụng quy trình, tiêu chuẩn cơ sở chuyên ngành hàng không dân dụng;  g) Công bố, phát hành trong nước và quốc tế thông tin, thông báo liên quan đến hoạt động hàng không dân dụng;  h) Thực hiện thanh tra chuyên ngành hàng không dân dụng.  Chính phủ quy định chi tiết khoản này.  3. Bộ Quốc phòng có trách nhiệm quản lý và bảo vệ vùng trời Việt Nam; giám sát hoạt động bay dân dụng; phối hợp với Bộ Giao thông vận tải trong việc tổ chức và sử dụng vùng trời phục vụ hoạt động hàng không dân dụng.  4. Bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Giao thông vận tải thực hiện quản lý nhà nước về hàng không dân dụng theo quy định của Chính phủ.  5. Uỷ ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện quản lý nhà nước về hàng không dân dụng tại địa phương. | **Điều 99. Nhà chức trách hàng không Việt Nam**  1. Nhà chức trách hàng không Việt Nam do Chính phủ thành lập theo quy định của Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế (ICAO) để thực hiện trách nhiệm quản lý an toàn hàng không và nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.  2. Người đứng đầu Nhà chức trách hàng không Việt Nam tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Nhà chức trách hàng không.  3. Cảng vụ hàng không là cơ quan trực thuộc Nhà chức trách hàng không Việt Nam được thành lập để giúp Nhà chức trách hàng không Việt Nam thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Nhà chức trách hàng không Việt Nam tại các cảng hàng không, trừ cảng hàng không chuyên dùng. | Bổ sung nhằm phù hợp quy định tại Chương 3 tài liệu hướng dẫn 8335: Luật HK nên quy định việc thành lập Nhà chức trách hàng không (CAA), người đứng đầu CAA được giao quyền và có trách nhiệm xây dựng, ban hành và sửa đổi các quy chế, quy tắc hoạt động phù hợp với các quy định hàng không… |
| **209** |  | **Điều 100. Nhà chức trách an ninh hàng không Việt Nam**  1. Nhà chức trách an ninh hàng không Việt Nam chịu trách nhiệm phát triển, thực hiện và duy trì chương trình an ninh hàng không dân dụng quốc gia để phòng ngừa, ngăn chặn và đối phó với hành vi vào hoạt động hàng không dân dụng, bảo vệ an toàn cho hành khách, tổ bay, nhân viên mặt đất và dân chúng; có tính đến sự an toàn, điều hòa và hiệu quả của các chuyến bay.  2. Nhà chức trách an ninh hàng không Việt Nam có trách nhiệm điều phối hoạt động giữa các bộ, ngành và các tổ chức khác của Nhà nước, các người khai thác cảng hàng không và tàu bay, các tổ chức cung cấp dịch vụ không lưu và các thực thể khác có liên quan trong việc thực hiện các quy định của các chương trình an ninh hàng không dân dụng quốc gia và và cơ chế ủy ban an ninh và tạo thuận lợi hàng không dân dụng quốc gia. | Bổ sung nhằm phân định trách nhiệm quản lý an toàn và quản lý an ninh về hàng không dân dụng. |
| **210** | **Điều 59.** **Cảng vụ hàng không**  1.Cảng vụ hàng không là cơ quan trực thuộc Cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước chuyên ngành hàng không dân dụng, thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về hàng không dân dụng tại cảng hàng không, sân bay theo quy định của pháp luật.  2. Giám đốc Cảng vụ hàng không là người đứng đầu Cảng vụ hàng không.  3. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định cụ thể về tổ chức và hoạt động của Cảng vụ hàng không. |  | - Chuyển nội dung vào quy định về Nhà chức trách hàng không Việt Nam, thể hiện mối quan hệ giữa Nhà chức trách hàng không Việt Nam và Cảng vụ hàng không. |
| **211** | **Điều 60.** **Nhiệm vụ, quyền hạn của Cảng vụ hàng không**  1. Quản lý toàn bộ diện tích đất cảng hàng không, sân bay được giao để xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay; tổ chức thực hiện và quản lý việc xây dựng các công trình trên mặt đất, mặt nước, dưới lòng đất tại cảng hàng không, sân bay theo đúng quy hoạch và dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.  2. Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định về:  a) Việc thực hiện quy hoạch và kế hoạch phát triển cảng hàng không, sân bay;  b) Tiêu chuẩn an toàn hàng không, an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay và trong khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay;  c) Trật tự công cộng, bảo vệ môi trường tại cảng hàng không, sân bay;  d) Khai thác vận chuyển hàng không tại cảng hàng không, sân bay;  đ) Khai thác cảng hàng không, sân bay, trang bị, thiết bị kỹ thuật cảng hàng không, sân bay;  e) Cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay tại cảng hàng không, sân bay;  g) Sử dụng đất cảng hàng không, sân bay.  3. Phối hợp với doanh nghiệp cảng hàng không thực hiện phương án khẩn nguy, cứu nạn, xử lý sự cố và tai nạn tàu bay xảy ra trong khu vực cảng hàng không, sân bay và khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay.  4. Quyết định đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay.  5. Đình chỉ việc xây dựng, cải tạo công trình, lắp đặt trang bị, thiết bị, trồng cây trong khu vực cảng hàng không, sân bay; kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền đình chỉ việc xây dựng, cải tạo công trình, lắp đặt trang bị, thiết bị, trồng cây trong khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay vi phạm quy hoạch cảng hàng không, sân bay, quy định về quản lý chướng ngại vật, gây uy hiếp an toàn cho hoạt động bay tại cảng hàng không, sân bay.  6. Xử lý hành vi vi phạm pháp luật theo thẩm quyền.  7. Chuyển giao hoặc phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để giải quyết vụ việc phát sinh tại cảng hàng không, sân bay.  8. Đình chỉ thực hiện chuyến bay; yêu cầu tàu bay hạ cánh tại cảng hàng không, sân bay; khám xét, tạm giữ tàu bay; thực hiện lệnh bắt giữ tàu bay; đình chỉ hoạt động của thành viên tổ bay không đáp ứng yêu cầu về an toàn hàng không, an ninh hàng không.  9. Thu, quản lý, sử dụng phí, lệ phí tại cảng hàng không, sân bay theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí.  10. Quản lý tài sản được Nhà nước giao.  11. Chủ trì việc sắp xếp vị trí làm việc của các cơ quan quản lý nhà nước hoạt động thường xuyên tại cảng hàng không, sân bay. |  | - Bãi bỏ, lý do: nội dung này sẽ được quy định tại văn bản hướng dẫn theo tinh thần Nghị quyết 18 và Công văn 45 |
| **212** | **Điều 61.** **Hoạt động quản lý nhà nước tại cảng hàng không, sân bay**  1. Cảng vụ hàng không và các cơ quan khác tại cảng hàng không, sân bay thực hiện các hoạt động nghiệp vụ và phối hợp giải quyết các vấn đề phát sinh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, bảo đảm an toàn, an ninh và hoạt động bình thường của cảng hàng không, sân bay.  2. Cảng vụ hàng không chủ trì, phối hợp hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước tại cảng hàng không, sân bay; triệu tập và chủ trì các cuộc họp liên tịch định kỳ hàng tháng hoặc bất thường giữa các cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức hoạt động tại cảng hàng không, sân bay.  3. Trong trường hợp các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan tại cảng hàng không, sân bay không thống nhất cách giải quyết vấn đề phát sinh, Giám đốc Cảng vụ hàng không có quyền quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định đó.  4. Trong trường hợp cảng hàng không, sân bay bị công bố là khu vực có dịch bệnh nguy hiểm, Cảng vụ hàng không phối hợp các cơ quan, tổ chức hoạt động trên địa bàn cảng hàng không, sân bay để áp dụng các biện pháp thích hợp ngăn ngừa lây lan dịch bệnh và dập tắt dịch bệnh theo sự chỉ đạo chuyên môn của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.  5. Các cơ quan quản lý nhà nước hoạt động thường xuyên tại cảng hàng không, sân bay được bố trí nơi làm việc thích hợp. | **Điều 101. Hoạt động phối hợp quản lý nhà nước tại cảng hàng không**  1. Cảng vụ hàng không và các cơ quan khác tại cảng hàng không thực hiện các hoạt động nghiệp vụ và phối hợp giải quyết các vấn đề phát sinh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, bảo đảm an toàn, an ninh và hoạt động bình thường của cảng hàng không.  2. Cảng vụ hàng không chủ trì, phối hợp hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước tại cảng hàng không; triệu tập và chủ trì các cuộc họp liên tịch định kỳ hàng tháng hoặc bất thường giữa các cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức hoạt động tại cảng hàng không.  3. Trong trường hợp cảng hàng không bị công bố là khu vực có dịch bệnh nguy hiểm, Cảng vụ hàng không phối hợp các cơ quan, tổ chức hoạt động trên địa bàn cảng hàng không để áp dụng các biện pháp thích hợp ngăn ngừa lây lan dịch bệnh và dập tắt dịch bệnh theo sự chỉ đạo chuyên môn của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền. | - Kế thừa các quy định hiện hành.  - Bãi bỏ các nội dung cụ thể, chi tiết, điều kiện và quy trình phân công trách nhiệm các cơ quan thuộc Chính phủ. Các nội dung này sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thẩn của Nghị quyết số Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. |
| **213** | **Điều 10. Thanh tra hàng không**  1. Cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước chuyên ngành hàng không dân dụng thực hiện thanh tra chuyên ngành hàng không dân dụng và có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:  a) Thanh tra việc chấp hành quy định của pháp luật về hàng không dân dụng; điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; quy tắc, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy chế, quy trình khai thác chuyên ngành hàng không dân dụng;  b) Đình chỉ hoạt động của tổ chức, cá nhân và phương tiện vi phạm quy định về an toàn hàng không, an ninh hàng không hoặc không đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện kỹ thuật an toàn hàng không, an ninh hàng không;  c) Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;  d) Tạm giữ tàu bay;  đ) Phối hợp với Thanh tra bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan hữu quan ở địa phương trong việc phát hiện, ngăn chặn, xử lý hành vi vi phạm pháp luật về hàng không dân dụng;  e) Kiến nghị áp dụng biện pháp xử lý và khắc phục những vi phạm trong hoạt động hàng không dân dụng;  g) Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.  2. Cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước chuyên ngành hàng không dân dụng tổ chức thanh tra hàng không thực hiện chức năng thanh tra theo quy định tại khoản 1 Điều này.  3. Thanh tra hàng không được trang bị đồng phục, phù hiệu và phương tiện cần thiết.  4. Tổ chức và hoạt động của Thanh tra hàng không thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về thanh tra. |  | - Bãi bỏ, lý do: tổ chức và hoạt động của cơ quan Thanh tra thực hiện theo quy định của pháp luật về Thanh tra. |
| **214** | **Điều 11. Phí, lệ phí và giá dịch vụ chuyên ngành hàng không**  1. Dịch vụ chuyên ngành hàng không bao gồm:  a) Dịch vụ hàng không là dịch vụ liên quan trực tiếp đến khai thác tàu bay, khai thác vận chuyển hàng không và hoạt động bay;  b) Dịch vụ phi hàng không là dịch vụ cung ứng tại cảng hàng không, sân bay, trên tàu bay nhưng không thuộc dịch vụ hàng không.  2. Phí, lệ phí chuyên ngành hàng không bao gồm:  a) Phí bay qua vùng trời Việt Nam, phí nhượng quyền khai thác và phí khác theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí;  b) Lệ phí cấp chứng chỉ, giấy phép, giấy chứng nhận liên quan đến hoạt động hàng không dân dụng.  3. Giá dịch vụ hàng không bao gồm:  a) Giá dịch vụ cất cánh, hạ cánh tàu bay; giá dịch vụ điều hành bay đi, đến; giá dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không; giá dịch vụ điều hành bay qua vùng thông báo bay do Việt Nam quản lý; giá dịch vụ phục vụ hành khách tại cảng hàng không, sân bay;  b) Giá dịch vụ cho thuê sân đậu tàu bay; giá dịch vụ cho thuê quầy làm thủ tục hành khách; giá dịch vụ cho thuê băng chuyền hành lý; giá dịch vụ cho thuê cầu dẫn khách lên, xuống máy bay; giá dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất trọn gói tại các cảng hàng không, sân bay; giá dịch vụ phân loại tự động hành lý đi; giá dịch vụ tra nạp xăng dầu hàng không; giá dịch vụ sử dụng hạ tầng hệ thống tra nạp ngầm cung cấp nhiên liệu tại cảng hàng không, sân bay;  c) Nhượng quyền khai thác dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay, bao gồm các dịch vụ nhượng quyền: nhà ga hành khách; nhà ga, kho hàng hóa; phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện, trang thiết bị hàng không; kỹ thuật hàng không; cung cấp suất ăn hàng không; cung cấp xăng dầu hàng không;  d) Dịch vụ hàng không khác.  4. Giá dịch vụ phi hàng không bao gồm:  a) Dịch vụ cho thuê mặt bằng, dịch vụ cơ bản thiết yếu tại cảng hàng không, sân bay;  b) Dịch vụ phi hàng không khác.  5. Bộ Tài chính quy định mức phí, lệ phí tại khoản 2 Điều này theo đề nghị của Bộ Giao thông vận tải.  6. Việc định giá của Nhà nước đối với các hàng hóa, dịch vụ quy định tại các điểm a, b và c khoản 3 và tại điểm a khoản 4 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật về giá. Doanh nghiệp thực hiện kê khai, niêm yết giá các hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này theo quy định của pháp luật về giá. | **Điều 102. Giá dịch vụ và phí, lệ phí thuộc lĩnh vực hàng không (lựa chọn Phương án theo mô hình tổ chức của Bộ Công an)**  1. Việc quản lý giá dịch vụ, phí, lệ phí thuộc lĩnh vực hàng không thực hiện theo quy định của pháp luật về giá, pháp luật về phí và lệ phí.  2. Nhà chức trách hàng không Việt Nam, Nhà chức trách an ninh hàng không Việt Nam được sử dụng nguồn phí, lệ phí thuộc lĩnh vực hàng không để lại để đảm bảo kinh phí thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về hàng không dân dụng.  **Phương án 1 (Giá dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không):**  3. Doanh nghiệp cảng hàng không, tổ chức cung cấp dịch vụ khai thác nhà ga hành khách, tổ chức cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không ủy quyền thu hộ giá dịch vụ phục vụ hành khách tại cảng hàng không, giá dịch vụ bảo đảm an ninh hành khách, hành lý với hãng hàng không và có quyền thực hiện, kiến nghị thực hiện các biện pháp bảo đảm quyền lợi của mình khi hãng hàng không vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại khoản 5 Điều này.  4. Hãng hàng không có trách nhiệm thanh toán khoản thu hộ giá dịch vụ phục vụ hành khách tại cảng hàng không và giá dịch vụ bảo đảm an ninh hành khách, hành lý cho doanh nghiệp cảng hàng không, tổ chức cung cấp dịch vụ khai thác nhà ga hành khách, tổ chức cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không theo quy định.  **Phương án 2 (phí bảo đảm an ninh hàng không):**  3. Doanh nghiệp cảng hàng không, tổ chức cung cấp dịch vụ khai thác nhà ga hành khách, tổ chức cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không ủy quyền thu hộ giá dịch vụ phục vụ hành khách tại cảng hàng không, phí bảo đảm an ninh hành khách, hành lý với hãng hàng không và có quyền thực hiện, kiến nghị thực hiện các biện pháp bảo đảm quyền lợi của mình khi hãng hàng không vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại khoản 5 Điều này.  4. Hãng hàng không có trách nhiệm thanh toán khoản thu hộ giá dịch vụ phục vụ hành khách tại cảng hàng không và phí bảo đảm an ninh hành khách, hành lý cho doanh nghiệp cảng hàng không, tổ chức cung cấp dịch vụ khai thác nhà ga hành khách, tổ chức cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không theo quy định.. | - Rà soát, sửa đổi danh mục dịch vụ trong lĩnh vực hàng không do nhà nước định giá đảm bảo đồng bộ với các quy định của pháp luật về giá, pháp luật về phí, lệ phí, phù hợp với thực tiễn hoạt động của các cơ quan, đơn vị liên quan, đặc biệt trong bối cảnh nhiệm vụ bảo đảm an ninh hàng không đã được Bộ Công an tiếp nhận  - Bổ sung nội dung quy định về việc thu hộ giá dịch vụ phục vụ hành khách tại cảng hàng không và giá/phí dịch vụ bảm đảm an ninh hành khách, hành lý đảm bảo thực hiện theo thông lệ quốc tế, đơn giản hóa thủ tục cho hành khách khi tham gia vận chuyển bằng đường hàng không và thống nhất phương thức triển khai giữa các cơ quan, đơn vị liên quan. |
|  | **CHƯƠNG XII**  **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH** | **CHƯƠNG XI**  **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH** |  |
| **215** |  | **Điều 103.** **Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số khoản, điều của các luật có liên quan**  1. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017 như sau:  a) Sửa đổi, bổ sung số thứ tự 4 Phụ lục số I Danh mục các quy hoạch ngành quốc gia ban hành kèm theo như sau:  “4. Quy hoạch mạng cảng hàng không toàn quốc (không bao gồm cảng hàng không chuyên dùng).”;  b) Sửa đổi, bổ sung số thứ tự 18 Phụ lục số II Danh mục các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành ban hành kèm theo như sau:  “18. Quy hoạch cửa khẩu; quy hoạch tuyến, ga đường sắt; quy hoạch chi tiết cảng hàng không.”;  c) Bãi bỏ số thứ tự 19 Phụ lục II.  2. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏmột số điều của Luật Giá số 16/2023/QH15 ngày 19 tháng 6 năm 2023 như sau:  a) Thay thế cụm từ “Dịch vụ cho thuê mặt bằng cảng hàng không, sân bay và dịch vụ cơ bản thiết yếu tại cảng hàng không, sân bay” tại số thứ tự 7 Phụ lục số 02 thành cụm từ “Dịch vụ cho thuê mặt bằng cảng hàng không”;  b) Thay thế cụm từ “Dịch vụ cất cánh, hạ cánh tàu bay; dịch vụ điều hành bay đi, đến; dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không và dịch vụ điều hành bay qua vùng thông báo bay do Việt Nam quản lý; dịch vụ phục vụ hành khách tại cảng hàng không” tại số thứ tự 7 Phụ lục số 02 bằng cụm từ “Dịch vụ cất cánh, hạ cánh tàu bay; dịch vụ điều hành bay đi, đến; dịch vụ điều hành bay qua vùng thông báo bay do Việt Nam quản lý; dịch vụ phục vụ hành khách tại cảng hàng không”;  c) Thay thế cụm từ “Dịch vụ cho thuê sân đậu tàu bay; dịch vụ cho thuê quầy làm thủ tục hành khách; dịch vụ cho thuê băng chuyền hành lý; dịch vụ cho thuê cầu dẫn khách lên, xuống máy bay; dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất trọn gói tại các cảng hàng không, sân bay; dịch vụ phân loại tự động hành lý đi; dịch vụ tra nạp xăng dầu hàng không; dịch vụ sử dụng hạ tầng hệ thống tra nạp ngầm cung cấp nhiên liệu tại cảng hàng không, sân bay; nhượng quyền khai thác dịch vụ hàng không tại cảng hàng không sân bay, bao gồm các dịch vụ nhượng quyền: nhà ga hành khách; nhà ga, kho hàng hóa; phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện, trang thiết bị hàng không; kỹ thuật hàng không; cung cấp suất ăn hàng không; cung cấp xăng dầu hàng không” tại số thứ tự 7 Phụ lục số 02 bằng cụm từ “Dịch vụ cho thuê sân đậu tàu bay; dịch vụ cho thuê quầy làm thủ tục hành khách; dịch vụ cho thuê băng chuyền hành lý; dịch vụ cho thuê cầu dẫn khách lên, xuống máy bay; dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất trọn gói tại các cảng hàng không; dịch vụ phân loại tự động hành lý đi; dịch vụ tra nạp xăng dầu hàng không; dịch vụ sử dụng hạ tầng hệ thống tra nạp ngầm cung cấp nhiên liệu tại cảng hàng không; nhượng quyền khai thác dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, bao gồm các dịch vụ nhượng quyền: nhà ga hành khách; nhà ga, kho hàng hóa; phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện, trang thiết bị hàng không; kỹ thuật hàng không; cung cấp suất ăn hàng không; cung cấp xăng dầu hàng không; bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang thiết bị tàu bay tại Việt Nam.”  d) Bãi bỏ khoản 1 Điều 73.  **Phương án 1:**  đ) Bổ sung dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không do Bộ Công an định giá cụ thể tại số thứ tự 7 Phụ lục số 02.  **Phương án 2:**  3. Sửa đổi, bổ sung số thứ tự 4 mục V Phụ lục số 01 Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 như sau:  “4.9: Phí bảo đảm an ninh hàng không do Bộ Tài chính quy định”. | - Rà soát, sửa đổi một số điều khoản của các luật liên quan (Luật Quy hoạch, Luật Giá, Luật Phí, lệ phí) về tên gọi và cơ quan chủ trì, phù hợp với thực tiễn hiện nay. |
| **216** | **Điều 202. Hiệu lực thi hành**  1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2007.  2. Luật này thay thế Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 26 tháng 12 năm 1991 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 20 tháng 4 năm 1995./. | **Điều 104. Hiệu lực thi hành**  1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày .. tháng … năm 20….  2. Luật này thay thế Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 21 tháng 11 năm 2014.  3. Chính phủ quy định chi tiết về tàu bay và khai thác tàu bay; quản lý hoạt động bay; quản lý, khai thác cảng hàng không; an ninh hàng không; an toàn hàng không; vận tải hàng không; Nhà chức trách hàng không Việt Nam; các hoạt động khác có liên quan đến hàng không dân dụng và hướng dẫn thực hiện Luật này. | - Quy định giao Chính phủ quy định chi tiết các chính sách lớn của Luật và hướng dẫn thi hành Luật. |